

Phụ lục I

TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN KHAI THÁC CHƯA CHẾ BIẾN THÀNH SẢN PHẨM KHÁC

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng)

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
Chương 25	Muối; lưu huỳnh; đất và đá; thạch cao, vôi và xi măng
2502.00.00	Pirít sắt chưa nung.
2503.00.00	Lưu huỳnh các loại, trừ lưu huỳnh thăng hoa, lưu huỳnh kết tủa và lưu huỳnh dạng keo.
25.04	Graphit tự nhiên.
2504.10.00	- Ở dạng bột hoặc dạng mảnh
2504.90.00	- Loại khác
25.05	Các loại cát tự nhiên, đã hoặc chưa nhuộm màu, trừ cát chứa kim loại thuộc Chương 26.
2505.10.00	- Cát oxit silic và cát thạch anh:
2505.10.00.10	- - Bột oxit silic mịn và siêu mịn có kích thước hạt từ 96µm (micrô mét) trở xuống, hàm lượng $SiO_2 \geq 97,7\%$, $Fe_2O_3 \leq 0,030\%$, độ ẩm $\leq 0,3\%$
2505.10.00.20	- - Bột oxit silic mịn có kích thước hạt từ 500 µm (micromet) trở xuống, hàm lượng $SiO_2 \geq 99,3\%$; $Fe_2O_3 \leq 0,01\%$, độ ẩm $\leq 5\%$
2505.10.00.90	- - Loại khác
2505.90.00	- Loại khác
25.06	Thạch anh (trừ cát tự nhiên); quartzite, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ được cắt, bằng cưa hoặc cách khác, thành khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông).
2506.10.00	- Thạch anh
2506.20.00	- Quartzite
2507.00.00	Cao lanh và đất sét cao lanh khác, đã hoặc chưa nung.
25.08	Đất sét khác (không kể đất sét trương nở thuộc nhóm 68.06), andalusite, kyanite và sillimanite, đã hoặc chưa nung; mullite; đất chịu lửa (chamotte) hoặc đất dinas.
2508.10.00	- Bentonite
2508.30.00	- Đất sét chịu lửa
2508.40	- Đất sét khác:
2508.40.10	- - Đất hồ (đất tẩy màu)
2508.40.90	- - Loại khác
2508.50.00	- Andalusite, kyanite và sillimanite
2508.60.00	- Mullite
2508.70.00	- Đất chịu lửa hoặc đất dinas

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
2509.00.00	Đá phấn.
25.10	Canxi phosphat tự nhiên, canxi phosphat nhôm tự nhiên và đá phấn có chứa phosphat.
2510.10	- Chưa nghiền:
2510.10.10	- - Apatit (apatite)
2510.10.90	- - Loại khác
2510.20	- Đã nghiền:
2510.20.10	- - Apatit (apatite):
2510.20.10.10	- - - Loại hạt mịn có kích thước nhỏ hơn hoặc bằng 0,25 mm
2510.20.10.20	- - - Loại hạt có kích thước trên 0,25 mm đến 15 mm
2510.20.10.90	- - - Loại khác
2510.20.90	- - Loại khác
25.11	Bari sulphat tự nhiên (barytes); bari carbonat tự nhiên (witherite), đã hoặc chưa nung, trừ bari oxit thuộc nhóm 28.16.
2511.10.00	- Bari sulphat tự nhiên (barytes)
2511.20.00	- Bari carbonat tự nhiên (witherite)
2512.00.00	Bột hóa thạch silic (ví dụ, đất tảo cát, tripolite và diatomite) và đất silic tương tự, đã hoặc chưa nung, có trọng lượng riêng biểu kiến không quá 1.
25.13	Đá bột; đá nhám; corundum tự nhiên, đá garnet tự nhiên và đá mài tự nhiên khác, đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt.
2513.10.00	- Đá bột
2513.20.00	- Đá nhám, corundum tự nhiên, đá garnet tự nhiên và đá mài tự nhiên khác
2514.00.00	Đá phiến, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt, bằng cưa hoặc cách khác, thành khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông).
25.15	Đá hoa (marble), đá travertine, ecaussine và đá vôi khác để làm tượng đài hoặc đá xây dựng có trọng lượng riêng biểu kiến từ 2,5 trở lên, và thạch cao tuyết hoa, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt, bằng cưa hay bằng cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông).
	- Đá hoa (marble) và đá travertine:
2515.11.00	- - Thô hoặc đã đẽo thô
2515.12	- - Mới chỉ cắt, bằng cưa hoặc cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông):
2515.12.10	- - - Dạng khối:
2515.12.10.10	- - - - Đá hoa trắng
2515.12.10.90	- - - - Loại khác
2515.12.20	- - - Dạng tấm
2515.20.00	- Ecaussine và đá vôi khác để làm tượng đài hoặc đá xây dựng; thạch cao tuyết hoa:
2515.20.00.10	- - Đá vôi trắng dạng khối
2515.20.00.90	- - Loại khác

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
25.16	Đá granit, đá pociia, bazan, đá cát kết (sa thạch) và đá khác để làm tượng đài hay đá xây dựng, đã hoặc chưa đẽo thô hay mới chỉ cắt bằng cưa hoặc cách khác, thành khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông).
	- Granit:
2516.11.00	- - Thô hoặc đã đẽo thô
2516.12	- - Mới chỉ cắt, bằng cưa hoặc cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông):
2516.12.10	- - - Dạng khối
2516.12.20	- - - Dạng tấm
2516.20	- Đá cát kết:
2516.20.10	- - Thô hoặc đã đẽo thô
2516.20.20	- - Mới chỉ cắt, bằng cưa hoặc cách khác, thành khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông)
2516.90.00	- Đá khác để làm tượng đài hoặc làm đá xây dựng
25.17	Đá cuội, sỏi, đá đã vỡ hoặc nghiền, chủ yếu để làm cốt bê tông, để rải đường bộ hay đường sắt hoặc đá ballast, đá cuội nhỏ và đá lửa tự nhiên (flint) khác, đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt; đá dăm từ xỉ, từ xỉ luyện kim hoặc từ phế thải công nghiệp tương tự, có hoặc không kết hợp với các vật liệu trong phần đầu của nhóm này; đá dăm trộn nhựa đường, đá ở dạng viên, mảnh và bột, làm từ các loại đá thuộc nhóm 25.15 hoặc 25.16, đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt.
2517.10.00	- Đá cuội, sỏi, đá đã vỡ hoặc nghiền, chủ yếu để làm cốt bê tông, để rải đường bộ hay đường sắt hoặc đá ballast khác, đá cuội nhỏ và đá lửa tự nhiên (flint) khác, đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt:
2517.10.00.10	- - Loại có kích cỡ đến 400 mm
2517.10.00.90	- - Loại khác
2517.20.00	- Đá dăm từ xỉ, từ xỉ luyện kim hoặc từ phế thải công nghiệp tương tự, có hoặc không kết hợp với các vật liệu của phân nhóm 2517.10
2517.30.00	- Đá dăm trộn nhựa đường
	- Đá ở dạng viên, mảnh và bột, làm từ các loại đá thuộc nhóm 25.15 hoặc 25.16, đã hoặc chưa qua xử lý nhiệt:
2517.41.00	- - Từ đá hoa (marble):
2517.41.00.20	- - - Bột cacbonat canxi được sản xuất từ loại đá thuộc nhóm 25.15, có kích thước hạt trên 0,125 mm đến dưới 1mm
2517.41.00.30	- - - Loại có kích cỡ đến 400 mm
2517.41.00.90	- - - Loại khác
2517.49.00	- - Loại khác:
2517.49.00.20	- - -Bột cacbonat canxi được sản xuất từ loại đá thuộc nhóm 25.15, có kích thước hạt trên 0,125 mm đến dưới 1mm
2517.49.00.30	- - - Loại có kích cỡ đến 400 mm
2517.49.00.90	- - - Loại khác
25.18	Dolomite, đã hoặc chưa nung hoặc thiêu kết, kể cả dolomite đã đẽo thô hay mới chỉ cắt bằng cưa hoặc các cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông).
2518.10.00	- Dolomite, chưa nung hoặc thiêu kết
2518.20.00	- Dolomite đã nung hoặc thiêu kết

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
25.19	Magiê carbonat tự nhiên (magnesite); magiê ôxít nầu chảy; magiê ôxít nung trơ (thiếu kết), có hoặc không thêm một lượng nhỏ ôxít khác trước khi thiêu kết; magiê ôxít khác, tinh khiết hoặc không tinh khiết.
2519.10.00	- Magiê carbonat tự nhiên (magnesite)
2519.90	- Loại khác:
2519.90.10	- - Magiê ôxít nầu chảy; magiê ôxít nung trơ (thiếu kết)
2519.90.90	- - Loại khác
25.20	Thạch cao; thạch cao khan; thạch cao plaster (bao gồm thạch cao nung hoặc canxi sulphat đã nung), đã hoặc chưa nhuộm màu, có hoặc không thêm một lượng nhỏ chất xúc tác hoặc chất ức chế.
2520.10.00	- Thạch cao; thạch cao khan
2520.20	- Thạch cao plaster:
2520.20.10	- - Loại phù hợp dùng trong nha khoa
2520.20.90	- - Loại khác
2521.00.00	Chất gây chảy gốc đá vôi; đá vôi và đá có chứa canxi khác, dùng để sản xuất vôi hoặc xi măng.
25.22	Vôi sống, vôi tôi và vôi thủy lực, trừ oxit canxi và hydroxit canxi thuộc nhóm 28.25.
2522.10.00	- Vôi sống
2522.20.00	- Vôi tôi
2522.30.00	- Vôi thủy lực
25.24	Amiăng.
2524.10.00	- Crocidolite
2524.90.00	- Loại khác
25.25	Mì ca, kể cả mì ca tách lớp; phế liệu mì ca.
2525.10.00	- Mì ca thô và mì ca đã tách thành tấm hoặc lớp
2525.20.00	- Bột mì ca
2525.30.00	- Phế liệu mì ca
25.26	Quặng steatit tự nhiên, đã hoặc chưa đẽo thô hoặc mới chỉ cắt, bằng cưa hoặc các cách khác, thành các khối hoặc tấm hình chữ nhật (kể cả hình vuông); talc.
2526.10.00	- Chưa nghiền, chưa làm thành bột
2526.20	- Đã nghiền hoặc làm thành bột:
2526.20.10	- - Bột talc
2526.20.90	- - Loại khác
2528.00.00	Quặng borat tự nhiên và tinh quặng borat (đã hoặc chưa nung), nhưng không kể borat tách từ nước biển tự nhiên; axit boric tự nhiên chứa không quá 85% H_3BO_3 tính theo trọng lượng khô.
25.29	Tràng thạch (đá bồ tát); loxit (leucite), nephelin và nephelin xienit; khoáng fluorite.
2529.10	- Tràng thạch (đá bồ tát):
2529.10.10	- - Potash tràng thạch; soda tràng thạch

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
2529.10.90	- - Loại khác
	- Khoáng fluorite:
2529.21.00	- - Có chứa canxi florua không quá 97% tính theo khối lượng
2529.22.00	- - Có chứa canxi florua trên 97% tính theo khối lượng
2529.30.00	- Loxit; nephelin và nephelin xenit
25.30	Các chất khoáng chưa được chi tiết hoặc ghi ở nơi khác.
2530.10.00	- Vermiculite, đá trần châu và clorit, chưa giãn nở
2530.20	- Kiezerit, epsomit (magiê sulphat tự nhiên):
2530.20.10	- - Kiezerit
2530.20.20	- - Epsomite (magiê sulphat tự nhiên)
2530.90	- Loại khác:
2530.90.10	- - Cát zircon cỡ hạt micron (zircon silicat) loại dùng làm chất cản quang
2530.90.90	- - Loại khác:
2530.90.90.10	- - - Quặng đất hiếm
2530.90.90.90	- - - Loại khác
Chương 26	Quặng, xỉ và tro
26.01	Quặng sắt và tinh quặng sắt, kể cả pirit sắt đã nung.
	- Quặng sắt và tinh quặng sắt, trừ pirit sắt đã nung:
2601.11	- - Chưa nung kết:
2601.11.10	- - - Hematite và tinh quặng hematite
2601.11.90	- - - Loại khác:
2601.11.90.10	- - - - Tinh quặng sắt hàm lượng cao ($Fe \geq 68\%$; $SiO_2 \leq 3,6\%$; $Al_2O_3 \leq 0,3\%$; $TiO_2 \leq 0,002\%$; $P \leq 0,001\%$; $CaO \leq 0,02\%$; $MgO \leq 0,4\%$; $K_2O \leq 0,01\%$; $Na_2O \leq 0,030\%$; $Cu \leq 0,002\%$; $Zn \leq 0,004\%$; $Mn \leq 0,2\%$; $MKN \leq 0,01\%$; $S \leq 0,01\%$)
2601.11.90.90	- - - - Loại khác
2601.12	- - Đã nung kết:
2601.12.10	- - - Hematite và tinh quặng hematite
2601.12.90	- - - Loại khác:
2601.12.90.10	- - - - Tinh quặng sắt hàm lượng cao ($Fe \geq 68\%$; $SiO_2 \leq 3,6\%$; $Al_2O_3 \leq 0,3\%$; $TiO_2 \leq 0,002\%$; $P \leq 0,001\%$; $CaO \leq 0,02\%$; $MgO \leq 0,4\%$; $K_2O \leq 0,01\%$; $Na_2O \leq 0,030\%$; $Cu \leq 0,002\%$; $Zn \leq 0,004\%$; $Mn \leq 0,2\%$; $MKN \leq 0,01\%$; $S \leq 0,01\%$)
2601.12.90.90	- - - - Loại khác
2601.20.00	- Pirit sắt đã nung
2602.00.00	Quặng mangan và tinh quặng mangan, kể cả quặng mangan chứa sắt và tinh quặng mangan chứa sắt với hàm lượng mangan từ 20% trở lên, tính theo trọng lượng khô.
2603.00.00	Quặng đồng và tinh quặng đồng.
26.04	Quặng niken và tinh quặng niken.
2604.00.00.10	- Quặng thô
2604.00.00.90	- Tinh quặng
26.05	Quặng coban và tinh quặng coban.

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
2605.00.00.10	- Quặng thô
2605.00.00.90	- Tinh quặng
26.06	Quặng nhôm và tinh quặng nhôm.
2606.00.00.10	- Quặng thô
2606.00.00.90	- Tinh quặng
2607.00.00	Quặng chì và tinh quặng chì.
2608.00.00	Quặng kẽm và tinh quặng kẽm.
26.09	Quặng thiếc và tinh quặng thiếc.
2609.00.00.10	- Quặng thô
2609.00.00.90	- Tinh quặng
2610.00.00	Quặng crôm và tinh quặng crôm.
26.11	Quặng vonfram và tinh quặng vonfram.
2611.00.00.10	- Quặng thô
2611.00.00.90	- Tinh quặng
26.12	Quặng urani hoặc quặng thori và tinh quặng urani hoặc tinh quặng thori.
2612.10.00	- Quặng urani và tinh quặng urani:
2612.10.00.10	- - Quặng thô
2612.10.00.90	- - Tinh quặng
2612.20.00	- Quặng thori và tinh quặng thori:
2612.20.00.10	- - Quặng thô
2612.20.00.90	- - Tinh quặng
26.13	Quặng molipden và tinh quặng molipden.
2613.10.00	- Đã nung
2613.90.00	- Loại khác:
2613.90.00.10	- - Quặng thô
2613.90.00.90	- - Tinh quặng
26.14	Quặng titan và tinh quặng titan.
2614.00.10	- Quặng inmenit và tinh quặng inmenit:
2614.00.10.10	- - Tinh quặng inmenit
2614.00.10.90	- - Loại khác
2614.00.90	- Loại khác:
2614.00.90.10	- - Tinh quặng rutil $83\% \leq \text{TiO}_2 \leq 87\%$
2614.00.90.90	- - Loại khác
26.15	Quặng niobi, tantali, vanadi hoặc zircon và tinh quặng của các loại quặng đó.
2615.10.00	- Quặng zircon và tinh quặng zircon:
2615.10.00.10	- - Quặng thô
	- - Tinh quặng:

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
2615.10.00.20	- - - Bột zircon siêu mịn cỡ hạt nhỏ hơn 75µm (micrô mét)
2615.10.00.90	- - - Loại khác
2615.90.00	- Loại khác:
	- - Niobi:
2615.90.00.10	- - - Quặng thô
2615.90.00.20	- - - Tinh quặng
	- - Loại khác:
2615.90.00.30	- - - Quặng thô
2615.90.00.90	- - - Tinh quặng
26.16	Quặng kim loại quý và tinh quặng kim loại quý.
2616.10.00	- Quặng bạc và tinh quặng bạc:
2616.10.00.10	- - Quặng thô
2616.10.00.90	- - Tinh quặng
2616.90.00	- Loại khác:
2616.90.00.10	- - Quặng vàng
	- - Loại khác:
2616.90.00.20	- - - Quặng thô
2616.90.00.90	- - - Tinh quặng
26.17	Các quặng khác và tinh quặng của các quặng đó.
2617.10.00	- Quặng antimon và tinh quặng antimon:
2617.10.00.10	- - Quặng thô
2617.10.00.90	- - Tinh quặng
2617.90.00	- Loại khác:
2617.90.00.10	- - Quặng thô
2617.90.00.90	- - Tinh quặng
2618.00.00	Xỉ hạt (xỉ cát) từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép.
2619.00.00	Xỉ, xỉ luyện kim (trừ xỉ hạt), vụn xỉ và các phế thải khác từ công nghiệp luyện sắt hoặc thép.
26.20	Xỉ, tro và cặn (trừ loại thu được từ quá trình sản xuất sắt hoặc thép), có chứa kim loại, arsen hoặc các hợp chất của chúng.
	- Chứa chủ yếu là kẽm:
2620.11.00	- - Kẽm tạp chất cứng (sten trắng kẽm)
2620.19.00	- - Loại khác
	- Chứa chủ yếu là chì:
2620.21.00	- - Cặn của xăng pha chì và cặn của hợp chất chì chống kích nổ
2620.29.00	- - Loại khác
2620.30.00	- Chứa chủ yếu là đồng
2620.40.00	- Chứa chủ yếu là nhôm
2620.60.00	- Chứa arsen, thủy ngân, tali hoặc hỗn hợp của chúng, là loại dùng để tách arsen hoặc những kim loại trên hoặc dùng để sản xuất các hợp chất hoá học của chúng
	- Loại khác:
2620.91.00	- - Chứa antimon, berily, cadimi, crom hoặc các hỗn hợp của chúng
2620.99	- - Loại khác:
2620.99.10	- - - Xi và phần chưa cháy hết (hardhead) của thiếc

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
2620.99.90	- - - Loại khác
26.21	Xỉ và tro khác, kể cả tro tảo biển (tảo bẹ); tro và cặn từ quá trình đốt rác thải đô thị.
2621.90.90	- - Loại khác
2621.90.90.10	- - - - Xi than
Chương 27	Nhiên liệu khoáng, dầu khoáng và các sản phẩm chưng cất từ chúng; các chất chứa bi-tum; các loại sáp khoáng chất
27.01	Than đá; than bánh, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá.
	- Than đá, đã hoặc chưa nghiền thành bột, nhưng chưa đóng bánh:
2701.11.00	- - Anthracite
2701.12	- - Than bi-tum:
2701.12.10	- - - Than để luyện cốc
2701.12.90	- - - Loại khác
2701.19.00	- - Than đá loại khác
2701.20.00	- Than bánh, than quả bàng và nhiên liệu rắn tương tự sản xuất từ than đá
27.02	Than non, đã hoặc chưa đóng bánh, trừ than huyền.
2702.10.00	- Than non, đã hoặc chưa nghiền thành bột, nhưng chưa đóng bánh
2702.20.00	- Than non đã đóng bánh
27.03	Than bùn (kể cả bùn rác), đã hoặc chưa đóng bánh.
2703.00.10	- Than bùn, đã hoặc chưa ép thành kiện, nhưng chưa đóng bánh
2703.00.20	- Than bùn đã đóng bánh
27.04	Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá, than non hoặc than bùn, đã hoặc chưa đóng bánh; muối bình chưng than đá.
2704.00.10	- Than cốc và than nửa cốc luyện từ than đá
2704.00.20	- Than cốc và than nửa cốc luyện từ than non hoặc than bùn
2704.00.30	- Muối bình chưng than đá
27.09	Dầu mỏ và các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum, ở dạng thô.
2709.00.10	- Dầu mỏ thô
2709.00.20	- Condensate
27.11	Khí dầu mỏ và các loại khí hydrocarbon khác.
	- Dạng hóa lỏng:
2711.11.00	- - Khí tự nhiên
2711.12.00	- - Propan
2711.13.00	- - Butan
2711.14	- - Etylen, propylen, butylen và butadien:
2711.14.10	- - - Etylen
2711.14.90	- - - Loại khác
2711.19.00	- - Loại khác
	- Dạng khí:
2711.21	- - Khí tự nhiên:
2711.21.10	- - - Loại sử dụng làm nhiên liệu động cơ

Mã hàng	Mô tả hàng hoá
2711.21.90	- - - Loại khác
2711.29.00	- - Loại khác
27.12	Vazolin (petroleum jelly); sáp parafin, sáp dầu lửa vi tinh thể, sáp than cám, ozokerite, sáp than non, sáp than bùn, sáp khoáng khác, và sản phẩm tương tự thu được từ qui trình tổng hợp hoặc qui trình khác, đã hoặc chưa nhuộm màu.
2712.10.00	- Vazolin (petroleum jelly)
2712.20.00	- Sáp parafin có hàm lượng dầu dưới 0,75% tính theo trọng lượng
2712.90	- Loại khác:
2712.90.10	- - Sáp parafin
2712.90.90	- - Loại khác
27.13	Cốc dầu mỏ, bi-tum dầu mỏ và các cặn khác từ dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc từ các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum.
	- Cốc dầu mỏ:
2713.11.00	- - Chưa nung
2713.12.00	- - Đã nung
2713.20.00	- Bi-tum dầu mỏ
2713.90.00	- Cặn khác từ dầu có nguồn gốc từ dầu mỏ hoặc từ các loại dầu thu được từ các khoáng bi-tum
27.14	Bi-tum và nhựa đường (asphalt), ở dạng tự nhiên; đá phiến sét dầu hoặc đá phiến sét bi-tum và cát hắc ín; asphaltit và đá chứa asphaltic.
2714.10.00	- Đá phiến sét dầu hoặc đá phiến sét bi-tum và cát hắc ín
2714.90.00	- Loại khác
27.15	Hỗn hợp chứa bi-tum dựa trên asphalt tự nhiên, bi-tum tự nhiên, bi-tum dầu mỏ, hắc ín khoáng chất hoặc nhựa hắc ín khoáng chất (ví dụ, matit có chứa bi-tum, cut-backs).
2715.00.10	- Chất phủ hắc ín polyurethan
2715.00.90	- Loại khác

Phụ lục II
TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN KHAI THÁC ĐÃ CHẾ BIẾN THÀNH
SẢN PHẨM KHÁC

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia
tăng)

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
Chương 25	Muối; lưu huỳnh; đất và đá; thạch cao, vôi và xi măng	
25.23	Xi măng poóc lăng, xi măng nhôm, xi măng xi (xốp), xi măng super sulphat và xi măng chịu nước (xi măng thủy lực) tương tự, đã hoặc chưa pha màu hoặc ở dạng clanhke	
2523.10	- Clanhke xi măng:	
2523.10.10	- - Loại dùng để sản xuất xi măng trắng	Có thuế XK 10%
2523.10.90	- - Loại khác	Có thuế XK 10%
Chương 28	Hoá chất vô cơ; các hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ của kim loại quý, kim loại đất hiếm, các nguyên tố phóng xạ hoặc các chất đồng vị	
28.04	Hydro, khí hiếm và các phi kim loại khác.	
2804.70.00	- Phospho:	
2804.70.00.10	- - Phospho vàng	Có thuế XK 5% và theo công văn số 6888/TCT-CS ngày 14/12/2023 của TCT (đề nghị TCT cung cấp số liệu cụ thể)
28.11	Axit vô cơ khác và các hợp chất vô cơ chứa oxy khác của các phi kim loại.	
	- Hợp chất vô cơ chứa oxy khác của phi kim loại:	
2811.22	- - Silic dioxit:	
2811.22.10	- - - Dạng bột	Theo công văn số 6888/TCT-CS ngày 14/12/2023 của TCT (đề nghị TCT cung cấp số liệu cụ thể)
28.17	Kẽm oxit; kẽm peroxit.	
2817.00.10	- Kẽm oxit:	
2817.00.10.10	- - Kẽm oxit dạng bột	Có thuế XK 5%
28.18	Corunum nhân tạo, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học; oxit nhôm; hydroxit nhôm.	
2818.20.00	- Oxit nhôm, trừ corundum nhân tạo	Có thuế XK 2%
2818.30.00	- Nhôm hydroxit	Có thuế XK 2%

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
28.23	Titan oxit.	
2823.00.00.10	- Xi titan có hàm lượng $TiO_2 \geq 85\%$, $FeO \leq 10\%$	Có thuế XK 10%
2823.00.00.20	- Xi titan có hàm lượng $70\% \leq TiO_2 < 85\%$, $FeO \leq 10\%$	Có thuế XK 10%
2823.00.00.30	- Rutile có hàm lượng $TiO_2 > 87\%$	Có thuế XK 10% và theo công văn số 6888/TCT-CS ngày 14/12/2023 của TCT (đề nghị TCT cung cấp số liệu cụ thể)
2823.00.00.40	- Inmenit hoàn nguyên có hàm lượng $TiO_2 \geq 56\%$, $FeO \leq 11\%$	Có thuế XK 10%
28.36	Carbonat; peroxocarbonat (percarbonat); amoni carbonat thương phẩm có chứa amoni carbamat.	
2836.50	- Canxi carbonat:	
2836.50.90	- - Loại khác	Theo công văn số 6888/TCT-CS ngày 14/12/2023 của TCT (đề nghị TCT cung cấp số liệu cụ thể)
28.49	Carbua, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học.	
2849.20.00	- Của silic	Theo công văn số 6888/TCT-CS ngày 14/12/2023 của TCT (đề nghị TCT cung cấp số liệu cụ thể)
Chương 71	Ngọc trai tự nhiên hoặc nuôi cấy, đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý, và các sản phẩm của chúng; đồ trang sức làm bằng chất liệu khác; tiền kim loại	
71.02	Kim cương, đã hoặc chưa được gia công, nhưng chưa được gắn hoặc nạm dát.	
7102.10.00	- Kim cương chưa được phân loại:	
7102.10.00.10	- - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hay mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua	Có thuế XK 15%
7102.10.00.90	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Kim cương công nghiệp:	
7102.21.00	- - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hoặc mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua	Có thuế XK 15%
7102.29.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Kim cương phi công nghiệp:	
7102.31.00	- - Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt, tách một cách đơn giản hoặc mới chỉ được chuốt hoặc mài sơ qua	Có thuế XK 15%
7102.39.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
71.03	Đá quý (trừ kim cương) và đá bán quý, đã hoặc chưa được gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu chuỗi,	

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
	chưa gắn hoặc nạm đá; đá quý (trừ kim cương) và đá bán quý chưa được phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển.	
7103.10	- Chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt đơn giản hoặc tạo hình thô:	
7103.10.10	- - Rubi	Có thuế XK 15%
7103.10.20	- - Ngọc bích (nephrite và jadeite)	Có thuế XK 15%
7103.10.90	- - Loại khác	Có thuế XK 15%
	- Đã gia công cách khác:	
7103.91	- - Rubi, saphia và ngọc lục bảo:	
7103.91.10	- - - Rubi	Có thuế XK 5%
7103.91.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
7103.99.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
71.04	Đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo, đã hoặc chưa gia công hoặc phân loại nhưng chưa xâu thành chuỗi, chưa gắn hoặc nạm đá; đá quý hoặc đá bán quý tổng hợp hoặc tái tạo chưa phân loại, đã được xâu thành chuỗi tạm thời để tiện vận chuyển.	
7104.10	- Thạch anh áp điện:	
7104.10.10	- - Chưa được gia công	Có thuế XK 10%
7104.10.20	- - Đã gia công	Có thuế XK 5%
	- Loại khác, chưa gia công hoặc mới chỉ được cắt đơn giản hoặc tạo hình thô:	
7104.21.00	- - Kim cương	Có thuế XK 10%
7104.29.00	- - Loại khác	Có thuế XK 10%
	- Loại khác:	
7104.91.00	- - Kim cương	Có thuế XK 5%
7104.99.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
71.05	Bụi và bột của đá quý hoặc đá bán quý tự nhiên hoặc tổng hợp.	
7105.10.00	- Của kim cương	Có thuế XK 2%
7105.90.00	- Loại khác	Có thuế XK 2%
71.06	Bạc (kể cả bạc được mạ vàng hoặc bạch kim), chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc dạng bột.	
7106.10.00	- Dạng bột	Có thuế XK 5%
	- Loại khác:	
7106.91.00	- - Chưa gia công	Có thuế XK 5%
7106.92.00	- - Dạng bán thành phẩm	Có thuế XK 5%
71.08	Vàng (kể cả vàng mạ bạch kim) chưa gia công hoặc ở dạng bán thành phẩm, hoặc ở dạng bột.	
	- Không phải dạng tiền tệ:	
7108.11.00	- - Dạng bột	Có thuế XK 2%
7108.12	- - Dạng chưa gia công khác:	
7108.12.10	- - - Dạng cục, thỏi hoặc thanh đúc	Có thuế XK 2%
7108.12.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 2%

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
7108.13.00	- - Dạng bán thành phẩm khác	Có thuế XK 2%
7108.20.00	- Dạng tiền tệ	Có thuế XK 2%
71.13	Đồ trang sức và các bộ phận của đồ trang sức, bằng kim loại quý hoặc kim loại được dát phủ kim loại quý.	
	- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
7113.19	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
7113.19.10	- - - Bộ phận	Có thuế XK 1%
7113.19.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 1%
71.14	Đồ kỹ nghệ vàng hoặc bạc và các bộ phận của đồ kỹ nghệ vàng bạc, bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.	
	- Bằng kim loại quý đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý:	
7114.19.00	- - Bằng kim loại quý khác, đã hoặc chưa mạ hoặc dát phủ kim loại quý	Có thuế XK 1%
71.15	Các sản phẩm khác bằng kim loại quý hoặc kim loại dát phủ kim loại quý.	
7115.90	- Loại khác:	
7115.90.10	- - Bằng vàng hoặc bạc	Có thuế XK 1%
Chương 72	Sắt và thép	
72.02	Hợp kim ferro.	
	- Loại khác:	
7202.99.00	- - Loại khác	Theo công văn số 6888/TCT-CS ngày 14/12/2023 của TCT (đề nghị TCT cung cấp số liệu cụ thể)
72.04	Phế liệu và mảnh vụn sắt; thỏi đúc phế liệu nấu lại từ sắt hoặc thép.	
7204.10.00	- Phế liệu và mảnh vụn của gang đúc	Có thuế XK 17%
	- Phế liệu và mảnh vụn của thép hợp kim:	
7204.21.00	- - Bằng thép không gỉ	Có thuế XK 15%
7204.29.00	- - Loại khác	Có thuế XK 17%
7204.30.00	- Phế liệu và mảnh vụn của sắt hoặc thép tráng thiếc	Có thuế XK 17%
	- Phế liệu và mảnh vụn khác:	
7204.41.00	- - Phoi tiện, phoi bào, mảnh vỡ, vảy cán, mặt cưa, mặt giũa, phoi cắt và bavia, đã hoặc chưa được ép thành khối hoặc đóng thành kiện, bánh, bó	Có thuế XK 15%
7204.49.00	- - Loại khác	Có thuế XK 17%
7204.50.00	- Thỏi đúc phế liệu nấu lại	Có thuế XK 17%
Chương 74	Đồng và các sản phẩm bằng đồng	

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
74.01	Sten đồng; đồng xi măng hoá (đồng kết tủa).	
7401.00.10	- Sten đồng	Có thuế XK 15%
7401.00.20	- Đồng xi măng hóa (đồng kết tủa)	Có thuế XK 20%
74.02	Đồng chưa tinh luyện; a-nốt đồng dùng cho điện phân tinh luyện.	
7402.00.10	- Đồng xộp (blister copper)	Có thuế XK 5%
7402.00.90	- Loại khác	Có thuế XK 5%
74.03	Đồng tinh luyện và hợp kim đồng, chưa gia công.	
	- Đồng tinh luyện:	
7403.11.00	- - Ca-tốt và các phần của ca-tốt:	
7403.11.00.10	- - - Đồng tinh luyện nguyên chất	Có thuế XK 10%
7403.11.00.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 20%
7403.12.00	- - Thanh để kéo dây	Có thuế XK 20%
7403.13.00	- - Que	Có thuế XK 20%
7403.19.00	- - Loại khác	Có thuế XK 20%
	- Hợp kim đồng:	
7403.21.00	- - Hợp kim đồng-kẽm (đồng thau)	Có thuế XK 20%
7403.22.00	- - Hợp kim đồng-thiếc (đồng thanh)	Có thuế XK 20%
7403.29.00	- - Hợp kim đồng khác (trừ các loại hợp kim đồng chủ thuộc nhóm 74.05)	Có thuế XK 20%
7404.00.00	Phế liệu và mảnh vụn của đồng.	Có thuế XK 22%
7405.00.00	Hợp kim đồng chủ.	Có thuế XK 15%
74.06	Bột và vảy đồng.	
7406.10.00	- Bột không có cấu trúc lớp	Có thuế XK 15%
7406.20.00	- Bột có cấu trúc lớp; vảy đồng	Có thuế XK 15%
74.07	Đồng ở dạng thanh, que và dạng hình.	
7407.10	- Bảng đồng tinh luyện:	
7407.10.30	- - Dạng hình	Có thuế XK 5%
	- - Dạng thanh và que:	
7407.10.41	- - - Mặt cắt ngang hình vuông hoặc hình chữ nhật	Có thuế XK 5%
7407.10.49	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Bảng hợp kim đồng:	
7407.21.00	- - Bảng hợp kim đồng-kẽm (đồng thau)	Có thuế XK 5%
7407.29.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
74.11	Các loại ống và ống dẫn bằng đồng.	
7411.10.00	- Bảng đồng tinh luyện:	
7411.10.00.90	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Bảng hợp kim đồng:	
7411.21.00	- - Bảng hợp kim đồng-kẽm (đồng thau)	Có thuế XK 5%
7411.22.00	- - Bảng hợp kim đồng-niken (đồng niken) hoặc hợp kim đồng-niken-kẽm (bạc niken)	Có thuế XK 5%

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
7411.29.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
Chương 75	Niken và các sản phẩm bằng niken	
75.01	Sten niken, oxit niken thiêu kết và các sản phẩm trung gian khác của quá trình luyện niken.	
7501.10.00	- Sten niken	Có thuế XK 5%
7501.20.00	- Oxit niken thiêu kết và các sản phẩm trung gian khác của quá trình luyện niken	Có thuế XK 5%
75.02	Niken chưa gia công.	
7502.10.00	- Niken, không hợp kim	Có thuế XK 5%
7502.20.00	- Hợp kim niken	Có thuế XK 5%
75.03	Phế liệu và mảnh vụn niken.	
7503.00.00.10	- Phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột dẻo của niken, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó	Có thuế XK 20%
7503.00.00.90	- Loại khác	Có thuế XK 22%
7504.00.00	Bột và vảy niken.	Có thuế XK 5%
75.05	Niken ở dạng thanh, que, hình và dây.	
	- Thanh, que và hình:	
7505.11.00	- - Bảng niken, không hợp kim	Có thuế XK 5%
7505.12.00	- - Bảng hợp kim niken	Có thuế XK 5%
Chương 76	Nhôm và các sản phẩm bằng nhôm	
76.01	Nhôm chưa gia công.	
7601.10.00	- Nhôm, không hợp kim	Có thuế XK 5%
7601.20.00	- Hợp kim nhôm	Có thuế XK 5%
76.02	Phế liệu và mảnh vụn nhôm.	
7602.00.00.10	- Phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột dẻo của nhôm, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó.	Có thuế XK 20%
7602.00.00.20	- Loại khác	Có thuế XK 22%
76.03	Bột và vảy nhôm.	
7603.10.00	- Bột không có cấu trúc lớp	Có thuế XK 10%
7603.20	- Bột có cấu trúc lớp; vảy nhôm:	
7603.20.10	- - Vảy nhôm	Có thuế XK 10%
7603.20.20	- - Bột có cấu trúc lớp	Có thuế XK 10%
76.04	Nhôm ở dạng thanh, que và hình.	
7604.10	- Bảng nhôm, không hợp kim:	
7604.10.10	- - Dạng thanh và que	Có thuế XK 5%
7604.10.90	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Bảng hợp kim nhôm:	

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
7604.21	-- Dạng hình rỗng:	
7604.21.10	--- Loại phù hợp để làm dàn lạnh của máy điều hoà không khí cho xe có động cơ	Có thuế XK 5%
7604.21.20	--- Thanh đệm bằng nhôm cho cửa ra vào và cửa sổ	Có thuế XK 5%
7604.21.90	--- Loại khác	Có thuế XK 5%
7604.29	-- Loại khác:	
7604.29.10	--- Dạng thanh và que được ép đùn	Có thuế XK 5%
7604.29.30	--- Dạng hình chữ Y dùng cho dây khóa kéo, ở dạng cuộn	Có thuế XK 5%
7604.29.90	--- Loại khác	Có thuế XK 5%
76.05	Dây nhôm.	
	- Bằng nhôm, không hợp kim:	
7605.11.00	-- Kích thước mặt cắt ngang lớn nhất trên 7 mm	Có thuế XK 5%
7605.19	-- Loại khác:	
7605.19.10	--- Đường kính không quá 0,0508 mm	Có thuế XK 5%
7605.19.90	--- Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Bằng hợp kim nhôm:	
7605.21.00	-- Kích thước mặt cắt ngang lớn nhất trên 7 mm	Có thuế XK 5%
7605.29	-- Loại khác:	
7605.29.10	--- Có đường kính không quá 0,254 mm	Có thuế XK 5%
7605.29.90	--- Loại khác	Có thuế XK 5%
76.06	Nhôm ở dạng tấm, lá và dải, chiều dày trên 0,2 mm.	
	- Hình chữ nhật (kể cả hình vuông):	
7606.11	-- Bằng nhôm, không hợp kim:	
	--- Dạng lá:	
7606.12.32	---- Để làm lon (kể cả đáy lon và nắp lon), dạng cuộn:	
7606.12.32.10	----- Dải nhôm cuộn	Có thuế XK 20%
Chương 78	Chì và các sản phẩm bằng chì	
78.01	Chì chưa gia công.	
7801.10.00	- Chì tinh luyện	Có thuế XK 15%
	- Loại khác:	
7801.91.00	-- Có hàm lượng antimon tính theo khối lượng là lớn nhất so với hàm lượng của các nguyên tố khác ngoài chì	Có thuế XK 15%
7801.99.00	-- Loại khác	Có thuế XK 15%
78.02	Phế liệu và mảnh vụn chì.	
7802.00.00.10	- Phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn hạt giữa, bột nghiền, bột dẻo của chì, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó.	Có thuế XK 20%
7802.00.00.90	- Loại khác	Có thuế XK 22%
78.04	Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng; bột và vảy chì.	
	- Chì ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng:	
7804.11	-- Lá, dải và lá mỏng có chiều dày (trừ phần bôi) không quá 0,2 mm:	
7804.11.10	--- Chiều dày không quá 0,15 mm	Có thuế XK 5%

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
7804.11.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
7804.19.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
7804.20.00	- Bột và vảy chì	Có thuế XK 5%
78.06	Các sản phẩm khác bằng chì.	
7806.00.20	- Thanh, que, dạng hình và dây:	
7806.00.20.10	- - Thanh, que, dạng hình	Có thuế XK 5%
Chương 79	Kẽm và các sản phẩm bằng kẽm	
79.01	Kẽm chưa gia công.	
	- Kẽm, không hợp kim:	
7901.11.00	- - Có hàm lượng kẽm từ 99,99% trở lên tính theo khối lượng:	
7901.11.00.10	- - - Dạng thỏi	Có thuế XK 10%
7901.11.00.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 10%
7901.12.00	- - Có hàm lượng kẽm dưới 99,99% tính theo khối lượng:	
7901.12.00.10	- - - Dạng thỏi	Có thuế XK 10%
7901.12.00.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 10%
7901.20.00	- Hợp kim kẽm:	
7901.20.00.10	- - Dạng thỏi	Có thuế XK 10%
7901.20.00.90	- - Loại khác	Có thuế XK 10%
79.02	Phế liệu và mảnh vụn kẽm.	
7902.00.00.10	- Phoi tiện, phoi bào, bụi xẻ, mùn mặt giữa, bột nghiền, bột dẻo của kẽm, đã hoặc chưa được đóng, ép thành khối hay thành kiện, bánh, bó.	Có thuế XK 20%
7902.00.00.90	- Loại khác	Có thuế XK 22%
79.03	Bột, bụi và vảy kẽm.	
7903.10.00	- Bụi kẽm	Có thuế XK 5%
7903.90.00	- Loại khác	Có thuế XK 5%
7904.00.00	Kẽm ở dạng thanh, que, hình và dây.	Có thuế XK 5%
79.05	Kẽm ở dạng tấm, lá, dải và lá mỏng.	
7905.00.40	- Chiều dày không quá 0,15 mm	Có thuế XK 5%
7905.00.90	- Loại khác	Có thuế XK 5%
Chương 80	Thiếc và các sản phẩm bằng thiếc	
80.01	Thiếc chưa gia công.	
8001.10.00	- Thiếc, không hợp kim:	
8001.10.00.10	- - Dạng thỏi	Có thuế XK 10%
8001.10.00.90	- - Loại khác	Có thuế XK 10%
8001.20.00	- Hợp kim thiếc:	
8001.20.00.10	- - Dạng thỏi	Có thuế XK 10%
8001.20.00.90	- - Loại khác	Có thuế XK 10%

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
80.02	Phế liệu và mảnh vụn thiếc.	
8002.00.00.10	- Phoi tiền, phoi bạc, bụi xẻ, mùn mài giữa, bột nghiền, bột dẻo của thiếc, đã hoặc chưa được ép thành khối hay đóng thành kiện, bánh, bó	Có thuế XK 20%
8002.00.00.90	- Loại khác	Có thuế XK 22%
80.03	Thiếc ở dạng thanh, que, dạng hình và dây.	
8003.00.10	- Thanh và que hàn	Có thuế XK 5%
8003.00.90	- Loại khác	Có thuế XK 5%
80.07	Các sản phẩm khác bằng thiếc.	
8007.00.30	- Lá mỏng (đã hoặc chưa in hoặc bôi trên giấy, bìa, plastic hoặc vật liệu bôi tương tự), có chiều dày (trừ phần bôi) không quá 0,2 mm; dạng bột và vảy:	
8007.00.30.10	- - Dạng bột và vảy	Có thuế XK 5%
Chương 81	Kim loại cơ bản khác; gồm kim loại; các sản phẩm của chúng	
81.01	Vonfram và các sản phẩm làm từ vonfram, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8101.10.00	- Bọt	Có thuế XK 5%
	- Loại khác:	
8101.94.00	- - Vonfram chưa gia công, kể cả thanh và que thu được từ quá trình thiêu kết	Có thuế XK 5%
8101.96.00	- - Dây	Có thuế XK 5%
8101.97.00	- - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8101.99	- - Loại khác:	
8101.99.10	- - - Thanh và que, trừ các loại thu được từ quá trình thiêu kết; dạng hình, lá, dài và lá mỏng	Có thuế XK 5%
8101.99.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
81.02	Molybden và các sản phẩm làm từ molybden, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8102.10.00	- Bọt	Có thuế XK 5%
	- Loại khác:	
8102.94.00	- - Molybden chưa gia công, kể cả thanh và que thu được từ quá trình thiêu kết	Có thuế XK 5%
8102.95.00	- - Thanh và que, trừ các loại thu được từ quá trình thiêu kết; dạng hình, lá, dài và lá mỏng	Có thuế XK 5%
8102.96.00	- - Dây	Có thuế XK 5%
8102.97.00	- - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 5%
8102.99.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
81.03	Tantan và các sản phẩm làm từ tantan, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8103.20.00	- Tantan chưa gia công, kể cả thanh và que thu được từ quá trình thiêu kết; bột	Có thuế XK 5%
8103.30.00	- Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
	- Loại khác:	

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
8103.91.00	- - Chén nung (crucible)	Có thuế XK 5%
8103.99.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
81.04	Magiê và các sản phẩm của magiê, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
	- Magiê chưa gia công:	
8104.11.00	- - Có chứa hàm lượng magiê ít nhất 99,8% tính theo khối lượng	Có thuế XK 15%
8104.19.00	- - Loại khác	Có thuế XK 15%
8104.20.00	- Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8104.30.00	- Mạt giữa, phoi tiện và hạt, đã được phân loại theo kích cỡ; bột	Có thuế XK 15%
8104.90.00	- Loại khác	Có thuế XK 15%
81.05	Coban sten và các sản phẩm trung gian khác từ luyện coban; coban và các sản phẩm bằng coban, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8105.20	- Coban sten và các sản phẩm trung gian khác từ luyện coban; coban chưa gia công; bột:	
8105.20.10	- - Coban chưa gia công	Có thuế XK 5%
8105.20.90	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
8105.30.00	- Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8105.90.00	- Loại khác	Có thuế XK 5%
81.06	Bismut và các sản phẩm làm từ bismut, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8106.10	- Chứa hàm lượng bismut trên 99,99%, tính theo khối lượng:	
8106.10.10	- - Bismut chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột:	
8106.10.10.10	- - - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8106.10.10.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
8106.10.90	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
8106.90	- Loại khác:	
8106.90.10	- - Bismut chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột:	
8106.90.10.10	- - - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8106.90.10.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
8106.90.90	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
81.08	Titan và các sản phẩm làm từ titan, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8108.20.00	- Titan chưa gia công; bột	Có thuế XK 5%
8108.30.00	- Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8108.90.00	- Loại khác	Có thuế XK 5%
81.09	Zircon và các sản phẩm làm từ zircon, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
	- Zircon chưa gia công; bột:	
8109.21.00	- - Chứa hàm lượng hafni trong zircon dưới 1/500 tính theo khối lượng	Có thuế XK 5%
8109.29.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
	- Phế liệu và mảnh vụn:	
8109.31.00	- - Chứa hàm lượng hafni trong zircon dưới 1/500 tính theo khối lượng	Có thuế XK 22%
8109.39.00	- - Loại khác	Có thuế XK 22%
	- Loại khác:	
8109.91.00	- - Chứa hàm lượng hafni trong zircon dưới 1/500 tính theo khối lượng	Có thuế XK 5%
8109.99.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
81.10	Antimon và các sản phẩm làm từ antimon, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8110.10.00	- Antimon chưa gia công; bột	Có thuế XK 5%
8110.20.00	- Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8110.90.00	- Loại khác	Có thuế XK 5%
81.11	Mangan và các sản phẩm làm từ mangan, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8111.00.10	- Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8111.00.90	- Loại khác	Có thuế XK 5%
81.12	Beryli, crôm, hafni, reni, tali, cadimi, germani, vanadi, gali, indi và niobi (columbi), và các sản phẩm từ các kim loại này, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
	- Beryli:	
8112.12.00	- - Chưa gia công; bột	Có thuế XK 5%
8112.13.00	- - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8112.19.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Crôm:	
8112.21.00	- - Chưa gia công; bột	Có thuế XK 5%
8112.22.00	- - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8112.29.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Hafni:	
8112.31.00	- - Chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột:	
8112.31.00.10	- - - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8112.31.00.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
8112.39.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Reni:	
8112.41.00	- - Chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột	
8112.41.00.10	- - - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8112.41.00.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
8112.49.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Tali:	
8112.51.00	- - Chưa gia công; bột	Có thuế XK 5%
8112.52.00	- - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8112.59.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
	- Cadimi:	
8112.61.00	- - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8112.69	- - Loại khác:	
8112.69.10	- - - Chưa gia công; bột	Có thuế XK 5%
8112.69.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%

Mã hàng	Mô tả hàng hoá	Ghi chú
	- Loại khác:	
8112.92.00	- - Chưa gia công; phế liệu và mảnh vụn; bột:	
8112.92.00.10	- - - Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8112.92.00.90	- - - Loại khác	Có thuế XK 5%
8112.99.00	- - Loại khác	Có thuế XK 5%
81.13	Gốm kim loại và các sản phẩm làm từ gốm kim loại, kể cả phế liệu và mảnh vụn.	
8113.00.00.10	- Phế liệu và mảnh vụn	Có thuế XK 22%
8113.00.00.90	- Loại khác:	Có thuế XK 5%

Phụ lục III
BẢNG KÊ HÀNG HÓA BÁN CHO KHÁCH XUẤT CẢNH TẠI KHU
VỰC CÁCH LY, CỬA HÀNG MIỄN THUẾ

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng)

- (01) Tên doanh nghiệp:
- (02) Mã số thuế:
- (03) Cửa hàng/kho chứa hàng:
- (04) Quốc gia/vùng lãnh thổ giao hàng:

STT	Thông tin người mua hàng						Thông tin hàng hóa			
	Số hóa đơn	Ngày hóa đơn	Họ tên	Quốc tịch	Số hộ chiếu/số giấy thông hành/số giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế	Ngày cấp	Tên hàng	Đơn vị tính	Số lượng	Trị giá
(05)	(06)	(07)	(08)	(09)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA DOANH NGHIỆP
(Ký tên và đóng dấu)

PHỤ LỤC IV
CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ ĐƯỢC HOÀN ĐỔI VỚI HÀNG HÓA, DỊCH VỤ XUẤT KHẨU
(Áp dụng đối với người nộp thuế vừa có hoạt động xuất khẩu, vừa có hoạt động kinh doanh nội địa)

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng)

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu tương ứng trên TK 01/giá trị gia tăng	Số tiền
1	2	3	4
1	Doanh thu xuất khẩu trong kỳ hoàn thuế trên tờ khai	Tổng chỉ tiêu [29] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn	
1.1	Doanh thu xuất khẩu đủ điều kiện phân bổ trong kỳ hoàn thuế (=1-1.2)		
1.2	Trường hợp theo quy định doanh thu của hàng hóa, dịch vụ có liên quan đến hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu sang nước thứ ba		
2	Tổng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng trong kỳ hoàn thuế	Tổng chỉ tiêu [27] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn	
3	Tỷ trọng doanh thu xuất khẩu/Tổng doanh thu (=1.1/2)		
4	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang đủ điều kiện phân bổ (=4.1-4.2-4.3-4.4)		
4.1	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang	Chỉ tiêu [22] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng lần đầu của kỳ "từ" thuộc kỳ đề nghị hoàn	
4.2	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang không phục vụ hoạt động xuất khẩu		
4.3	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang có liên quan đến hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu		
4.4	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang có liên quan đến hoạt động kinh doanh vãng lai ngoại tỉnh		
5	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đủ điều kiện phân bổ (=5.1-5.2-5.3)		
5.1	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ	Tổng chỉ tiêu [25] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn	
5.2	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ không phục vụ hoạt động xuất khẩu		
5.3	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ có liên quan đến hoạt động nhập khẩu để xuất khẩu		
6	Điều chỉnh tăng/giảm số thuế giá trị gia tăng khấu trừ kỳ trước (=6.2-6.1-6.3)		
6.1	Điều chỉnh giảm	Tổng chỉ tiêu [37] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn	
6.2	Điều chỉnh tăng	Tổng chỉ tiêu [38] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn	

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu tương ứng trên TK 01/giá trị gia tăng	Số tiền
1	2	3	4
6.3	Điều chỉnh tăng trong trường hợp không trực tiếp phục vụ cho hoạt động xuất khẩu		
7	Tổng số thuế giá trị gia tăng đầu vào cần phân bổ ($=4+5+6$)		
8	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu ($=7*3$)		
9	Thuế giá trị gia tăng đầu ra trong nước	Tổng chỉ tiêu [35] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ để nghị hoàn	
10	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá bán trong nước (đối với trường hợp không hạch toán riêng $= 4.1+5.1+6.2-6.1-8$) hoặc (đối với trường hợp hạch toán riêng được $4.2+5.2-6.3$)		
11	Số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong nước ($=9-10$)		
12	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào có liên quan đến hoạt động XK sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có)		
12.1	Trường hợp số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong nước (CT 11) < 0 thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào trực tiếp phục vụ cho hoạt động xuất khẩu đủ điều kiện được hoàn ($=8$)		
12.2	Trường hợp số thuế giá trị gia tăng phải nộp trong nước (CT 11) > 0 thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào trực tiếp phục vụ cho hoạt động xuất khẩu đủ điều kiện được hoàn ($= 8 - 10$)		
13	10% Doanh thu Xuất khẩu ($=10\% \times 1$)		
14	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá xuất khẩu để nghị hoàn thuế (nhỏ nhất giữa 12.1 hoặc 12.2 và 13)		

PHỤ LỤC V
CÁCH THỨC XÁC ĐỊNH SỐ THUẾ ĐƯỢC HOÀN ĐỔI VỚI HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA, CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỊU THUẾ
SUẤT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG 5%

(Áp dụng đối với người nộp thuế vừa có hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%, vừa có hoạt động sản xuất, kinh doanh khác)

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu tương ứng trên TK 01/giá trị gia tăng	Số tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
1	Doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5% trong kỳ hoàn thuế trên tờ khai	Tổng chỉ tiêu [30] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn		
1.1	Doanh thu hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (=1-1.2)			
1.2	Doanh thu hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không đủ điều kiện phân bổ			
2	Tổng doanh thu chịu thuế giá trị gia tăng trong kỳ hoàn thuế	Tổng chỉ tiêu [27] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn		
3	Tỷ trọng Doanh thu hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%/Tổng doanh thu (=1.1/2)			
4	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang đủ điều kiện phân bổ (=4.1-4.2-4.3)			
4.1	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang	Chỉ tiêu [22] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng lần đầu của kỳ "từ" thuộc kỳ đề nghị hoàn		
4.2	Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%			
4.3	Thuế GTGT đầu vào của kỳ trước chưa khấu trừ hết kỳ trước chuyển sang của hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% chưa bán ra trong kỳ đề nghị hoàn			
5	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đủ điều kiện phân bổ (=5.1-5.2-5.3)			
5.1	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ	Tổng chỉ tiêu [25] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ đề nghị hoàn		
5.2	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%			
5.3	Thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% chưa bán ra trong kỳ đề nghị hoàn			
6	Điều chỉnh tăng/giảm số thuế giá trị gia tăng khấu trừ kỳ trước (=6.2-6.1-6.3-6.4)			

STT	Tên chỉ tiêu	Chỉ tiêu tương ứng trên TK 01/giá trị gia tăng	Số tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
6.1	Điều chỉnh giảm	Tổng chỉ tiêu [37] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ để nghị hoàn		
6.2	Điều chỉnh tăng	Tổng chỉ tiêu [38] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ để nghị hoàn		
6.3	Điều chỉnh tăng của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%			
6.4	Điều chỉnh tăng của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% chưa bán ra trong kỳ để nghị hoàn			
7	Tổng số thuế giá trị gia tăng đầu vào cần phân bổ (=4+5+6)			
8	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (=7*3)			
9	Thuế giá trị gia tăng đầu ra	Tổng chỉ tiêu [35] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ để nghị hoàn		
9.1	Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%	< hoặc - Tổng chỉ tiêu [31] trên tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu 01/giá trị gia tăng trong kỳ để nghị hoàn		
9.2	Thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (=9-9.1)			
10	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (đối với trường hợp hạch toán riêng được = 4.2+5.2+6.3-6.1) hoặc (đối với trường hợp không hạch toán riêng được = 4.1+5.1+6.2-6.1-8)			
11	Số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (=9-10)			
12	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (nếu			

STT	Tên, chỉ tiêu	Chỉ tiêu tương ứng trên TK 01/giá trị gia tăng	Số tiền	Ghi chú
1	2	3	4	5
12.1	Trường hợp số thuế giá trị gia tăng phải nộp hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (CT 11) < 0 thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào cho hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% đủ điều kiện được hoàn (· 8)			
12.2	Trường hợp số thuế giá trị gia tăng phải nộp hoạt động sản xuất, kinh doanh khác không phục vụ hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (CT 11) > 0 thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào cho hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% đủ điều kiện được hoàn (- 8 - 10)			
13	Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% đề nghị hoàn thuế (nhỏ nhất giữa 12.1 hoặc 12.2 và 13)			

Phụ lục VI

HOÀN THUẾ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA MUA TẠI VIỆT NAM MANG THEO KHÍ XUẤT CẢNH CỦA NGƯỜI NƯỚC NGOÀI, NGƯỜI VIỆT NAM ĐỊNH CƯ Ở NƯỚC NGOÀI MANG HỘ CHIẾU HOẶC GIẤY TỜ CÓ GIÁ TRỊ ĐI LẠI QUỐC TẾ

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng)

Việc hoàn thuế đối với trường hợp người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (sau đây gọi chung là người nước ngoài) mang hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế mua hàng hóa tại Việt Nam và mang theo khi xuất cảnh quy định tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này được thực hiện như sau:

1. Hàng hóa được hoàn thuế giá trị gia tăng quy định tại Phụ lục này là hàng hóa đáp ứng quy định sau:

a) Hàng hóa không thuộc Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu theo giấy phép của Bộ Công Thương hoặc Danh mục hàng hóa xuất khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Quản lý ngoại thương và các văn bản hướng dẫn Nghị định này;

b) Hàng hóa không thuộc đối tượng cấm đưa lên tàu bay quy định tại Điều 12 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam ngày 29 tháng 6 năm 2006 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;

c) Hàng hóa không thuộc các mặt hàng được hoàn thuế giá trị gia tăng của người nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 08/2003/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn thuế giá trị gia tăng đối với cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam;

d) Hàng hóa mua tại doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế giá trị gia tăng, chưa qua sử dụng, còn nguyên đai, nguyên kiện khi mua hàng, có hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế được lập trong thời gian tối đa 60 (sáu mươi) ngày tính đến ngày người nước ngoài xuất cảnh;

đ) Trị giá hàng hóa ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế mua tại 01 (một) cửa hàng trong 01 (một) ngày (kể cả cộng gộp nhiều hóa đơn mua hàng trong cùng 01 ngày tại 01 cửa hàng) tối thiểu từ 02 (hai) triệu đồng trở lên.

2. Số tiền được hoàn thuế, đồng tiền hoàn thuế giá trị gia tăng

a) Số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn bằng 85% (tám mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền thuế giá trị gia tăng của số hàng hóa

đủ điều kiện được hoàn thuế giá trị gia tăng do người nước ngoài mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu hoàn thuế.

Ngân hàng thương mại được hưởng bằng 15% (mười lăm phần trăm) trên tổng số tiền thuế giá trị gia tăng của số hàng hóa đủ điều kiện được hoàn thuế giá trị gia tăng do người nước ngoài mang theo khi xuất cảnh qua cửa khẩu hoàn thuế;

b) Đồng tiền hoàn thuế là đồng Việt Nam. Trường hợp người nước ngoài có yêu cầu được chuyển số tiền hoàn thuế từ đồng Việt Nam sang ngoại tệ tự do chuyển đổi thì ngân hàng thương mại thực hiện bán ngoại tệ cho người nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Tỷ giá chuyển đổi là tỷ giá do ngân hàng thương mại niêm yết tại thời điểm chuyển đổi và phù hợp với quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

3. Thời điểm hoàn thuế giá trị gia tăng

a) Thời điểm hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài xuất cảnh được thực hiện ngay sau khi người nước ngoài hoàn thành thủ tục kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế tại quầy hoàn thuế của ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế và trước giờ lên tàu bay của chuyến bay hoặc tàu biển của chuyến tàu người nước ngoài xuất cảnh.

b) Cơ quan hải quan, ngân hàng thương mại có trách nhiệm bố trí cán bộ, công chức làm việc trong tất cả các ngày kể cả ngày lễ, chủ nhật và ngoài giờ làm việc hành chính để thực hiện hoàn trả tiền thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài theo quy định tại Nghị định này.

4. Hồ sơ, thủ tục hoàn thuế GTGT cho người nước ngoài khi xuất cảnh tại Sân bay (hoàn cho khách xuất cảnh)

a) Người nước ngoài xuất trình cho cơ quan hải quan tại quầy kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa, các giấy tờ sau đây:

a1) Hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh;

a2) Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế theo quy định của Bộ Tài chính;

a3) Hàng hóa.

b) Cơ quan hải quan kiểm tra thực tế hàng hóa tại quầy kiểm tra hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế, hàng hóa. Việc kiểm tra thực hiện như sau:

b1) Đối chiếu xác định từng nội dung khớp đúng giữa thông tin ghi trên hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập xuất cảnh với thông tin trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế do người nước ngoài xuất trình; thông tin hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế trên Hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế và các quy định về hàng hóa được hoàn thuế quy định tại điểm 1 Phụ lục này;

b2) Kiểm tra thực tế hàng hóa đối với hàng hóa phải kiểm tra thực tế theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

Trường hợp hàng hóa xuất trình không phù hợp với mô tả hàng hóa tại hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế hoặc hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế ghi không đầy đủ thông tin theo quy định hoặc hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế không có trên Hệ thống hóa đơn điện tử của cơ quan thuế (trừ trường hợp Hệ thống xảy ra sự cố) thì cơ quan hải quan trao đổi, xác minh với doanh nghiệp bán hàng. Trường hợp thông tin trao đổi với doanh nghiệp bán hàng không khớp đúng với thông tin hàng hóa, hóa đơn và hộ chiếu thì cơ quan hải quan từ chối hoàn thuế;

b3) Ghi kết quả kiểm tra, đóng dấu đồng ý hoàn thuế hay từ chối hoàn thuế. Trường hợp cơ quan hải quan đồng ý hoàn thuế thì xác định mặt hàng, tính số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn theo quy định tại điểm 2 Phụ lục này;

b4) Cập nhật thông tin hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài vào Hệ thống quản lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho người nước ngoài (Hệ thống) theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính, ký số.

Trường hợp, Hệ thống xảy ra sự cố, cơ quan hải quan ký, đóng dấu xác nhận đồng ý hoàn thuế hay từ chối hoàn thuế vào hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế.

5. Hoàn trả tiền thuế cho người nước ngoài

a) Sau khi hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế và hàng hóa đã được cơ quan hải quan kiểm tra, người nước ngoài có trách nhiệm xuất trình cho ngân hàng thương mại tại quầy hoàn thuế:

a1) Thẻ lên tàu bay, tàu biển;

a2) Hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan kiểm tra xác định mặt hàng, tính số tiền hoàn thuế giá trị gia tăng người nước ngoài được hoàn và đóng dấu xác nhận (bản chính).

b) Ngân hàng thương mại thực hiện:

b1) Kiểm tra thẻ lên tàu bay, tàu biển; hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế; kiểm tra trên Hệ thống thông tin về người xuất cảnh, hàng hóa, xác nhận đồng ý hoàn thuế của cơ quan hải quan và số thuế được hoàn.

Trường hợp thông tin về tên hành khách trên thẻ lên tàu bay, tàu biển không đúng với thông tin trên hóa đơn giá trị gia tăng kiêm tờ khai hoàn thuế đã được cơ quan hải quan kiểm tra, xác nhận thì ngân hàng thương mại trao đổi, xác minh với cơ quan hải quan. Trường hợp, thông tin trao đổi với cơ quan hải quan không khớp đúng với thông tin trên thẻ lên tàu bay, tàu biển thì ngân hàng thương mại từ chối hoàn thuế và thông báo trên Hệ thống để cơ quan hải quan biết;

b2) Cập nhật thông tin số hiệu, ngày tháng chuyến bay, chuyến tàu của người nước ngoài và các thông tin khác theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính vào Hệ thống hoặc trên phần mềm của ngân hàng thương mại kết nối với Hệ thống, ký số và truyền cho cơ quan hải quan;

b3) Trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài bằng tiền mặt hoặc qua thẻ quốc tế của người nước ngoài theo số tiền thuế giá trị gia tăng người nước ngoài thực tế được hoàn do cơ quan hải quan tính ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế.

Trường hợp trả tiền hoàn thuế cho người nước ngoài qua thẻ quốc tế, ngân hàng đối chiếu thông tin (tên, số thẻ) người nước ngoài đăng ký nhận tiền hoàn thuế và thẻ thực tế xuất trình để thực hiện việc hoàn thuế.

Trường hợp, Hệ thống xảy ra sự cố, ngân hàng thương mại căn cứ hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế giấy và xác nhận của cơ quan hải quan theo quy định tại tiết b4 điểm 4 Phụ lục này, thực hiện hoàn trả tiền thuế cho người nước ngoài theo quy định tại điểm 2 Phụ lục này, đồng thời ký tên, đóng dấu xác nhận đã thanh toán tiền hoàn thuế cho người nước ngoài lên hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế.

Ngay sau khi Hệ thống hoạt động bình thường, ngân hàng thương mại cập nhật các thông tin hóa đơn giá trị gia tăng kèm tờ khai hoàn thuế đã hoàn thuế trên Hệ thống hoặc phần mềm của ngân hàng thương mại kết nối với Hệ thống, ký số và truyền cho cơ quan hải quan;

b4) Trả lại người nước ngoài thẻ lên tàu bay, tàu biển;

b5) Lưu trữ hồ sơ hoàn thuế đối với chứng từ điện tử và chứng từ giấy theo quy định của pháp luật.

6. Hồ sơ, thủ tục hoàn thuế GTGT cho NHTM là đại lý hoàn thuế giá trị gia tăng cho khách xuất cảnh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Phụ lục VII
XÁC ĐỊNH TỶ TRỌNG TRỊ GIÁ TÀI NGUYÊN, KHOÁNG SẢN VÀ
CHI PHÍ NĂNG LƯỢNG TRÊN GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

(Ban hành kèm theo Nghị định số .../2025/NĐ-CP ngày tháng ... năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng)

Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên.

a) Tài nguyên, khoáng sản là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than.

b) Việc xác định tỷ trọng trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành được thực hiện theo công thức:

$$\begin{array}{l} \text{Tỷ trọng trị giá tài} \\ \text{nguyên, khoáng sản} \\ \text{và chi phí năng} \\ \text{lượng trên giá thành} \\ \text{sản xuất sản phẩm} \end{array} = \frac{\text{Trị giá tài nguyên, khoáng sản + chi phí năng} \\ \text{lượng}}{\text{Tổng giá thành sản xuất sản phẩm}} \times 100\%$$

Trong đó:

Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên, khoáng sản không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi mua đến nơi chế biến.

Chi phí năng lượng gồm: nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng.

Trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng được xác định theo giá trị ghi sổ kế toán phù hợp với Bảng tổng hợp tính giá thành sản phẩm.

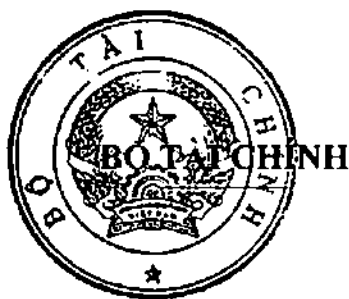
Giá thành sản xuất sản phẩm bao gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung. Các chi phí gián tiếp như chi phí bán hàng, chi phí quản lý, chi phí tài chính và chi phí khác không được tính vào giá thành sản xuất sản phẩm.

Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư



thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu.

c) Trường hợp doanh nghiệp không xuất khẩu mà bán cho doanh nghiệp khác để xuất khẩu thì doanh nghiệp mua hàng hóa này để xuất khẩu phải thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng như sản phẩm cùng loại do doanh nghiệp sản xuất trực tiếp xuất khẩu.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BẢN SO SÁNH DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH QUY ĐỊNH CHI TIẾT HƯỚNG DẪN THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA
LUẬT THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VỚI QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH**

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Nghị định này quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng về người nộp thuế, đối tượng không chịu thuế, giá tính thuế, thuế suất, phương pháp tính thuế, khấu trừ thuế, hoàn thuế và nơi nộp thuế.	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 1. Nghị định này quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. 2. Nghị định này không điều chỉnh đối với hàng hóa, dịch vụ được mua bán ở ngoài Việt Nam (trừ chuyên khẩu hàng hóa quy định tại khoản 20 Điều 3 Nghị định này). Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này.	Tại Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 chỉ giao thẩm quyền Chính phủ quy định chi tiết về giá tính thuế, phương pháp khấu trừ thuế (không giao Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết). Qua rà soát, tại Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/8/2014 của Bộ Tài chính đang hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam. Do vậy, để đảm bảo minh bạch chính sách, tránh vướng mắc trong thực hiện và trên cơ sở kế thừa các quy định đang được thực hiện ổn định từ Thông tư số 103/2014/TT-BTC, Bộ Tài chính trình Chính phủ đưa nội dung về phạm vi điều chỉnh vào dự thảo Nghị định.
Điều 2. Người nộp thuế 1. Người nộp thuế giá trị gia tăng là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng (sau	Điều 2. Người nộp thuế Người nộp thuế thực hiện theo quy định tại Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng. Một số trường hợp được quy định chi tiết như sau: 1. Người nộp thuế quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm: a) Các tổ chức được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã và	Tại khoản 6 Điều 4 Luật Thuế GTGT quy định: “6. Chính phủ quy định chi tiết các khoản 1, 4 và 5 Điều này; quy định chi tiết về người nộp thuế trong trường hợp nhà cung cấp nước ngoài cung cấp dịch vụ cho người mua là tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 4 Điều này.” Tại Điều 3 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
đây gọi là người nhập khẩu). 2. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ (kể cả trường hợp mua dịch vụ gắn với hàng hóa) của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân mua dịch vụ là người nộp thuế, trừ trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. Quy định về cơ sở thường trú và cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật thuế thu nhập cá nhân. 3. Các trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế giá trị gia tăng: a) Tổ chức, cá nhân nhận các	pháp luật kinh doanh chuyên ngành khác. b) Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác. c) Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo Luật Đầu tư; các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam. d) Doanh nghiệp chế xuất thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế. đ) Hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh; nhóm người kinh doanh độc lập. e) Người nộp thuế khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh. 2. Người nộp thuế quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng gồm: a) Nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số với tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà cung cấp nước ngoài); tổ chức là nhà quản	31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư¹ (sau đây gọi là Thông tư thuế GTGT hiện hành) hướng dẫn về người nộp thuế như sau: “Điều 3. Người nộp thuế Người nộp thuế GTGT là tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT ở Việt Nam, không phân biệt ngành nghề, hình thức, tổ chức kinh doanh (sau đây gọi là cơ sở kinh doanh) và tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa, mua dịch vụ từ nước ngoài chịu thuế GTGT (sau đây gọi là người nhập khẩu) bao gồm: 1. Các tổ chức kinh doanh được thành lập và đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp Nhà nước (nay là Luật Doanh nghiệp), Luật Hợp tác xã và pháp luật kinh doanh chuyên ngành khác; 2. Các tổ chức kinh tế của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân, tổ chức sự nghiệp và các tổ chức khác; 3. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và

¹ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 đã được sửa đổi, bổ sung bởi các Thông tư: Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/1/2014, Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015, Thông tư số 193/2015/TT-BTC ngày 24/11/2015, Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016, Thông tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28/10/2016, Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19/9/2017, Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/3/2018, Thông tư số 82/2018/TT-BTC ngày 30/8/2018, Thông tư số 43/2021/TT-BTC ngày 11/6/2021.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
khoản thu về bồi thường, tiền thưởng, tiền hỗ trợ, tiền chuyển nhượng quyền phát thải và các khoản thu tài chính khác. b) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam, bao gồm các trường hợp: Sửa chữa phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị (bao gồm cả vật tư, phụ tùng thay thế); quảng cáo, tiếp thị; xúc tiến đầu tư và thương mại; môi giới bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đào tạo; chia cước dịch vụ bưu chính, viễn thông quốc tế giữa Việt Nam với nước ngoài mà các dịch vụ này được thực hiện ở ngoài Việt Nam. c) Tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán tài sản. d) Tổ chức, cá nhân chuyên nhượng dự án đầu tư để sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng cho doanh nghiệp, hợp tác xã.	lý nền tảng số nước ngoài thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài; tổ chức kinh doanh tại Việt Nam áp dụng phương pháp tính thuế giá trị gia tăng là phương pháp khấu trừ thuế mua dịch vụ của nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam thông qua kênh thương mại điện tử hoặc các nền tảng số thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài. Việc thực hiện khấu trừ, nộp thay nghĩa vụ thuế phải nộp của nhà cung cấp nước ngoài của người nộp thuế quy định tại điểm này thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. b) Người nộp thuế quy định tại khoản 5 Điều 4 Luật Thuế giá trị gia tăng là tổ chức quản lý sản giao dịch thương mại điện tử, tổ chức quản lý nền tảng số có chức năng thanh toán thực hiện theo quy định của Nghị định số ... ngày ... tháng ... năm 2025 của Chính phủ về quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh.	bên nước ngoài tham gia hợp tác kinh doanh theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam (nay là Luật đầu tư); các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động kinh doanh ở Việt Nam nhưng không thành lập pháp nhân tại Việt Nam; 4. Cá nhân, hộ gia đình, nhóm người kinh doanh độc lập và các đối tượng khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhập khẩu; 5. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam mua dịch vụ (kể cả trường hợp mua dịch vụ gắn với hàng hóa) của tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức, cá nhân mua dịch vụ là người nộp thuế, trừ trường hợp không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT hướng dẫn tại khoản 2 Điều 5 Thông tư này. Quy định về cơ sở thường trú và đối tượng không cư trú thực hiện theo pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và pháp luật về thuế thu nhập cá nhân. 6. Chi nhánh của doanh nghiệp chế xuất được thành lập để hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế.” Tại Điều 4 dự thảo Nghị định quy định quản lý thuế đối với hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh (quy định chi tiết điểm b khoản 5 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
đ) Sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường được bán cho doanh nghiệp, hợp tác xã, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.		Luật Kế toán; Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Luật Quản lý thuế; Luật Thuế thu nhập cá nhân; Luật Dự trữ quốc gia; Luật Xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực thi hành từ ngày .../.../2025) quy định về việc khấu trừ, nộp thuế thay: “Điều 4. Khấu trừ, nộp thuế thay 1. Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử trong và ngoài nước thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay (bao gồm chủ sở hữu trực tiếp quản lý nền tảng thương mại điện tử hoặc người được ủy quyền quản lý nền tảng thương mại điện tử) thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo quy định của pháp luật thuế giá trị gia tăng đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu ở trong nước của hộ, cá nhân có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử. 2. Tổ chức quản lý nền tảng thương mại điện tử trong và ngoài nước thuộc đối tượng khấu trừ, nộp thuế thay (bao gồm chủ sở hữu trực tiếp quản lý nền tảng thương mại điện tử hoặc người được ủy quyền quản lý nền tảng thương mại điện tử) thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hộ, cá nhân cư trú số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trong và ngoài nước của cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử; thực hiện khấu trừ, nộp thuế thay hộ, cá nhân không cư trú số thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật thuế thu nhập cá nhân

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		đối với mỗi giao dịch cung cấp hàng hóa, dịch vụ phát sinh doanh thu trong nước của cá nhân không cư trú có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử.” Đề thống nhất với pháp luật quản lý thuế và trên cơ sở kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại Điều 2 dự thảo Nghị định
Điều 3. Đối tượng không chịu thuế Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng, khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế. 1. Đối với các sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1	Điều 3. Đối tượng không chịu thuế 1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu. Trong đó, các sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường là các sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay xát, xay vỡ mảnh, nghiền vỡ mảnh, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, xay, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, ướp muối, đóng hộp kín khí, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản	- Về sản phẩm nông sản chưa chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT Tại khoản 1 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: “1. Sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu.” Tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT, được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định² (sau đây gọi là Nghị định thuế GTGT hiện hành) quy định: “1. Đối với các sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều

² Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng, được sửa đổi, bổ sung bởi các Nghị định: Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014, Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016, Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 09/02/2017, Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017, Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/07/2022.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác. 1b. Phân bón; thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác, bao gồm các loại sản phẩm đã qua chế biến hoặc chưa qua chế biến như cám, bã, khô dầu các loại, bột cá, bột xương, bột tôm, các loại thức ăn khác dùng cho gia súc, gia cầm, thủy sản và vật nuôi khác, các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi (như premix, hoạt chất và chất mang). Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại thức ăn cho gia súc, gia cầm, thủy sản và vật nuôi khác và các chất phụ gia thức ăn chăn nuôi thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản này.	khác và các hình thức bảo quản thông thường khác. Trường hợp không xác định được thì Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm căn cứ vào quy trình sản xuất sản phẩm cây trồng, rừng trồng, chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt để xác định là sản phẩm chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường của tổ chức, cá nhân tự sản xuất, đánh bắt bán ra và ở khâu nhập khẩu theo quy định của pháp luật. 2. Sản phẩm giống vật nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, vật liệu nhân giống cây trồng theo quy định của pháp luật về trồng trọt. 3. Thức ăn chăn nuôi theo quy định của pháp luật về chăn nuôi; thức ăn thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản. 4. Sản phẩm muối được sản xuất từ nước biển, muối mỏ tự nhiên, muối tinh, muối i-ốt mà thành phần chính là Na-tri-clo-rua (NaCl). 5. Nhà ở thuộc tài sản công do Nhà nước bán cho người đang thuê. Nhà ở thuộc tài sản công theo quy định của pháp luật về nhà ở. 6. Tươi, tiêu nước; cày, bừa đất; nạo vét kênh, mương nội đồng phục vụ sản xuất nông nghiệp; dịch vụ thu hoạch sản phẩm nông nghiệp. 7. Chuyển quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. 8. Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe, bảo	5 Luật thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt, ướp muối, bảo quản lạnh và các hình thức bảo quản thông thường khác.” Tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định: “Các sản phẩm mới qua sơ chế thông thường là sản phẩm mới được làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, ướp muối, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác.” Tại điểm a khoản 3 Điều 4 Thông tư số 83/2014/TT-BTC ngày 26/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT theo Danh mục hàng hóa nhập khẩu Việt Nam hướng dẫn như sau: “a) Trường hợp là các sản phẩm qua chưa chế biến thành sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường, bao gồm các sản phẩm: mới được làm sạch, phơi, sấy khô, tách hạt, tách cọng, cắt, xay (trừ sản phẩm đã xay thuộc Chương 9, 10, 11, 12 của danh mục Biểu thuế giá trị gia tăng ban hành kèm theo Thông tư này), băm, bóc vỏ, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, vỡ mảnh, đánh bóng hạt, hồ hạt, đóng hộp kín khí hoặc được bảo quản thông thường như bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
1c. Tàu đánh bắt xa bờ; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp gồm: Máy cày; máy bừa; máy phay; máy rạch hàng; máy bạt gốc; thiết bị san phẳng đồng ruộng; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mạ thảm; máy xới, máy vun luống, máy vãi, rắc phân, bón phân; máy, bình phun thuốc bảo vệ thực vật; máy thu hoạch lúa, ngô, mía, cà phê, bông; máy thu hoạch củ, quả, rễ; máy đốn chè, máy hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ té hạt ngô; máy tẽ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy thiết bị sơ chế cà phê, thóc ứt; máy sấy nông sản (lúa, ngô, cà phê, tiêu, điều...), thủy sản; máy thu gom, bóc mía, lúa, rơm rạ trên đồng; máy áp, nờ trứng gia cầm; máy thu hoạch cỏ, máy đóng kiện rơm, cỏ; máy vắt sữa và các loại máy chuyên dùng khác. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại máy chuyên dùng khác dùng cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối	hiểm người học, các dịch vụ bảo hiểm khác liên quan đến con người; bảo hiểm vật nuôi, bảo hiểm cây trồng, các dịch vụ bảo hiểm nông nghiệp khác; bảo hiểm tàu, thuyền, trang thiết bị và các dụng cụ cần thiết khác phục vụ trực tiếp đánh bắt thủy sản; tái bảo hiểm; bảo hiểm các công trình, thiết bị dầu khí, tàu chứa dầu mang quốc tịch nước ngoài do nhà thầu dầu khí hoặc nhà thầu phụ nước ngoài thuê để hoạt động tại vùng biển Việt Nam, vùng biển chồng lấn mà Việt Nam và các quốc gia có bờ biển tiếp liền hay đối diện đã thỏa thuận đặt dưới chế độ khai thác chung. 9. Các dịch vụ tài chính, ngân hàng, kinh doanh chứng khoán, thương mại sau đây: a) Dịch vụ cấp tín dụng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng và các khoản phí được nêu cụ thể tại Hợp đồng vay vốn của Chính phủ Việt Nam với Bên cho vay nước ngoài. b) Dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng được thành lập theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. c) Kinh doanh chứng khoán bao gồm môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán. d) Chuyển nhượng vốn bao gồm chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư vào tổ	lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, bảo quản bằng muối (ướp muối, ngâm nước muối), bảo quản ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác hoặc hình thức bảo quản thông thường khác, thực hiện theo mức thuế suất (*, 5) ghi cụ thể tại Biểu thuế giá trị gia tăng ban hành kèm theo Thông tư này, trừ các trường hợp được nêu tại điểm b khoản này.” Để tránh vướng mắc trong thực hiện khi xác định thế nào là sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường, cơ quan có thẩm quyền xác định thế nào là sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường và trên cơ sở kế thừa các quy định, hướng dẫn đang thực hiện ổn định theo Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về bán nhà ở thuộc tài sản công cho người đang thuê Tại khoản 5 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: “5. Nhà ở thuộc tài sản công do Nhà nước bán cho người đang thuê.” Tại khoản 11 Điều 2 Luật Nhà ở năm 2023 quy định: “11. Nhà ở thuộc tài sản công là nhà ở thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước làm đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý.” Để thống nhất với pháp luật về nhà ở, Bộ Tài chính

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản này. 1c. Tàu đánh bắt xa bờ; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp gồm: Máy cày; máy bừa; máy phay; máy rạch hàng; máy bạt gốc; thiết bị san phẳng đồng ruộng; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mại phẩm; máy xới, máy vun luống, máy vãi, rắc phân, bón phân; máy, bình phun thuốc bảo vệ thực vật; máy thu hoạch lúa, ngô, mía, cà phê, bông; máy thu hoạch củ, quả, rễ; máy dồn chè, máy hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ té hạt ngô; máy tẽ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy thiết bị sơ chế cà phê, thóc ướt; máy sấy nông sản (lúa, ngô, cà phê, tiêu, điều...), thủy sản; máy thu gom, bóc mía, lúa, rom rạ trên đồng; máy ép, nỡ trứng gia cầm; máy thu hoạch cỏ, máy đóng kiện rom, cỏ; máy vắt sữa và các loại máy chuyên dùng khác. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các loại	chức kinh tế khác (không phân biệt có thành lập hay không thành lập pháp nhân mới), chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất, kinh doanh và doanh nghiệp mua kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp bán theo quy định của pháp luật. Chuyển nhượng vốn quy định tại điểm này không bao gồm chuyển nhượng dự án đầu tư, bán tài sản. d) Bán nợ bao gồm bán khoản phải trả và khoản phải thu. e) Kinh doanh ngoại tệ. g) Sản phẩm phái sinh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về chứng khoán và pháp luật về thương mại, bao gồm: hoán đổi lãi suất; hợp đồng kỳ hạn; hợp đồng tương lai; hợp đồng quyền chọn mua, chọn bán và sản phẩm phái sinh khác. h) Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập có chức năng mua, bán nợ để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam. 10. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y bao gồm: a) Dịch vụ y tế, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người, dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch, dịch vụ điều dưỡng sức khỏe, phục hồi chức năng cho người bệnh; dịch vụ chăm sóc	trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 5 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về chuyển quyền sử dụng đất Tại khoản 7 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>“7. Chuyển quyền sử dụng đất.”</i> Tại khoản 12 Điều 3 Luật Đất đai năm 2024 quy định: <i>“12. Chuyển quyền sử dụng đất là việc chuyển giao quyền sử dụng đất từ người này sang người khác thông qua hình thức chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, góp vốn bằng quyền sử dụng đất”.</i> Để thống nhất với pháp luật về đất đai, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 7 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về dịch vụ tài chính, ngân hàng Tại điểm b khoản 9 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>“b) Dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng;”</i> Để thống nhất với pháp luật về các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại điểm b khoản 9 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về dịch vụ tang lễ Tại khoản 11 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
máy chuyên dùng khác dùng cho sản xuất nông nghiệp thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản này. 2. Một số dịch vụ quy định tại khoản 8 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng được quy định như sau: a) Dịch vụ cấp tín dụng gồm các hình thức: - Cho vay; - Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; - Bảo lãnh; - Cho thuê tài chính; - Phát hành thẻ tín dụng; - Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; - Bán tài sản bảo đảm tiền vay, bao gồm cả trường hợp bên đi vay vốn tự bán tài sản bảo đảm theo ủy quyền của bên cho vay để trả nợ khoản vay có bảo đảm. Trường hợp người có tài sản bảo đảm không có khả năng trả nợ và	người cao tuổi, người khuyết tật; vận chuyển người bệnh, dịch vụ cho thuê phòng bệnh, giường bệnh của các cơ sở y tế; xét nghiệm, chiếu, chụp, máu và chế phẩm máu dùng cho người bệnh. Trong đó, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật bao gồm cả chăm sóc về y tế, dinh dưỡng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, vật lý trị liệu, phục hồi chức năng cho người cao tuổi, người khuyết tật. Trường hợp trong gói dịch vụ chữa bệnh theo quy định của Bộ Y tế bao gồm cả sử dụng thuốc chữa bệnh thì khoản thu từ tiền thuốc chữa bệnh nằm trong gói dịch vụ chữa bệnh cũng thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng. b) Dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho vật nuôi. 11. Dịch vụ tang lễ bao gồm dịch vụ cho thuê nhà tang lễ, xe ô tô phục vụ tang lễ, táng người chết dưới các hình thức, di chuyển mộ, chăm sóc mộ và phải do các cơ sở có chức năng kinh doanh dịch vụ tang lễ cung cấp. 12. Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo (chiếm từ 50% tổng số vốn sử dụng cho công trình trở lên; trường hợp nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo chiếm dưới 50% tổng số nguồn vốn sử dụng cho công trình thì toàn bộ giá trị công trình thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng) đối với các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các công trình văn hóa,	sau: <i>“11. Dịch vụ tang lễ.”</i> Tại điểm c khoản 11 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn về đối tượng không chịu thuế như sau: <i>“c) Dịch vụ tang lễ của các cơ sở có chức năng kinh doanh dịch vụ tang lễ bao gồm các hoạt động cho thuê nhà tang lễ, xe ô tô phục vụ tang lễ, mai táng, hỏa táng, cải táng, di chuyển mộ, chăm sóc mộ.”</i> Tại Điều 2 Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 5/4/2016 về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng quy định như sau: <i>“3. Các hình thức táng người chết bao gồm: Mai táng, hỏa táng và các hình thức táng khác.</i> <i>4. Táng là thực hiện việc lưu giữ thi hài hoặc hài cốt, tro cốt của người chết.</i> <i>5. Mai táng là thực hiện việc lưu giữ thi hài hoặc hài cốt, tro cốt của người chết ở một địa điểm dưới mặt đất.</i> <i>6. Chôn cất một lần là hình thức mai táng thi hài vĩnh viễn.</i> <i>7. Hung táng là hình thức mai táng thi hài trong một khoảng thời gian nhất định sau đó sẽ được cải táng.</i> <i>8. Cải táng là việc chuyển xương cốt từ mộ hung táng sang hình thức táng khác.</i> <i>9. Cát táng là hình thức mai táng hài cốt sau khi cải</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
phải bàn giao tài sản cho tổ chức tín dụng để xử lý tài sản bảo đảm tiền vay theo quy định của pháp luật thì không phải xuất hóa đơn giá trị gia tăng; - Cung cấp thông tin tín dụng theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước; - Hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật. b) Dịch vụ cho vay của người nộp thuế không phải là tổ chức tín dụng; c) Kinh doanh chứng khoán bao gồm: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của Sở giao dịch chứng khoán hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền	nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội. Trong đó: a) Nguồn vốn đóng góp của nhân dân bao gồm cả vốn đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân. b) Di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh quy định tại khoản này thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa. c) Công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng quy định tại khoản này bao gồm: công trình văn hóa, nghệ thuật; công trình tôn giáo, tín ngưỡng; các tòa nhà sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc của cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình phục vụ quốc phòng, an ninh. Cơ sở hạ tầng quy định tại khoản này bao gồm: Công trình cấp nước; công trình thoát nước; công trình xử lý chất thải rắn; một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình trong các cơ sở sau: công trình chiếu sáng công cộng, nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; cống, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác sử dụng cho cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật. Các công trình quy định tại điểm này được thực hiện theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. d) Đối tượng chính sách xã hội quy định tại khoản này bao gồm: Người có công theo quy định	táng hoặc lưu tro cốt sau khi hỏa táng. 10. Hỏa táng (bao gồm cả điện táng) là thực hiện việc thiêu thi hài hoặc hài cốt ở nhiệt độ cao. 17. Di chuyển nghĩa trang là thực hiện việc chuyển toàn bộ thi hài, hài cốt trong nghĩa trang đến một nghĩa trang khác được xây dựng theo quy hoạch. 18. Dịch vụ nghĩa trang bao gồm tổ chức tang lễ, mai táng; xây mộ, cải táng, chăm sóc mộ, tu sửa mộ; bảo quản, lưu giữ tro cốt và dịch vụ phục vụ việc thăm viếng, tưởng niệm. 19. Dịch vụ hỏa táng bao gồm tổ chức tang lễ, hỏa táng thi hài hoặc hài cốt và bảo quản, lưu giữ tro cốt." Đề đảm bảo chặt chẽ trong thực hiện chỉ những dịch vụ do cơ sở có chức năng kinh doanh dịch vụ tang lễ cung cấp thì thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT, trên cơ sở kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành và đồng bộ với các quy định pháp luật về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 11 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo đối với các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ công cộng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội Tại khoản 12 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
bán chứng khoán và hoạt động kinh doanh chứng khoán khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán. d) Chuyển nhượng vốn bao gồm việc chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn đã đầu tư, kể cả trường hợp bán doanh nghiệp cho doanh nghiệp khác để sản xuất kinh doanh, chuyển nhượng chứng khoán, chuyển nhượng quyền góp vốn và các hình thức chuyển nhượng vốn khác theo quy định của pháp luật. d) Bán nợ. e) Kinh doanh ngoại tệ. g) Bán tài sản bảo đảm của khoản nợ của tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng Việt Nam. 3. Dịch vụ khám, chữa bệnh quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế bao gồm cả vận chuyển, xét nghiệm, chiếu, chụp,	của pháp luật về người có công; đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 13. Hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp. Trường hợp các cơ sở dạy học, dạy nghề có các khoản thu hộ, chi hộ thì thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; hàng hóa, dịch vụ do các tổ chức, cá nhân cung cấp cho các cơ sở dạy học, dạy nghề phải chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định. 14. Phát sóng truyền thanh, truyền hình bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước. 15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin, đặc san, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách phục vụ thông tin đối ngoại, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; tiền, in tiền. Trong đó: a) Sách chính trị là sách tuyên truyền đường lối chính trị của Đảng và Nhà nước phục vụ nhiệm vụ chính trị theo chuyên đề, chủ đề, phục vụ các ngày kỷ niệm, ngày truyền thống của các tổ chức, các cấp, các ngành, địa phương; các loại sách thống kê, tuyên truyền phong trào người tốt việc tốt; sách in các bài phát biểu, nghiên cứu lý luận của lãnh	sau: <i>"12. Hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo (chiếm từ 50% tổng số vốn sử dụng cho công trình trở lên) đối với các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ cộng đồng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội."</i> Tại Phụ lục I kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng quy định như sau: Tại điểm 2 Mục I Phụ lục I quy định về công trình công cộng: <i>"2. Công trình công cộng:</i> <i>...d) Công trình văn hóa:</i> <i>Trung tâm hội nghị, nhà hát, nhà văn hóa, câu lạc bộ, rạp chiếu phim, rạp xiếc, vũ trường; các công trình di tích; bảo tàng, thư viện, triển lãm, nhà trưng bày; công trình có tính biểu trưng, nghệ thuật (tượng đài ngoài trời, cổng chào,...), công trình vui chơi, giải trí; các công trình văn hóa khác.</i> <i>đ) Công trình tôn giáo, tín ngưỡng:</i> <i>- Công trình tôn giáo: Trụ sở của tổ chức tôn giáo, chùa, nhà thờ, nhà nguyện, thánh đường, thánh thất, niệm phật đường; trường đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo; tượng đài, bia, tháp và các công trình tôn giáo khác;</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ.	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
máu và chế phẩm máu dùng cho người bệnh. Dịch vụ chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật quy định tại khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế bao gồm cả chăm sóc về y tế, dinh dưỡng và tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí, vật lý trị liệu, phục hồi chức năng cho người cao tuổi, người khuyết tật. 4. Dịch vụ duy trì vườn thú, vườn hoa, công viên, cây xanh đường phố, chiếu sáng công cộng; dịch vụ tang lễ. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế quy định tại khoản này. 5. Đối với hoạt động duy tu, sửa chữa, xây dựng các công trình quy định tại khoản 12 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng nếu có sử dụng nguồn vốn khác ngoài nguồn vốn đóng góp của nhân dân (bao gồm cả vốn đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân), vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác không vượt quá 50% tổng số	đạo Đảng và Nhà nước. b) Sách giáo khoa là sách dùng để giảng dạy và học tập trong tất cả các cấp từ mầm non đến trung học phổ thông (bao gồm cả sách tham khảo dùng cho giáo viên và học sinh phù hợp với nội dung chương trình giáo dục). c) Giáo trình là sách dùng để giảng dạy và học tập trong các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. d) Sách văn bản pháp luật là sách in các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước. đ) Sách khoa học - kỹ thuật là sách dùng để giới thiệu, hướng dẫn những kiến thức khoa học, kỹ thuật có quan hệ trực tiếp đến sản xuất và các ngành khoa học, kỹ thuật. e) Sách in bằng chữ dân tộc thiểu số bao gồm cả sách in song ngữ chữ phổ thông và chữ dân tộc thiểu số. g) Tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động là tranh, ảnh, áp phích, các loại tờ rơi, tờ gấp phục vụ cho mục đích tuyên truyền, cổ động, khẩu hiệu, ảnh lãnh tụ, Đảng kỳ, Quốc kỳ, Đoàn kỳ, Đội kỳ. h) Sách phục vụ thông tin đối ngoại, trong đó thông tin đối ngoại thực hiện theo Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại. 16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe	- Công trình tín ngưỡng: Đình, đền, am, miếu, từ đường (nhà thờ họ) và các công trình tín ngưỡng khác. ... h) Công trình trụ sở, văn phòng làm việc: - Các tòa nhà sử dụng làm trụ sở, văn phòng làm việc của cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội;..." Tại Mục III Phụ lục I quy định về công trình cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật (công trình hạ tầng kỹ thuật): "Công trình kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác sử dụng làm cơ sở, tiện ích, cấu trúc phục vụ trực tiếp cho việc khai thác, sản xuất và cung cấp nước; lưu trữ, xử lý nước và thoát nước thải; lưu trữ, xử lý các loại chất thải rắn; chiếu sáng các khu vực công cộng; chôn cất, hỏa táng, cử hành tang lễ; truyền tải thông tin; duy trì cảnh quan đô thị; cung cấp các chỗ đỗ xe công cộng, bao gồm: 1. Công trình cấp nước: Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Nhà máy nước, công trình xử lý nước sạch (kể cả xử lý bùn cặn); trạm bơm (nước thô, nước sạch hoặc tăng áp); các loại bể (tháp) chứa nước sạch; tuyến ống cấp nước (nước thô hoặc nước sạch). 2. Công trình thoát nước: Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau:

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
vốn sử dụng cho công trình thì đối tượng không chịu thuế là toàn bộ giá trị công trình. Đối tượng chính sách xã hội bao gồm: Người có công theo quy định của pháp luật về người có công; đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 6. Vận chuyển hành khách công cộng quy định tại khoản 16 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng gồm vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, xe điện (bao gồm cả tàu điện) theo các tuyến trong nội tỉnh, trong đô thị và các tuyến lân cận ngoại tỉnh theo quy định của pháp luật về giao thông. 7. Tàu bay quy định tại khoản 17 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả động cơ tàu bay. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc	buýt, tàu điện, phương tiện thủy nội địa thực hiện nội tỉnh, trong đô thị và các tuyến lân cận ngoại tỉnh có các điểm dừng đón, trả khách. 17. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí; máy bay, trực thăng, tàu lượn, giàn khoan, tàu thuyền thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê. Trong đó: Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước đã sản xuất được để làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước đã sản xuất được làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí; Danh mục máy bay, trực thăng, tàu lượn, giàn khoan, tàu thuyền thuộc loại trong nước đã sản xuất được làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc	Hồ điều hòa; trạm bơm nước mưa; công trình xử lý nước thải; trạm bơm nước thải; công trình xử lý bùn; các loại bể chứa nước mưa, nước thải; tuyến cống thoát nước mưa, cống chung; tuyến cống thoát nước thải. 3. Công trình xử lý chất thải rắn: a) Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở xử lý chất thải rắn thông thường bao gồm: Trạm trung chuyển; bãi chôn lấp rác; khu liên hợp xử lý/khu xử lý; cơ sở xử lý chất thải rắn; b) Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở xử lý chất thải nguy hại. 4. Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình trong các cơ sở sau: a) Công trình chiếu sáng công cộng (hệ thống chiếu sáng công cộng, cột đèn); b) Công viên cây xanh; c) Nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; d) Nhà để xe ô tô (ngầm và nổi); sân bãi để xe ô tô, xe máy móc, thiết bị. 5. Công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động: Một công trình độc lập, một tổ hợp các công trình hoặc một dây chuyền công nghệ trong các cơ sở sau: Nhà, trạm viễn thông, cột ăng ten, cột treo cáp, đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
loại trong nước đã sản xuất được để làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước đã sản xuất được làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; Danh mục tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước đã sản xuất được làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuê của nước ngoài sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, để cho thuê và cho thuê lại. 8. Vũ khí, khí tài chuyên dùng phục vụ quốc phòng, an ninh quy định tại khoản 18 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an chủ trì, thống nhất với Bộ Tài chính quy định cụ thể.	thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê do Bộ Tài chính ban hành. 18. Sản phẩm quốc phòng, an ninh theo danh mục do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an ban hành; sản phẩm, dịch vụ nhập khẩu phục vụ công nghiệp quốc phòng, an ninh theo danh mục do Thủ tướng Chính phủ ban hành. 19. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại. Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. Trong đó: a) Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại là hàng hóa viện trợ theo quy định của pháp luật về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại. b) Hàng hóa, dịch vụ mua trong nước để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế phải có văn bản gửi cho cơ sở bán hàng trong đó ghi rõ tên của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế mua hàng hóa, dịch vụ để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam, số lượng hoặc giá trị hàng hóa, dịch vụ mua và phải có xác nhận của các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền nhận viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại. Các cơ quan, đơn vị nhận viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại có trách nhiệm xác nhận theo đề nghị của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ	6. Cổng, bể, hào, hầm, tuy nèn kỹ thuật và kết cấu khác sử dụng cho cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật." Tại Mục III Phụ lục I quy định về công trình phục vụ quốc phòng, an ninh (công trình quốc phòng, an ninh): "Công trình có kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác sử dụng làm các cơ sở, tiện ích, cấu trúc phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh..." Tại khoản 12 Điều 4 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đối tượng không chịu thuế như sau: "12. Duy tu, sửa chữa, xây dựng bằng nguồn vốn đóng góp của nhân dân (bao gồm cả vốn đóng góp, tài trợ của tổ chức, cá nhân), vốn viện trợ nhân đạo đối với các công trình văn hóa, nghệ thuật, công trình phục vụ cộng đồng, cơ sở hạ tầng và nhà ở cho đối tượng chính sách xã hội. Trường hợp có sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác không vượt quá 50% tổng số nguồn vốn sử dụng cho công trình thì đối tượng không chịu thuế là toàn bộ giá trị công trình. Trường hợp có sử dụng nguồn vốn khác ngoài vốn đóng góp của nhân dân, vốn viện trợ nhân đạo mà nguồn vốn khác vượt quá 50% tổng số nguồn vốn sử dụng cho công trình thì toàn bộ giá trị công trình thuộc đối tượng chịu thuế GTGT. Đối tượng chính sách xã hội bao gồm: người có công theo quy định của pháp luật về người có công;

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
9. Hàng hóa nhập khẩu quy định tại khoản 19 Điều 5 của Luật Thuế giá trị gia tăng được quy định cụ thể như sau: a) Đối với hàng viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại nhập khẩu phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. b) Đối với quà tặng cho các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân thực hiện theo quy định của pháp luật về quà biếu, quà tặng. c) Định mức hàng hóa nhập khẩu là quà biếu, quà tặng cho cá nhân tại Việt Nam thực hiện theo quy định của pháp luật về quà biếu, quà tặng. d) Đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao; hàng mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế. đ) Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân	chức quốc tế. 20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau. Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài của công ty cho thuê tài chính được vận chuyển thẳng vào khu phi thuế quan để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính. Khu phi thuế quan thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. 21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, pháp luật về công nghiệp công nghệ số và pháp luật liên quan. Trường hợp chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì cơ sở kinh doanh phải tách riêng giá trị công nghệ chuyển giao, giá trị quyền sở hữu trí tuệ chuyển nhượng để xác định đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng; trường hợp không tách riêng được thì toàn bộ giá trị hợp đồng thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng.	<i>đối tượng bảo trợ xã hội hưởng trợ cấp từ ngân sách nhà nước; người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</i> Để thống nhất với pháp luật về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng và trên cơ sở kế thừa các quy định đang được thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 12 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về hoạt động dạy học, dạy nghề Tại khoản 13 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>“13. Hoạt động dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp.”</i> Tại khoản 13 Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC quy định đối tượng không chịu thuế GTGT như sau: <i>“Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học; dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao; nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp.”</i> Thực tế, các khoản tiền ăn, tiền vận chuyển mà các cơ sở dạy học thu hộ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT và các tổ chức, cá nhân cung cấp hàng hóa, dịch vụ này phải kê khai, nộp thuế GTGT theo quy định. Về bản chất thì các khoản thu hộ, chi hộ không phải là hoạt động sản xuất, kinh doanh của các cơ sở dạy học. Để tránh vướng mắc trong thực hiện, kế thừa quy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam. 10. Trường hợp chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại khoản 21 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng mà có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế giá trị gia tăng được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị. 11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác. Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên, trừ các trường hợp sau:	22. Vàng dạng thỏi, miếng chưa được chế tác thành sản phẩm mỹ nghệ, đồ trang sức hay sản phẩm khác ở khâu nhập khẩu. 23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo định hướng của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô được quy định tại Danh mục (Phụ lục I, Phụ lục II) ban hành kèm theo Nghị định này. Trong trường hợp cần thiết phải điều chỉnh sản phẩm xuất khẩu tại Danh mục (Phụ lục I, Phụ lục II) để phù hợp với bối cảnh kinh tế - xã hội trong từng thời kỳ, giao Bộ Tài chính phối hợp với các Bộ liên quan báo cáo Chính phủ xem xét, quyết định. 24. Sản phẩm nhân tạo dùng để thay thế cho bộ phận cơ thể của người bệnh, bao gồm cả sản phẩm là bộ phận cấy ghép lâu dài trong cơ thể người; nạng, xe lăn và dụng cụ chuyên dùng khác cho người khuyết tật. 25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 200 triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.	định đang được thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 13 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về hoạt động xuất bản, nhập khẩu, phát hành Tại khoản 15 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>“15. Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin, đặc san, sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách phục vụ thông tin đối ngoại, sách in bằng chữ dân tộc thiểu số và tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động, kể cả dưới dạng băng hoặc đĩa ghi tiếng, ghi hình, dữ liệu điện tử; tiền, in tiền.”</i> Tại Điều 6, Nghị định số 72/2015/NĐ-CP ngày 07/9/2015 của Chính phủ về quản lý hoạt động thông tin đối ngoại quy định: <i>“Thông tin đối ngoại bao gồm thông tin chính thức về Việt Nam, thông tin quảng bá hình ảnh Việt Nam và thông tin tình hình thế giới vào Việt Nam.”</i> Tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC đã có quy định chi tiết về sách chính trị, sách giáo khoa, giáo trình, sách văn bản pháp luật, sách khoa học - kỹ thuật, sách in bằng chữ dân tộc, tranh, ảnh, áp phích tuyên truyền cổ động. Để tránh vướng mắc khi thực hiện, kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành và quy định về hoạt động thông tin đối ngoại theo pháp luật về quản lý hoạt động thông tin đối

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng. - Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy	Trong đó, việc xác định mức doanh thu hằng năm của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. 26. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp sau: a) Quà tặng cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, đơn vị vũ trang nhân dân trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. b) Quà biếu, quà tặng trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu của tổ chức, cá nhân nước ngoài cho cá nhân Việt Nam; đồ dùng của tổ chức, cá nhân nước ngoài theo tiêu chuẩn miễn trừ ngoại giao và tài sản di chuyển trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. c) Hàng hoá mang theo người trong tiêu chuẩn hành lý miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. d) Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh là hàng hóa ủng hộ, tài trợ được các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố tiếp nhận. Các cơ quan, tổ chức tiếp nhận có trách nhiệm ban hành văn bản tiếp nhận theo đề nghị của tổ chức, cá nhân ủng	ngoại, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 15 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện, phương tiện thủy nội địa Tại khoản 16 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>“16. Vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt, tàu điện, phương tiện thủy nội địa.”</i> Tại khoản 1 Điều 3 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày 05/05/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt quy định: <i>“Vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt là hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định bằng xe buýt có các điểm dừng đón, trả khách và phương tiện chạy theo biểu đồ vận hành.”</i> Đề thống nhất với cách hiểu về vận chuyển hành khách công cộng tại Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 16 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được Tại khoản 17 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>“17. Máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học,</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng. - Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng. Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật Thuế giá trị gia tăng là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than. Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên khoáng sản không bao gồm chi phí vận	hộ, tài trợ. đ) Hàng hóa mua bán, trao đổi để phục vụ cho sản xuất, tiêu dùng của cư dân biên giới thuộc Danh mục hàng hóa mua bán, trao đổi của cư dân biên giới theo quy định của pháp luật và trong định mức miễn thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. e) Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa do cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhập khẩu bao gồm cả trường hợp ủy quyền và ủy thác nhập khẩu. 27. Cơ sở kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều này không được khấu trừ, không được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng, trừ trường hợp áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Thuế giá trị gia tăng.	<i>phát triển công nghệ; máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí; máy bay, trực thăng, tàu lượn, giàn khoan, tàu thuyền thuộc loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tạo tài sản cố định của doanh nghiệp hoặc thuê của nước ngoài để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, cho thuê."</i> Tại khoản 7 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định về đối tượng không chịu thuế như sau: <i>"7. Tàu bay quy định tại khoản 17 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả động cơ tàu bay.</i> <i>Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư thuộc loại trong nước đã sản xuất được để làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu sử dụng trực tiếp cho hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng thay thế, phương tiện vận tải chuyên dùng và vật tư thuộc loại trong nước đã sản xuất được làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu, khí đốt; Danh mục tàu bay, dàn khoan, tàu thủy thuộc loại trong nước đã sản xuất được làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu tạo tài sản cố định của doanh nghiệp, thuê của</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi mua đến nơi chế biến. Chi phí năng lượng gồm: Nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng. Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng		<i>nước ngoài sử dụng cho sản xuất, kinh doanh, để cho thuê và cho thuê lại."</i> Nghị định thuế GTGT hiện hành đã giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan ban hành Danh mục máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư,... thuộc loại trong nước đã sản xuất được để làm cơ sở phân biệt với loại trong nước chưa sản xuất được cần nhập khẩu. Do đó, kế thừa nguyên tắc xác định máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư,... thuộc loại trong nước chưa sản xuất được đang quy định tại Nghị định, Thông tư thuế GTGT hiện hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 17 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về hàng hóa để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại Tại khoản 19 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>"19. Hàng hóa nhập khẩu trong trường hợp viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại. Hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại cho Việt Nam."</i> Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam quy định về phạm vi điều chỉnh như sau: <i>"Nghị định này quy định về quản lý và sử dụng viện</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
dẫn cụ thể việc xác định tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa được chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản này. 12. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu hàng năm từ một trăm triệu đồng trở xuống. Bộ Tài chính hướng dẫn hộ, cá nhân kinh doanh có mức doanh thu từ một trăm triệu đồng trở xuống không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản này.		<i>trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam nhằm mục đích phát triển kinh tế xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại."</i> Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP quy định về nguyên tắc quản lý và sử dụng viện trợ: <i>"2. Không tiếp nhận những hàng hóa (kể cả vật tư, thiết bị) thuộc danh mục các mặt hàng cấm nhập khẩu theo quy định của pháp luật."</i> Tại Điều 1 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai quy định về phạm vi điều chỉnh như sau: <i>"Nghị định này quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam."</i> Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 50/2020/NĐ-CP quy định về nguyên tắc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ: <i>"2. Không tiếp nhận những hàng hóa không được phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, các khoản viện trợ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước và của Nhân dân."</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		Nghị định số 80/2020/NĐ-CP quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho các cơ quan, tổ chức được thành lập hợp pháp tại Việt Nam nhằm mục đích phát triển kinh tế-xã hội, hỗ trợ nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại; Nghị định số 50/2020/NĐ-CP quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam. Để thống nhất với quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng viện trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và pháp luật về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai, và cơ quan, đơn vị nhận viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại có trách nhiệm xác nhận theo đề nghị của tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế. Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 19 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về khu phi thuế quan Tại khoản 20 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>"20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>thuế quan với nhau.</i> <i>Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài của công ty cho thuê tài chính được vận chuyển thẳng vào khu phi thuế quan để cho doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính."</i> Tại khoản 1 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định như sau: <i>"1. Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu."</i> Đề thống nhất với quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và đảm bảo minh bạch chính sách, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 20 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ Tại khoản 21 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>"21. Chuyển giao công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ; chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ; sản phẩm phần mềm và dịch vụ phần mềm theo quy định của</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>pháp luật.</i>" Tại khoản 10 Điều 3 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, khoản 21 Điều 3 Thông tư 219/2013/TT-BTC quy định: <i>"Trường hợp hợp đồng chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ có kèm theo chuyển giao máy móc, thiết bị thì đối tượng không chịu thuế GTGT tính trên phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng; trường hợp không tách riêng được thì thuế GTGT được tính trên cả phần giá trị công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ chuyển giao, chuyển nhượng cùng với máy móc, thiết bị."</i> Để tránh vướng mắc trong thực hiện, kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 21 Điều 3 dự thảo Nghị định. - Về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT Tại khoản 23 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>"23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục do Chính phủ quy định phù hợp với định hướng của nhà</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô."</i> Để hạn chế xuất khẩu tài nguyên, khoáng sản thô, sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản có giá trị gia tăng thấp, đồng thời tránh phát sinh vướng mắc, minh bạch trong thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 23 Điều 5 dự thảo Nghị định. Trong đó, cơ sở và nguyên tắc xây dựng Danh mục cụ thể như sau: <i>a) Cơ sở xây dựng Danh mục</i> - Căn cứ khoản 23 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng về đối tượng không chịu thuế: <i>"23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo Danh mục do Chính phủ quy định phù hợp với định hướng của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô."</i> - Căn cứ nguyên tắc ban hành biểu thuế, thuế suất tại khoản 5 Điều 10 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: <i>"5. Áp dụng thống nhất mức thuế suất đối với hàng hóa có cùng bản chất, cấu tạo, công dụng, có tính năng kỹ thuật tương tự."</i> - Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác được xác định theo mặt hàng của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>b) Nguyên tắc xây dựng Danh mục</i> - Lấy các khoáng sản tại phần V. Khoáng sản gồm 3 chương 25, 26, 27 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, là các khoáng sản chưa chế biến thành sản phẩm khác. - Các sản phẩm của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp liên quan tại phần VI của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam ở chương 28 mà có thuế xuất khẩu lớn hơn 0%, là sản phẩm hạn chế xuất khẩu hoặc không khuyến khích xuất khẩu. - Các sản phẩm là đá quý hoặc đá bán quý, kim loại quý, kim loại được dát phủ kim loại quý tại chương 71 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam mà có thuế xuất khẩu lớn hơn 0%. - Các sản phẩm là kim loại cơ bản và các sản phẩm bằng kim loại cơ bản thuộc phần XV của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (từ chương 72 đến chương 81) mà có thuế xuất khẩu lớn hơn 0%. - Các sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên để thống nhất áp dụng đối với các tài nguyên, khoáng sản, sản phẩm có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thì không được miễn thuế xuất khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (mà Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		phù đang hướng dẫn xác định theo Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính phủ, nhưng Nghị định số 100/2016/NĐ-CP bị bãi bỏ bởi Nghị định này), trong đó bao gồm: (i) Các mặt hàng theo thống kê của cơ quan hải quan (là các mặt hàng có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên, đồng thời là mặt hàng có tỷ lệ kim ngạch xuất khẩu có thuế xuất khẩu lớn hơn 0% của sản phẩm này trong tổng số kim ngạch xuất khẩu chiếm từ 50% trở lên); (ii) Các mặt hàng theo thống kê của cơ quan thuế, có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên. - Về mức doanh thu của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh Tại khoản 25 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>“25. Hàng hóa, dịch vụ của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh có mức doanh thu hằng năm từ 200 triệu đồng trở xuống; tài sản của tổ chức, cá nhân không kinh doanh, không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng bán ra; hàng dự trữ quốc gia do cơ quan dự trữ quốc gia bán ra; các khoản thu phí, lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.”</i> Tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 40/2021/TT-BTC ngày 01/6/2021 của Bộ Tài chính đã có quy định chi tiết về việc xác định doanh thu tính thuế GTGT đối với hộ, cá nhân kinh doanh:

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>“Doanh thu tính thuế GTGT và doanh thu tính thuế TNCN đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là doanh thu bao gồm thuế (trường hợp thuộc diện chịu thuế) của toàn bộ tiền bán hàng, tiền gia công, tiền hoa hồng, tiền cung ứng dịch vụ phát sinh trong kỳ tính thuế từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, bao gồm cả các khoản thưởng, hỗ trợ đạt doanh số, khuyến mại, chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán, chi hỗ trợ bằng tiền hoặc không bằng tiền; các khoản trợ giá, phụ thu, phụ trội, phí thu thêm được hưởng theo quy định; các khoản bồi thường vi phạm hợp đồng, bồi thường khác (chỉ tính vào doanh thu tính thuế TNCN); doanh thu khác mà hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được hưởng không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.”</i> Do đó, để đồng bộ với pháp luật về quản lý thuế, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 25 Điều 5 dự thảo Nghị định. - Về hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ Tại điểm d khoản 26 Điều 5 Luật Thuế GTGT quy định như sau: <i>“d) Hàng hóa nhập khẩu ủng hộ, tài trợ cho phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh theo quy định của Chính phủ;”</i> Tại khoản 19 Điều 3 Thông tư 219/2013/TT-BTC đã có quy định chi tiết về việc xác định đối tượng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		không chịu thuế là hàng hóa nhập khẩu bao gồm: quà tặng, quà biếu, hàng nhập khẩu theo tiêu chuẩn hành lý xách tay, hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới... Tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 106/NQ-CP ngày 11/9/2021 của Chính phủ về chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu để tài trợ phục vụ phòng, chống dịch Covid-19 quy định như sau: <i>"1. Giao Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các tỉnh, thành phố ban hành văn bản phê duyệt, tiếp nhận hàng hóa tại Điều 1 nêu trên theo đề nghị của tổ chức, cá nhân, bảo đảm công khai, minh bạch, chặt chẽ, không để xảy ra việc trục lợi chính sách."</i> Để đảm bảo phù hợp với thực tiễn, kế thừa các quy định thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành đối với quà tặng, quà biếu, hàng nhập khẩu theo tiêu chuẩn hành lý xách tay, hàng hóa mua bán, trao đổi qua biên giới..., đồng thời khuyến khích doanh nghiệp chung tay đóng góp, khắc phục khó khăn do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, chiến tranh vì mục đích nhân đạo và tránh vướng mắc trong việc xác định hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để ủng hộ, tài trợ cho phòng chống thiên tai, thảm họa dịch bệnh, chiến tranh thì cần thiết quy định chi tiết cơ quan, tổ chức được tiếp nhận hàng hóa nhập khẩu này và các cơ quan, tổ chức tiếp nhận có trách nhiệm ban hành văn bản tiếp nhận. Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 26 Điều 5 dự thảo Nghị định.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Điều 4. Giá tính thuế Giá tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. 1. Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở sản xuất, kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng. Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng (+) với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy	Điều 4. Giá tính thuế Giá tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng. Một số trường hợp được quy định chi tiết như sau: 1. Đối với hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh bán ra là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; đối với hàng hóa chịu thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường là giá bán đã có thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế bảo vệ môi trường nhưng chưa có thuế giá trị gia tăng; 2. Đối với hàng hóa nhập khẩu là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu, cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và pháp luật về quản lý ngoại thương (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). a) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn thuế nhập khẩu thì giá tính thuế giá trị gia tăng là trị giá tính thuế nhập khẩu. b) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế giá trị gia tăng là trị	Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định về giá tính thuế. Tại khoản 3 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“Chính phủ quy định chi tiết Điều này”</i>. Thực hiện quy định của Luật Thuế GTGT, Bộ Tài chính đề nghị nội dung quy định chi tiết về giá tính thuế tại Điều 4 dự thảo Nghị định như sau: - Về giá tính thuế của hàng hóa nhập khẩu Tại điểm b khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“b) Đối với hàng hóa nhập khẩu là trị giá tính thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu cộng với thuế nhập khẩu cộng với các khoản thuế là thuế nhập khẩu bổ sung theo quy định của pháp luật (nếu có), cộng với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có) và cộng với thuế bảo vệ môi trường (nếu có);”</i> Tại khoản 5, 6 và 7 Điều 4 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016 của Quốc hội quy định về thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp và thuế tự vệ như sau: <i>“5. Thuế chống bán phá giá là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước.</i> <i>6. Thuế chống trợ cấp là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hóa được</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
định về giá tính thuế hàng nhập khẩu. Đối với trường hợp mua dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này giá tính thuế là giá thanh toán ghi trong hợp đồng mua dịch vụ chưa có thuế giá trị gia tăng. 2. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biểu, tặng, cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biểu, tặng, cho. Riêng biểu, tặng giấy mời (không thu tiền) xem các cuộc biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp và người mẫu, thi đấu thể thao do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép theo quy định của pháp luật thì giá tính thuế được xác định bằng không (0). Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0); trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại	giá tính thuế nhập khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế phải nộp sau khi đã được giảm. c) Trường hợp hàng hóa nhập khẩu thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng và được miễn thuế nhập khẩu, sau đó thay đổi mục đích sử dụng dẫn đến phát sinh số thuế nhập khẩu phải nộp thì phải nộp thuế giá trị gia tăng bổ sung trên số tiền thuế nhập khẩu phải nộp. 3. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biểu, tặng, cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này. Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0). Trong đó: a) Hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ là hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung ứng sử dụng cho tiêu dùng, không bao gồm: a1) Hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh như hàng hóa được xuất để chuyển kho nội bộ, xuất vật tư, bán thành phẩm, để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh trong một cơ sở kinh doanh. a2) Hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung cấp sử dụng phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả tài sản cố định do cơ	trợ cấp nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước. 7. Thuế tự vệ là thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp nhập khẩu hàng hóa quá mức vào Việt Nam gây thiệt hại nghiêm trọng hoặc đe dọa gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước hoặc ngăn cản sự hình thành của ngành sản xuất trong nước." Tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn như sau: "2. Đối với hàng hóa nhập khẩu là giá nhập tại cửa khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu (nếu có), cộng (+) với thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), cộng (+) với thuế bảo vệ môi trường (nếu có). Giá nhập tại cửa khẩu được xác định theo quy định về giá tính thuế hàng nhập khẩu. Trường hợp hàng hóa nhập khẩu được miễn, giảm thuế nhập khẩu thì giá tính thuế GTGT là giá nhập khẩu cộng (+) với thuế nhập khẩu xác định theo mức thuế phải nộp sau khi đã được miễn, giảm." Tại Điều 68 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 quy định như sau: "Điều 68. Nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại 1. Áp dụng trong phạm vi, mức độ cần thiết, hợp lý, có thời hạn nhằm bảo vệ, ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho. Hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ quy định tại khoản này là hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung ứng sử dụng cho tiêu dùng, không bao gồm hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh của cơ sở. 3.¹¹¹ Đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng. a) Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được quy định cụ thể như sau: a.1) Trường hợp được Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng bao gồm tiền sử dụng đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất và tiền bồi thường, giải	sở kinh doanh tự xây dựng, tự sản xuất). a3) Tài sản điều chuyển giữa các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc trong cơ sở kinh doanh; tài sản điều chuyển khi chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; tài sản cố định đang sử dụng, đã thực hiện trích khấu hao khi điều chuyển theo giá trị ghi trên sổ sách kế toán giữa cơ sở kinh doanh và các đơn vị thành viên do một cơ sở kinh doanh sở hữu 100% vốn hoặc giữa các đơn vị thành viên do một cơ sở kinh doanh sở hữu 100% vốn để phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng; tài sản góp vốn vào doanh nghiệp. Cơ sở kinh doanh có tài sản điều chuyển phải có lệnh điều chuyển tài sản, kèm theo bộ hồ sơ nguồn gốc tài sản. Tài sản góp vốn vào doanh nghiệp phải có: biên bản góp vốn sản xuất kinh doanh, hợp đồng liên doanh, liên kết; biên bản định giá tài sản của Hội đồng giao nhận vốn góp của các bên góp vốn (hoặc văn bản định giá của tổ chức có chức năng định giá theo quy định của pháp luật), kèm theo bộ hồ sơ về nguồn gốc tài sản. Cơ sở kinh doanh có hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm a1, a2, a3 khoản này thì không phải tính, nộp thuế giá trị gia tăng. b) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0), trừ trường hợp bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung ứng dịch vụ trước đó,	<i>hại của ngành sản xuất trong nước.</i> <i>2. Chỉ được áp dụng sau khi đã tiến hành điều tra minh bạch, công bằng, phù hợp với quy định của pháp luật và phải dựa trên các kết luận điều tra.</i> <i>3. Công bố công khai các quyết định về việc điều tra, áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại.</i> <i>4. Không thu khoản chênh lệch về thuế nếu mức thuế phòng vệ thương mại chính thức cao hơn mức thuế phòng vệ thương mại tạm thời.</i> <i>5. Hoàn lại khoản chênh lệch về thuế nếu mức thuế phòng vệ thương mại chính thức thấp hơn mức thuế phòng vệ thương mại tạm thời.</i> <i>6. Trường hợp Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định không áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại chính thức thì thuế phòng vệ thương mại tạm thời đã thu hoặc các khoản bảo đảm thanh toán thuế phòng vệ thương mại tạm thời phải được hoàn lại."</i> Bên cạnh đó, thực tế phát sinh trường hợp hàng hóa được miễn thuế nhập khẩu sau khi khai và tính nộp thuế GTGT khâu nhập khẩu thì thay đổi mục đích sử dụng dẫn đến phát sinh số thuế nhập khẩu phải nộp và làm thay đổi giá tính thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu (tăng giá tính thuế) dẫn đến số thuế GTGT phải nộp của cơ sở kinh doanh tăng so với trước đây. Do vậy, cần thiết phải quy định cách xác định số thuế GTGT phải nộp bổ sung. Để tránh vướng mắc trong thực hiện, thống nhất với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật về chống bán phá giá, pháp luật về chống trợ cấp, pháp

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
phóng mặt bằng (nếu có). a.2) Trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất trúng đấu giá. a.3) Trường hợp thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền thuê đất phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định pháp luật về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước và tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng (nếu có). Tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng quy định tại điểm a.1 và điểm a.3 khoản này là số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp theo quy định pháp luật về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước. a.4) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá	được áp dụng trong thời gian khuyến mại (khuyến mại bằng hình thức giảm giá) thì giá tính thuế là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo theo quy định của pháp luật thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại. Các hình thức khuyến mại của hàng hóa, dịch vụ khuyến mại có giá tính thuế bằng không (0) hoặc giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ bán ra không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại, cụ thể như sau: b1) Đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền thì hàng mẫu, dịch vụ mẫu có giá tính thuế bằng không (0). b2) Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền thì hàng hóa, dịch vụ tặng có giá tính thuế bằng không (0). b3) Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng hoá, phiếu sử dụng dịch vụ thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị phiếu mua hàng hoá, phiếu sử dụng dịch vụ. b4) Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương) thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ trúng thưởng theo phiếu dự thi (nếu có). b5) Bán hàng hoá, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi	luật về thuế tự vệ, pháp luật về quản lý ngoại thương, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ Tại điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“c) Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho là giá tính thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ cùng loại hoặc tương đương tại thời điểm phát sinh các hoạt động này.”</i> Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định: <i>“Hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ quy định tại khoản này là hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung ứng sử dụng cho tiêu dùng, không bao gồm hàng hóa, dịch vụ sử dụng để tiếp tục quá trình sản xuất, kinh doanh của cơ sở.”</i> Tại khoản 4 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định: <i>“4. Giá tính thuế đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng nội bộ.</i> <i>Hàng hóa luân chuyển nội bộ như hàng hóa được xuất để chuyển kho nội bộ, xuất vật tư, bán thành phẩm, để tiếp tục quá trình sản xuất trong một cơ sở sản xuất, kinh doanh hoặc hàng hóa, dịch vụ do cơ sở kinh doanh xuất hoặc cung ứng sử dụng phục vụ hoạt động kinh doanh thì không phải tính, nộp thuế GTGT.</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng. Cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng (nếu có). Trường hợp không xác định được giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng. Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng bất động sản của các tổ chức, cá nhân đã xác định giá đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015) thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng không bao gồm cơ sở hạ tầng. Trường hợp không tách được giá trị cơ sở hạ tầng tại thời điểm nhận chuyển nhượng thì giá đất	mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố thì giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ không bao gồm giá trị của hàng hóa, dịch vụ dùng để trao thưởng. b6) Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác thì giá tính thuế không bao gồm giá trị của thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác. Trường hợp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ quy định tại khoản này nhưng không thực hiện theo quy định về khuyến mại của pháp luật về thương mại thì giá tính thuế thực hiện như hàng hóa tiêu, tặng, cho quy định tại điểm a khoản này. 4. Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng. Trong đó: a) Số tiền cho thuê tài sản là giá thuê được quy định trong hợp đồng cho thuê tài sản. b) Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho thời hạn thuê thì giá tính thuế là số tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng.	<i>Trường hợp cơ sở kinh doanh tự sản xuất, xây dựng tài sản cố định (tài sản cố định tự làm) để phục vụ sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT thì khi hoàn thành, nghiệm thu, bàn giao, cơ sở kinh doanh không phải lập hóa đơn. Thuế GTGT đầu vào hình thành nên tài sản cố định tự làm được kê khai, khấu trừ theo quy định."</i> Để phù hợp với thực tiễn và kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định, Thông tư thuế GTGT hiện hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại điểm a khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại Tại điểm c khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0)."</i> Tại Điều 8, 9, 10, 11, 12, 13 và 14 Mục 2 Nghị định số 81/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động xúc tiến thương mại quy định về các hình thức khuyến mại (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 128/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2024) như sau: "Mục 2. CÁC HÌNH THỨC KHUYẾN MẠI Điều 8. Đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định tại thời điểm ký hợp đồng nhận chuyển nhượng. a.5) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá ghi trong hợp đồng góp vốn. Trường hợp giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thấp hơn giá đất nhận góp vốn thì chỉ được trừ giá đất theo giá chuyển nhượng. a.6) Trường hợp cơ sở kinh doanh bất động sản thực hiện theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT) thanh toán bằng giá trị quyền sử dụng đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá tại thời điểm ký hợp đồng BT theo quy định của pháp luật; nếu tại thời điểm ký hợp đồng BT chưa xác định được giá thì giá đất được trừ là giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định để thanh toán công trình.	5. Đối với hàng hóa bán theo phương thức trả góp, trả chậm là giá tính theo giá bán trả một lần chưa có thuế giá trị gia tăng của hàng hóa đó, không bao gồm khoản lãi trả góp, lãi trả chậm. 6. Đối với gia công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế giá trị gia tăng. Giá gia công là giá gia công theo hợp đồng gia công chưa có thuế giá trị gia tăng, bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa. 7. Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị. 8. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước (giá đất được trừ). Giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng được xác định trong một số trường hợp như sau: a) Trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (thông qua đấu giá hoặc không thông qua đấu giá), chuyển mục đích sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, điều chỉnh quyết định giao đất, điều chỉnh quyết định cho thuê đất, điều chỉnh quy	khách hàng dùng thử không phải trả tiền... <i>Điều 9. Tặng hàng hóa, cung ứng dịch vụ không thu tiền...</i> <i>Điều 10. Bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, cung ứng dịch vụ trước đó, được áp dụng trong thời gian khuyến mại đã thông báo (khuyến mại bằng hình thức giảm giá)...</i> <i>Điều 11. Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ...</i> <i>Điều 12. Bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu dự thi cho khách hàng để chọn người trao... thưởng theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (hoặc các hình thức tổ chức thi và trao thưởng khác tương đương)...</i> <i>Điều 13. Bán hàng, cung ứng dịch vụ kèm theo việc tham dự các chương trình mang tính may rủi mà việc tham gia chương trình gắn liền với việc mua hàng hóa, dịch vụ và việc trúng thưởng dựa trên sự may mắn của người tham gia theo thể lệ và giải thưởng đã công bố (chương trình khuyến mại mang tính may rủi)...</i> <i>Điều 14. Tổ chức chương trình khách hàng thường xuyên, theo đó việc tặng thưởng cho khách hàng căn cứ trên số lượng hoặc trị giá mua hàng hóa, dịch vụ mà khách hàng thực hiện được thể hiện dưới hình thức thẻ khách hàng, phiếu ghi nhận sự mua hàng hóa, dịch vụ hoặc các hình thức khác..."</i> Tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP quy định:

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
b) Trường hợp xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê, giá tính thuế giá trị gia tăng là số tiền thu được theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng trừ (-) giá đất được trừ tương ứng với tỷ lệ % số tiền thu được trên tổng giá trị hợp đồng. 4. Giá tính thuế đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam như sau: a) Đối với điện của các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy thủy điện được tính bằng 35% giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá. b) Đối với điện của các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các	hoạch chi tiết, giá hạn sử dụng đất, điều chỉnh thời hạn sử dụng đất, chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hằng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê được tính theo quy định tại Nghị định của Chính phủ về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất (chưa trừ tiền bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng về đất mà người sử dụng đất đã ứng trước (nếu có)). b) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng bất động sản là quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng khi chuyển nhượng là tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước của khu đất, thửa đất nhận chuyển nhượng, không bao gồm giá trị cơ sở hạ tầng. Cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của cơ sở hạ tầng (nếu có). c) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước. d) Trường hợp cơ sở kinh doanh thực hiện hợp đồng BT được thanh toán bằng quỹ đất thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá trị quỹ đất được thanh toán theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư. d) Trường hợp cơ sở kinh doanh xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển	<i>“Đối với hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0); trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho.”</i> Tại khoản 5 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định: <i>“5. Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại theo quy định của pháp luật về thương mại, giá tính thuế được xác định bằng không (0); trường hợp hàng hóa, dịch vụ dùng để khuyến mại nhưng không thực hiện theo quy định của pháp luật về thương mại thì phải kê khai, tính nộp thuế như hàng hóa, dịch vụ dùng để tiêu dùng nội bộ, biếu, tặng, cho.</i> <i>Một số hình thức khuyến mại cụ thể được thực hiện như sau:</i> <i>a) Đối với hình thức khuyến mại đưa hàng mẫu, cung ứng dịch vụ mẫu để khách hàng dùng thử không phải trả tiền, tặng hàng hóa cho khách hàng, cung ứng dịch vụ không thu tiền thì giá tính thuế đối với hàng mẫu, dịch vụ mẫu được xác định bằng 0.</i> <i>b) Đối với hình thức bán hàng, cung ứng dịch vụ với giá thấp hơn giá bán hàng, dịch vụ trước đó thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã giảm áp dụng trong thời gian khuyến mại đã đăng ký hoặc thông báo.</i> <i>c) Đối với các hình thức khuyến mại bán hàng, cung ứng dịch vụ có kèm theo phiếu mua hàng, phiếu sử</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy nhiệt điện là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện. Trường hợp chưa có hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá. c) Đối với điện của các công ty sản xuất điện (trừ thủy điện, nhiệt điện) hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy sản xuất điện là giá bán điện chưa có thuế giá trị gia tăng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện. Trường hợp chưa có giá bán	nhượng hoặc cho thuê, giá tính thuế giá trị gia tăng là số tiền thu được theo tiến độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng trừ (-) giá đất được trừ quy định ở các điểm a, b, c, d khoản này tương ứng với tỷ lệ % số tiền thu được trên tổng giá trị hợp đồng. e) Trường hợp cơ sở kinh doanh xây dựng nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư để bán thì giá đất được trừ tính cho 01 m² nhà để bán được xác định bằng giá đất được trừ theo quy định ở các điểm a, b, c, d khoản này chia (:) số m² sàn xây dựng không bao gồm diện tích dùng chung như hành lang, cầu thang, tầng hầm, công trình xây dựng dưới mặt đất. g) Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng bất động sản, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân quy định tại điểm b, điểm c khoản này không xác định được tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng chưa có thuế giá trị gia tăng. 9. Đối với hoạt động đại lý, môi giới mua bán hàng hóa và dịch vụ hưởng hoa hồng là tiền hoa hồng thu được từ các hoạt động này chưa có thuế giá trị gia tăng, trừ trường hợp không phải tính thuế giá trị gia tăng gồm: a) Doanh thu hàng hóa, dịch vụ nhận bán đại lý và doanh thu hoa hồng được hưởng từ hoạt động đại lý bán đúng giá quy định của bên giao đại lý hưởng hoa hồng của dịch vụ: bưu chính, viễn	<i>dụng dịch vụ thì không phải kê khai, tính thuế GTGT đối với phiếu mua hàng, phiếu sử dụng dịch vụ tặng kèm."</i> Để thống nhất với pháp luật về thương mại và trên cơ sở kế thừa các quy định đang được thực hiện ổn định tại Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết như tại điểm b khoản 3 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế của hoạt động cho thuê tài sản Tại điểm d khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"d) Đối với hoạt động cho thuê tài sản là số tiền cho thuê chưa có thuế giá trị gia tăng."</i> <i>Trường hợp cho thuê theo hình thức trả tiền thuê từng kỳ hoặc trả trước tiền thuê cho thời hạn thuê thì giá tính thuế là số tiền cho thuê trả từng kỳ hoặc trả trước cho thời hạn thuê chưa có thuế giá trị gia tăng;"</i> Tại khoản 6 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn về giá tính thuế như sau: <i>"Giá cho thuê tài sản do các bên thỏa thuận được xác định theo hợp đồng."</i> Trên cơ sở kế thừa quy định đang được thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 4 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế của gia công hàng hóa Tại điểm e khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
điện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện nêu tại điểm này thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá. 5. Đối với dịch vụ casino, trò chơi điện tử có thưởng, kinh doanh giải trí có đặt cược, là số tiền thu từ hoạt động này đã bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt trừ số tiền đã trả thưởng cho khách. 6. Giá tính thuế giá trị gia tăng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm cả phụ thu, phụ phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể giá tính thuế quy định tại Điều này.	thông, bán vé xổ số, vé máy bay, ô tô, tàu hỏa, tàu thủy; đại lý vận tải quốc tế; đại lý của các dịch vụ ngành hàng không, hàng hải mà được áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0%; đại lý bán bảo hiểm. b) Doanh thu hàng hóa, dịch vụ và doanh thu hoa hồng đại lý được hưởng từ hoạt động đại lý bán hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng. 10. Đối với hàng hóa, dịch vụ được sử dụng hóa đơn thanh toán ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau: $\text{Giá chưa có thuế giá trị gia tăng} = \frac{\text{Giá thanh toán}}{1 + \text{thuế suất của hàng hóa, dịch vụ (\%)}}$ 11. Đối với dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng là số tiền thu được từ hoạt động này trừ số tiền đã đổi trả cho khách không sử dụng hết và số tiền trả thưởng cho khách (nếu có), đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế giá trị gia tăng. Trong đó, số tiền thu được là số tiền thu từ đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng. Đối với dịch vụ kinh doanh đặt cược là số tiền thu được từ bán vé đặt cược trừ số tiền đã trả	định: <i>“e) Đối với gia công hàng hóa là giá gia công chưa có thuế giá trị gia tăng;”</i> Tại khoản 8 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn về giá tính thuế như sau: <i>“8. Đối với gia công hàng hóa là giá gia công theo hợp đồng gia công chưa có thuế GTGT, bao gồm cả tiền công, chi phí về nhiên liệu, vật liệu phụ và chi phí khác phục vụ cho việc gia công hàng hóa.”</i> Trên cơ sở kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 6 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế của hoạt động xây dựng, lắp đặt Tại điểm g khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“g) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn giao chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị thì giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị;”</i> Tại khoản 9 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn về giá tính thuế như sau: <i>“9. Đối với xây dựng, lắp đặt, là giá trị công trình, hạng mục công trình hay phần công việc thực hiện bàn</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	thường cho khách (nếu có), đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế giá trị gia tăng. 12. Đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; vận tải, bốc xếp; dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành; dịch vụ cầm đồ; sách chịu thuế giá trị gia tăng bán theo đúng giá phát hành (giá bia); hoạt động in; dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường, đại lý đòi người thứ ba bồi hoàn, đại lý xử lý hàng bồi thường 100% hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng thì giá tính thuế là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng. Trong đó: a) Đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn điện lực Việt Nam: a1) Đối với điện của các công ty thủy điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy thủy điện được tính bằng 35% giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá. a2) Đối với điện của các công ty nhiệt điện hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy nhiệt điện là giá bán điện cho khách hàng ghi trên hóa đơn theo hợp đồng mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện. Trường hợp chưa có hợp đồng	<i>giao chưa có thuế GTGT.</i> <i>a) Trường hợp xây dựng, lắp đặt có bao thầu nguyên vật liệu là giá xây dựng, lắp đặt bao gồm cả giá trị nguyên vật liệu chưa có thuế GTGT.</i> <i>b) Trường hợp xây dựng, lắp đặt không bao thầu nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị, giá tính thuế là giá trị xây dựng, lắp đặt không bao gồm giá trị nguyên vật liệu và máy móc, thiết bị chưa có thuế GTGT.</i> <i>c) Trường hợp xây dựng, lắp đặt thực hiện thanh toán theo hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành bàn giao là giá tính theo giá trị hạng mục công trình hoặc giá trị khối lượng công việc hoàn thành bàn giao chưa có thuế GTGT."</i> Trên cơ sở kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 7 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế của hoạt động kinh doanh bất động sản Tại điểm h khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"h) Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản là giá bán bất động sản chưa có thuế giá trị gia tăng trừ tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước (giá đất được trừ). Chính phủ quy định việc xác định giá đất được trừ quy định tại điểm này phù hợp với quy định của pháp luật về đất đai;"</i> Tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	mua bán điện áp dụng cho từng nhà máy nhiệt điện thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá. a3) Đối với điện của các công ty sản xuất điện (trừ thủy điện, nhiệt điện) hạch toán phụ thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam, hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện, giá tính thuế giá trị gia tăng để xác định số thuế giá trị gia tăng nộp tại địa phương nơi có nhà máy sản xuất điện là giá bán điện chưa có thuế giá trị gia tăng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện. Trường hợp chưa có giá bán điện do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định cho từng loại hình phát điện nêu tại điểm này thì giá tính thuế giá trị gia tăng được xác định là giá bán lẻ điện bình quân chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật điện lực và pháp luật giá. b) Đối với vận tải, bốc xếp là giá cước vận tải, bốc xếp chưa có thuế giá trị gia tăng, không phân biệt cơ sở trực tiếp vận tải, bốc xếp hay thuê lại. c) Đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành, hợp đồng ký với khách hàng theo giá trọn gói (ăn, ở, di lại) thì giá trọn gói được xác định là giá đã có thuế giá trị gia tăng. d) Đối với dịch vụ cầm đồ giá tính thuế giá trị gia tăng là số tiền phải thu từ dịch vụ này chưa có thuế giá trị gia tăng. Số tiền phải thu từ dịch vụ	ngày 29/7/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP đã quy định chi tiết về giá đất được trừ để tính giá tính thuế GTGT đối với các trường hợp: Nhà nước giao đất để đầu tư cơ sở hạ tầng xây dựng nhà để bán; đấu giá quyền sử dụng đất; thuê đất để xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán; cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân; cơ sở kinh doanh nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của tổ chức, cá nhân; cơ sở kinh doanh bất động sản thực hiện theo hình thức xây dựng - chuyển giao (BT); Trường hợp xây dựng, kinh doanh cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê. Tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC trước đây có hướng dẫn về giá đất được trừ đối với trường hợp doanh nghiệp kinh doanh bất động sản xây dựng nhà nhiều tầng nhiều hộ ở, nhà chung cư để bán. Ngoài ra, pháp luật đất đai quy định các trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê (thông qua đấu giá hoặc không thông qua đấu giá); chuyển mục đích sử dụng đất; công nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh quyết định giao đất; điều chỉnh quyết định cho thuê đất; điều chỉnh quy hoạch chi tiết; gia hạn sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất; chuyển hình thức từ thuê đất trả tiền hằng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Trên cơ sở kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định thuế GTGT hiện hành và để tránh vướng mắc trong thực hiện, đồng thời quy định rõ

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	này bao gồm tiền lãi phải thu từ cho vay cầm đồ và khoản thu khác phát sinh từ việc bán hàng cầm đồ (nếu có). Trường hợp số tiền thu từ dịch này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế được xác định theo công thức sau: $\text{Giá tính thuế} = \frac{\text{Số tiền phải thu}}{1 + \text{thuế suất}}$ đ) Đối với sách chịu thuế giá trị gia tăng bán theo đúng giá phát hành (giá bìa) theo quy định của Luật Xuất bản thì giá bán đó được xác định là giá đã có thuế giá trị gia tăng. Các trường hợp bán không theo giá bìa thì thuế giá trị gia tăng tính trên giá bán ra, chưa có thuế giá trị gia tăng. e) Đối với hoạt động in, giá tính thuế là tiền công in, chưa có thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cơ sở in thực hiện các hợp đồng in, giá thanh toán bao gồm cả tiền công in và tiền giấy in thì giá tính thuế bao gồm cả tiền công in và giấy in, chưa có thuế giá trị gia tăng. g) Đối với dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường, đại lý đòi người thứ ba bồi hoàn, đại lý xử lý hàng bồi thường 100% có hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng thì giá tính thuế giá trị gia tăng là tiền công hoặc tiền hoa hồng được hưởng	nguyên tắc giá đất được trừ là tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và để đồng bộ với pháp luật về đất đai và nguyên tắc xác định giá đất được trừ đối với trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng bất động sản, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất mà không xác định được tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất nộp ngân sách nhà nước thì giá tính thuế GTGT là giá chuyển nhượng chưa có thuế GTGT, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 8 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế của dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược Tại điểm 1 khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"1) Đối với dịch vụ kinh doanh ca-si-nô, trò chơi điện tử có thưởng, đặt cược là số tiền thu được từ hoạt động này trừ số tiền đã đổi trả cho khách không sử dụng hết và số tiền trả thưởng cho khách (nếu có), đã có thuế tiêu thụ đặc biệt, chưa có thuế giá trị gia tăng;"</i> Tại khoản 3 và 10 Điều 2 Nghị định số 03/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ về kinh doanh ca-si-nô quy định về máy trò chơi điện tử có thưởng (máy trò chơi) như sau: <i>"3. "Máy trò chơi điện tử có thưởng" (sau đây gọi tắt là máy trò chơi) là thiết bị điện tử chuyên dụng được phép kinh doanh theo quy định tại Nghị định này để thực hiện các trò chơi có thưởng được cài đặt sẵn</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	chưa có thuế giá trị gia tăng. 13. Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng (nếu có) thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng, chưa có thuế giá trị gia tăng. 14. Đối với dịch vụ do tổ chức nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng không cư trú tại Việt Nam (sau đây gọi chung là Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài) có doanh thu phát sinh tại Việt Nam chưa thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ, không bao gồm các nhà cung cấp nước ngoài quy định tại khoản 4 Điều 4 của Luật Thuế giá trị gia tăng thì giá tính thuế giá trị gia tăng là toàn bộ doanh thu do cung cấp dịch vụ, dịch vụ gắn với hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng mà Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nhận được, chưa trừ các khoản thuế phải nộp, kể cả các khoản chi phí do Bên Việt Nam trả thay Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài (nếu có). Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này. 15. Trường hợp cơ sở kinh doanh đã tính thuế giá trị gia tăng nhưng giá tính thuế bị thay đổi theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật có liên quan thì giá tính thuế được xác định theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. 16. Đối với dịch vụ viễn thông quốc tế giá	trong máy. Quá trình chơi diễn ra hoàn toàn tự động giữa người chơi và máy. ... 10. “Đồng tiền quy ước” là đồng chip, đồng xèng, thẻ, phiếu, điểm số quy đổi và các hình thức thay thế tiền mặt khác do doanh nghiệp đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để sử dụng cho việc tổ chức kinh doanh casino và chỉ có giá trị sử dụng trong Điểm kinh doanh ca-si-nô.” Tại điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định: “c) Bổ sung điểm p, điểm q, điểm r vào khoản 4 như sau: “... r) Đối với hoạt động kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng, thời điểm lập hóa đơn điện tử chậm nhất là 01 ngày kể từ thời điểm kết thúc ngày xác định doanh thu, đồng thời doanh nghiệp kinh doanh casino và trò chơi điện tử có thưởng chuyển dữ liệu ghi nhận số tiền thu được (do đổi đồng tiền quy ước cho người chơi tại quầy, tại bàn chơi và số tiền thu tại máy trò chơi điện tử có thưởng) trừ đi số tiền đổi trả cho người chơi (do người chơi trúng thưởng hoặc người chơi không sử dụng hết) theo Mẫu 01/TH-DT Phụ lục 1A ban hành kèm theo Nghị định này đến cơ quan thuế cùng thời điểm chuyển dữ liệu hóa đơn điện tử. Ngày xác định doanh thu là khoảng thời gian từ 0 giờ 00

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	tính thuế giá trị gia tăng là giá chưa có thuế giá trị gia tăng; trường hợp cơ sở kinh doanh có phát sinh dịch vụ kết nối với mạng viễn thông tại nước ngoài thì giá tính thuế giá trị gia tăng được trừ đi các khoản thu của khách hàng để trả khoản phí kết nối. Cơ sở kinh doanh phải tách riêng khoản phí kết nối với mạng viễn thông tại nước ngoài để xác định giá tính thuế giá trị gia tăng; trường hợp không tách riêng được thì giá tính thuế giá trị gia tăng là toàn bộ giá trị hợp đồng chưa có thuế giá trị gia tăng. 17. Giá tính thuế đối với các loại hàng hóa, dịch vụ quy định tại Điều này: a) Bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh được hưởng. b) Không bao gồm các khoản thu không liên quan đến bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ của cơ sở kinh doanh: các khoản thu về bồi thường bằng tiền (bao gồm cả tiền bồi thường về đất và tài sản trên đất khi bị thu hồi đất theo quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), tiền thưởng, thu đối người thứ 3 của hoạt động bảo hiểm, các khoản thu hộ, các khoản thù lao từ cơ quan nhà nước do thực hiện hoạt động thu hộ, chi hộ các cơ quan nhà nước, các khoản thu tài chính.	<i>phút đến 23 giờ 59 phút cùng ngày.”</i> Để thống nhất quy định pháp luật về kinh doanh ca-si-nô, pháp luật về hóa đơn, chứng từ, tránh vướng mắc khi thực hiện, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 11 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế đối với một số trường hợp khác Tại điểm m khoản 1 Điều 7 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“m) Đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam; vận tải, bốc xếp; dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành; dịch vụ cầm đồ; sách chịu thuế giá trị gia tăng bán theo đúng giá phát hành (giá bìa); hoạt động in; dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi thường, đại lý đòi người thứ ba bồi hoàn, đại lý xử lý hàng bồi thường 100% hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng thì giá tính thuế là giá bán chưa có thuế giá trị gia tăng. Chính phủ quy định giá tính thuế đối với các hoạt động sản xuất, kinh doanh quy định tại điểm này.”</i> Về giá tính thuế GTGT đối với hoạt động sản xuất điện của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang được quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ; giá tính thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ như: vận tải, bốc xếp; dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành; dịch vụ cầm đồ; sách chịu thuế GTGT bán theo đúng giá phát hành (giá bìa); hoạt động in; dịch vụ đại lý giám định, đại lý xét bồi

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		thường, đại lý đòi người thứ ba bồi hoàn, đại lý xử lý hàng bồi thường 100% hưởng tiền công hoặc tiền hoa hồng đang được quy định tại khoản 15, 16, 17, 18, 19 và 20 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Các quy định này đang được thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc. Do đó, kế thừa các nội dung đang thực hiện ổn định tại Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 12 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại Tại khoản 22 Điều 7 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn về giá tính thuế như sau: <i>“Trường hợp cơ sở kinh doanh áp dụng hình thức chiết khấu thương mại dành cho khách hàng (nếu có) thì giá tính thuế GTGT là giá bán đã chiết khấu thương mại dành cho khách hàng.”</i> Trên cơ sở kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 13 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về trường hợp giá tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bị thay đổi theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền Tại khoản 3 Điều 93 Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 quy định về nghĩa vụ của đối tượng thanh tra như sau: <i>“3. Thực hiện yêu cầu, kiến nghị, kết luận thanh tra,</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>quyết định xử lý về thanh tra của người tiến hành thanh tra và của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền.</i>” Tại khoản 6 Điều 57 Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13, đã được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 55/2019/QH14, quy định về nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán như sau: <i>“6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời kết luận, kiến nghị kiểm toán của Kiểm toán nhà nước về quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công; thực hiện biện pháp để khắc phục yếu kém trong hoạt động của mình theo kết luận, kiến nghị của Kiểm toán nhà nước; báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện kết luận, kiến nghị đó cho Kiểm toán nhà nước.”</i> Thực tế phát sinh trường hợp cơ sở kinh doanh đã tính thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ bán ra, sau đó theo kết luận của cơ quan thanh tra, kiểm tra, kết luận, kiến nghị của cơ quan kiểm toán, cơ sở kinh doanh phải điều chỉnh lại giá tính thuế GTGT theo quy định của pháp luật. Tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ quy định: <i>“a) Đối với các hóa đơn điện tử đã lập khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không bị sai nhưng khi thanh toán thực tế hoặc khi quyết toán có sự thay đổi về giá trị, khối lượng trên cơ sở kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>có liên quan thì người bán thực hiện lập hóa đơn điện tử mới đối với số chênh lệch qua quyết toán phản ánh theo đúng nghiệp vụ kinh tế phát sinh (phát sinh giảm ghi âm (-) hoặc phát sinh tăng ghi dương (+) phù hợp với thực tế."</i> Để đảm bảo minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, đồng bộ với quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ, đề nghị quy định chi tiết tại khoản 15 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Về giá tính thuế đối với dịch vụ viễn thông quốc tế Tại Điều 3 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"Điều 3. Đối tượng chịu thuế</i> <i>Hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam là đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, trừ các đối tượng quy định tại Điều 5 của Luật này."</i> Tại điểm d khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"d) Các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% bao gồm: chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; dịch vụ cấp tín dụng; chuyển nhượng vốn; sản phẩm phát sinh; <u>dịch vụ bưu chính, viễn thông</u>; ..."</i> Căn cứ quy định nêu trên, các dịch vụ viễn thông quốc tế không thuộc đối tượng được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0% nên thuộc đối tượng áp dụng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		thuế suất thuế GTGT 10%. Do đặc thù của hoạt động viễn thông quốc tế để thực hiện cuộc gọi, truyền dữ liệu,... thì các Công ty viễn thông phải trả cho nhà mạng nước ngoài phí kết nối tại nước ngoài (thực hiện ngoài Việt Nam), cụ thể: - Đối với dịch vụ viễn thông chiều đi: Công ty thu tiền của khách hàng nhưng phải trả cho Công ty viễn thông ở nước ngoài khoản phí kết nối tại nước ngoài. - Công ty viễn thông Việt Nam ký hợp đồng truyền dữ liệu từ Trung Quốc sang Lào. Công ty thu được của khách hàng khoản phí truyền dữ liệu nhưng phải trả cho Công ty viễn thông tại Lào khoản phí kết nối đường truyền tại Lào. Do các dịch vụ kết nối đều thực hiện ở nước ngoài nên không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tại Việt Nam. Do vậy, để đảm bảo đúng bản chất của thuế GTGT (thu thuế GTGT đối với dịch vụ tiêu dùng tại Việt Nam), khuyến khích hoạt động viễn thông quốc tế thì cần thiết phải bổ sung quy định giá tính thuế GTGT đối với hoạt động viễn thông quốc tế được trừ đi khoản phí kết nối ngoài Việt Nam trả cho phía nước ngoài (nội dung hướng dẫn tương tự đối với dịch vụ du lịch theo hình thức lữ hành có hoạt động ở nước ngoài được trừ đi khoản chi phí phát sinh ngoài Việt Nam). Nội dung quy định chi tiết tại khoản 16 Điều 4 dự thảo Nghị định.
Điều 5. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng 1. Thời điểm xác định thuế giá	Điều 5. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng 1. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng đối	Điều 8 Luật Thuế GTGT quy định về thời điểm xác định thuế GTGT. Tại khoản 2 Điều 8 Luật Thuế GTGT quy định: “2. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
trị gia tăng đối với hàng hóa là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. 2. Thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng đối với dịch vụ là thời điểm hoàn thành việc cung ứng dịch vụ hoặc thời điểm lập hóa đơn cung ứng dịch vụ, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. 3. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể về thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng đối với một số trường hợp đặc thù.	với hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu như sau: a) Đối với hàng hóa xuất khẩu, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan. b) Đối với hàng hóa nhập khẩu, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm xác định thuế nhập khẩu theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu. 2. Đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng): a) Đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng) phải thực hiện đối soát dữ liệu kết nối giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu về cước dịch vụ theo hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhưng chậm nhất không quá 02 tháng kể từ tháng phát sinh cước dịch vụ kết nối. b) Đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng) được cung cấp theo kỳ nhất định, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên (trừ trường hợp nêu tại điểm a) nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước	<i>đối với hàng hóa, dịch vụ sau đây do Chính phủ quy định:</i> <i>a) Hàng hóa xuất khẩu, hàng hóa nhập khẩu;</i> <i>b) Dịch vụ viễn thông;</i> <i>c) Dịch vụ kinh doanh bảo hiểm;</i> <i>d) Hoạt động cung cấp điện, hoạt động sản xuất điện, nước sạch;</i> <i>đ) Hoạt động kinh doanh bất động sản;</i> <i>e) Hoạt động xây dựng, lắp đặt và hoạt động dầu khí."</i> Thực hiện quy định của Luật Thuế GTGT, đề nghị nội dung quy định chi tiết về thời điểm xác định thuế GTGT tại Điều 5 dự thảo Nghị định. - Về hàng hoá xuất khẩu, hàng hoá nhập khẩu Tại khoản 2 Điều 8 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 quy định về trị giá tính thuế, thời điểm tính thuế như sau: <i>"2. Thời điểm tính thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan.</i> <i>Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc đối tượng không chịu thuế, miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu hoặc áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối trong hạn ngạch thuế quan nhưng được thay đổi về đối tượng không chịu thuế, miễn thuế, áp dụng thuế suất, mức thuế tuyệt đối trong hạn ngạch thuế quan theo quy định của pháp luật thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký tờ khai hải quan mới.</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	để làm căn cứ tính lượng dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp dịch vụ với người mua. c) Đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng) được cung cấp thông qua bán thẻ trả trước, thu cước phí hòa mạng, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm bán thẻ trả trước, thu cước phí hòa mạng. 3. Đối với hoạt động bán điện: a) Đối với hoạt động bán điện của các công ty phát điện trên thị trường điện, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng được xác định căn cứ thời điểm về đối soát số liệu thanh toán giữa đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện theo quy định của Bộ Công Thương hoặc hợp đồng mua bán điện đã được Bộ Công Thương hướng dẫn, phê duyệt nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế. Riêng hoạt động bán điện của các công ty phát điện có cam kết bảo lãnh của Chính phủ về thời điểm thanh toán thì thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng căn cứ theo bảo lãnh của Chính phủ, hướng dẫn và phê duyệt của Bộ Công Thương và các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết giữa bên mua điện và bên bán điện. b) Đối với hoạt động bán điện (trừ trường hợp nêu tại điểm a), thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu	<i>Thời điểm đăng ký tờ khai hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan."</i> Tại điểm a khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ quy định: <i>"Đối với xuất khẩu hàng hóa (bao gồm cả gia công xuất khẩu), thời điểm lập hóa đơn thương mại điện tử, hóa đơn giá trị gia tăng điện tử hoặc hóa đơn bán hàng điện tử do người bán tự xác định nhưng chậm nhất không quá ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày hàng hóa được thông quan theo quy định pháp luật về hải quan."</i> Đề thống nhất với pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, pháp luật về hóa đơn, chứng từ, pháp luật về hải quan, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 5 dự thảo Nghị định. - Về dịch vụ viễn thông, hoạt động cung cấp điện, hoạt động sản xuất điện, nước sạch Dịch vụ viễn thông, hoạt động cung cấp điện (trừ hoạt động bán điện của các công ty phát điện trên thị trường điện) và nước sạch là các trường hợp đặc thù, bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác. Tại điểm a, b, h khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp điện hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng điện cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp điện với người mua. 4. Đối với hoạt động cung cấp nước sạch, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp nước hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng nước cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị cung cấp nước với người mua. 5. Đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm. 6. Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng hoặc cho thuê: a) Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm chuyển giao quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng hàng hóa cho người mua, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. b) Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng mà có thực hiện thu tiền theo tiến	định về thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp: <i>"4. Thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như sau:</i> <i>a) Đối với các trường hợp cung cấp dịch vụ với số lượng lớn, phát sinh thường xuyên, cần có thời gian đối soát số liệu giữa doanh nghiệp cung cấp dịch vụ và khách hàng, đối tác như trường hợp cung cấp dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không, cung ứng nhiên liệu hàng không cho các hãng hàng không, hoạt động cung cấp điện (trừ đối tượng quy định tại điểm h khoản này), nước, dịch vụ truyền hình, dịch vụ bưu chính chuyên phát (bao gồm cả dịch vụ đại lý, dịch vụ thu hộ, chi hộ), dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ logistic, dịch vụ công nghệ thông tin (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này) được bán theo kỳ nhất định, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm hoàn thành việc đối soát dữ liệu giữa các bên nhưng chậm nhất không quá ngày 07 của tháng sau tháng phát sinh việc cung cấp dịch vụ hoặc không quá 07 ngày kể từ ngày kết thúc kỳ quy ước. Kỳ quy ước để làm căn cứ tính lượng hàng hóa, dịch vụ cung cấp căn cứ thỏa thuận giữa đơn vị bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ với người mua.</i> <i>b) Đối với dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng), dịch vụ công nghệ thông tin (bao gồm dịch vụ trung gian thanh toán sử dụng trên nền tảng viễn thông, công nghệ thông tin) phải thực hiện đối soát dữ liệu kết nối giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	độ thực hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng. 7. Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt bao gồm cả đóng tàu, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành hay phần công việc thực hiện bàn giao, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. 8. Đối với hoạt động dầu khí: a) Đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng của hoạt động bán dầu thô, condensate, các sản phẩm được chế biến từ dầu thô (bao gồm cả hoạt động bao tiêu sản phẩm theo cam kết của Chính phủ) là thời điểm bên mua và bên bán xác định được giá bán chính thức, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền. b) Đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua, thời điểm xác định thuế giá trị gia tăng là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế.	hoàn thành việc đối soát dữ liệu về cước dịch vụ theo hợp đồng kinh tế giữa các cơ sở kinh doanh dịch vụ nhưng chậm nhất không quá 2 tháng kể từ tháng phát sinh cước dịch vụ kết nối. Trường hợp cung cấp dịch vụ viễn thông (bao gồm cả dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng) thông qua bán thẻ trả trước, thu cước phí hóa mạng khi khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ mà khách hàng không yêu cầu xuất hóa đơn GTGT hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế thì cuối mỗi ngày hoặc định kỳ trong tháng, cơ sở kinh doanh dịch vụ lập chung một hóa đơn GTGT ghi nhận tổng doanh thu phát sinh theo từng dịch vụ người mua không lấy hóa đơn hoặc không cung cấp tên, địa chỉ, mã số thuế. ... h) Đối với hoạt động bán điện của các công ty phát điện trên thị trường điện thì thời điểm lập hóa đơn điện từ được xác định căn cứ thời điểm về đối soát số liệu thanh toán giữa đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện, đơn vị phát điện và đơn vị mua điện theo quy định của Bộ Công Thương hoặc hợp đồng mua bán điện đã được Bộ Công Thương hướng dẫn, phê duyệt nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế. Riêng hoạt động bán điện của các công ty phát điện có cam kết bảo lãnh của Chính phủ về thời điểm thanh toán thì thời điểm lập hóa đơn điện từ căn cứ theo bảo lãnh của Chính phủ, hướng dẫn và phê duyệt của Bộ Công Thương và các hợp đồng mua bán điện đã được ký kết giữa bên mua

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>điện và bên bán điện.”</i> Đề thống nhất với pháp luật về hoá đơn, chứng từ, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 2, 3, 4 Điều 5 dự thảo Nghị định. - Về dịch vụ kinh doanh bảo hiểm Tại điểm c khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định: <i>“c) Bổ sung điểm p, q, r vào khoản 4 như sau:</i> <i>p) Thời điểm lập hóa đơn của hoạt động kinh doanh bảo hiểm là thời điểm ghi nhận doanh thu bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.”</i> Đề thống nhất với pháp luật về hóa đơn, chứng từ và pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 5 Điều 5 dự thảo Nghị định. - Về hoạt động kinh doanh bất động sản Tại điểm d khoản 4 Điều 9 Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về thời điểm lập hóa đơn như sau: <i>“4. Thời điểm lập hóa đơn đối với một số trường hợp cụ thể như sau:</i> <i>d) Đối với tổ chức kinh doanh bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà để bán, chuyển nhượng:</i> <i>d.1) Trường hợp chưa chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Có thực hiện thu tiền theo tiến độ thực</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>hiện dự án hoặc tiến độ thu tiền ghi trong hợp đồng thì thời điểm lập hóa đơn là ngày thu tiền hoặc theo thỏa thuận thanh toán trong hợp đồng.</i> <i>d.2) Trường hợp đã chuyển giao quyền sở hữu, quyền sử dụng: Thời điểm lập hóa đơn thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều này."</i> Để thống nhất với pháp luật về hoá đơn, chứng từ, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 6 Điều 5 dự thảo Nghị định. - Về hoạt động xây dựng, lắp đặt và hoạt động đầu khí Tại khoản 5 Điều 8 Thông tư số 219/2013/TT-BTC hướng dẫn về thời điểm xác định thuế GTGT như sau: <i>"5. Đối với xây dựng, lắp đặt, bao gồm cả đóng tàu, là thời điểm nghiệm thu, bàn giao công trình, hạng mục công trình, khối lượng xây dựng, lắp đặt hoàn thành, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền."</i> Tại điểm b khoản 6 Điều 1 Nghị định số 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 123/2020/NĐ-CP quy định: <i>"b) Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm e, điểm l, điểm m, điểm n khoản 4 như sau:</i> <i>e) Đối với hoạt động tìm kiếm thăm dò, khai thác và chế biến dầu thô: Thời điểm lập hóa đơn bán dầu thô, condensate, các sản phẩm được chế biến từ dầu thô (bao gồm cả hoạt động bao tiêu sản phẩm theo cam kết</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		<i>của Chính phủ) là thời điểm bên mua và bên bán xác định được giá bán chính thức, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.</i> <i>Đối với hoạt động bán khí thiên nhiên, khí đồng hành, khí than được chuyển bằng đường ống dẫn khí đến người mua, thời điểm lập hóa đơn là thời điểm bên mua, bên bán xác định khối lượng khí giao của tháng nhưng chậm nhất là ngày cuối cùng của thời hạn kê khai, nộp thuế đối với tháng phát sinh nghĩa vụ thuế theo quy định pháp luật về thuế."</i> Để kế thừa các quy định đang được thực hiện ổn định tại Thông tư về thuế GTGT và thống nhất với pháp luật về hoá đơn, chứng từ, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại khoản 7, khoản 8 Điều 5 dự thảo Nghị định.
Điều 6. Thuế suất Thuế suất thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. 1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vận tải quốc tế, hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế giá trị gia tăng quy định tại Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 1 Điều 1 của Luật sửa	Điều 6. Thuế suất 1. Mức thuế suất 0% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng. Trong đó: a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: a1) Hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam. a2) Hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu. a3) Hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá	Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định về thuế suất. Tại khoản 6 Điều 9 Luật Thuế GTGT giao: "6. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 và khoản 2 Điều này". Thực hiện quy định của Luật Thuế GTGT, đề nghị nội dung quy định chi tiết về thuế suất tại Điều 6 dự thảo Nghị định. 1. Về thuế suất 0% - Đối với hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế Tại điểm a khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm: hàng hóa từ Việt Nam bán cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm đ khoản này. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là hàng hóa, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, trong khu phi thuế quan; hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật. a) Đối với hàng hóa xuất khẩu bao gồm: Hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài, bán vào khu phi thuế quan; công trình xây dựng, lắp đặt ở nước ngoài, trong khu phi thuế quan; hàng hóa bán mà điểm giao, nhận hàng hóa ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; xuất khẩu tại chỗ và các trường hợp khác được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật. b) Đối với dịch vụ xuất khẩu bao gồm dịch vụ cung ứng trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế	nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế. Khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế xác định theo quy định tại Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ). b) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm: b1) Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam. Trong đó, cá nhân ở nước ngoài đáp ứng điều kiện ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung cấp dịch vụ. b2) Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu, bao gồm: dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế xuất (dịch vụ hải quan; dịch vụ nâng hạ container tại cảng, nhà máy, kho hàng; dịch vụ xếp dỡ, bốc xếp tại nhà máy, cảng, sân bay và các chi phí phát sinh có liên quan như: phí chứng từ, phí điện giao hàng, phí niêm chi, phí làm hàng, phí đóng gói). Tổ chức trong khu phi thuế quan là tổ chức có đăng ký kinh doanh. c) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: Vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận	<i>tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa từ nội địa Việt Nam bán cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu; hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế;”</i> Tại Điều 3 Nghị định số 68/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ (đã được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 67/2020/NĐ-CP ngày 15/6/2020 của Chính phủ) quy định về điều kiện kinh doanh hàng miễn thuế, kho bãi, địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan quy định: <i>“1. Cửa hàng miễn thuế là địa điểm lưu giữ và bán hàng hóa có nguồn gốc nhập khẩu, sản xuất trong nước cho các đối tượng được hưởng ưu đãi về chính sách thuế theo quy định của pháp luật.</i> <i>2. Khu vực cách ly của các cảng biển, cảng hàng không dân dụng quốc tế, ga đường sắt liên vận quốc tế và các cửa khẩu đường bộ quốc tế (sau đây gọi tắt là khu vực cách ly) là khu vực được ngăn cách, bảo vệ cách biệt tại khu vực cửa khẩu sau khu vực làm thủ tục xuất cảnh.”</i> Để đảm bảo minh bạch chính sách, đồng bộ với pháp luật về hải quan, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại điểm a khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định. - Đối với dịch vụ xuất khẩu Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định:

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
quan và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, tiêu dùng trong khu phi thuế quan. Trường hợp cung cấp dịch vụ mà hoạt động cung cấp vừa diễn ra tại Việt Nam, vừa diễn ra ở ngoài Việt Nam nhưng hợp đồng dịch vụ được ký kết giữa hai người nộp thuế tại Việt Nam hoặc có cơ sở thường trú tại Việt Nam thì thuế suất 0% chỉ áp dụng đối với phần giá trị dịch vụ thực hiện ở ngoài Việt Nam, trừ trường hợp cung cấp dịch vụ bảo hiểm cho hàng hóa nhập khẩu được áp dụng thuế suất 0% trên toàn bộ giá trị hợp đồng. Trường hợp, hợp đồng không xác định riêng phần giá trị dịch vụ thực hiện tại Việt Nam thì giá tính thuế được xác định theo tỷ lệ (%) chi phí phát sinh tại Việt Nam trên tổng chi phí. Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ. Tổ chức, cá nhân trong khu phi	tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại điểm d khoản này. Trong đó: c1) Vận tải quốc tế bao gồm vận tải hành khách, hành lý, hàng hóa theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả điểm đi và đến ở nước ngoài, không phân biệt có phương tiện trực tiếp vận tải hay không có phương tiện. Trường hợp, hợp đồng vận tải quốc tế bao gồm cả chặng vận tải nội địa thì vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa. c2) Dịch vụ của ngành hàng không gồm: Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không; dịch vụ cất hạ cánh tàu bay; dịch vụ sân đậu tàu bay; dịch vụ an ninh bảo vệ tàu bay; soi chiếu an ninh hành khách, hành lý và hàng hóa; dịch vụ băng chuyển hành lý tại nhà ga; dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; dịch vụ bảo vệ tàu bay; dịch vụ kéo đẩy tàu	<i>“h) Dịch vụ xuất khẩu bao gồm: Dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu;”</i> Tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định: <i>“Cá nhân ở nước ngoài là người nước ngoài không cư trú tại Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và ở ngoài Việt Nam trong thời gian diễn ra việc cung ứng dịch vụ. Tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.”</i> Do khu phi thuế quan được thành lập trong lãnh thổ Việt Nam nên phát sinh vướng mắc khi xác định một số dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu, như: dịch vụ vận tải, Logistics, dịch vụ hải quan... (thực hiện chủ yếu bên ngoài khu phi thuế quan nhưng lại phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của Doanh nghiệp chế xuất), do đó, để tránh phát sinh vướng mắc, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định rõ một số dịch vụ cung cấp trực tiếp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%, bao gồm: dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp chế

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
thuế quan là tổ chức, cá nhân có đăng ký kinh doanh và các trường hợp khác theo quy định của Thủ tướng Chính phủ. c) Vận tải quốc tế quy định tại khoản này bao gồm vận tải hành khách, hành lý, hàng hóa theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam, hoặc cả đi và về ở nước ngoài. Trường hợp, hợp đồng vận tải quốc tế bao gồm cả chặng vận tải nội địa thì vận tải quốc tế bao gồm cả chặng nội địa. d) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu quy định tại các điểm a, b khoản này được áp dụng thuế suất 0% phải đáp ứng đủ điều kiện quy định tại điểm c khoản 2 Điều 9 Nghị định này và một số trường hợp hàng hóa, dịch vụ được áp dụng mức thuế suất 0% theo điều kiện do Bộ Tài chính quy định. đ)^[13] Các trường hợp không áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% gồm: - Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài;	bay; dịch vụ dẫn tàu bay; dịch vụ thuê cầu dẫn khách lên, xuống máy bay; dịch vụ điều hành bay đi, đến; dịch vụ vận chuyển tổ lái, tiếp viên và hành khách trong khu vực sân đậu tàu bay; chất xếp, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ phục vụ hành khách đi chuyển bay quốc tế từ cảng hàng không Việt Nam; dịch vụ sửa chữa tàu bay; dịch vụ tra nạp nhiên liệu cho các chuyến bay quốc tế. Dịch vụ của ngành hàng không áp dụng thuế suất 0% là những dịch vụ được thực hiện trong khu vực cảng hàng không quốc tế, sân bay, nhà ga hàng hóa hàng không quốc tế. c3) Dịch vụ của ngành hàng hải gồm: Dịch vụ lai dắt tàu biển; hoa tiêu hàng hải; cứu hộ hàng hải; cầu cảng, bến phao; bốc xếp; buộc cởi dây; đóng mở nắp hầm hàng; vệ sinh hầm tàu; kiểm đếm, giao nhận; đăng kiểm; dịch vụ sửa chữa tàu biển. Dịch vụ của ngành hàng hải áp dụng thuế suất 0% là những dịch vụ được thực hiện tại khu vực cảng. c4) Sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài là sản phẩm nội dung, thông tin bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, truyền đưa trên môi trường mạng xác định theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin. Cơ sở kinh doanh cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số phải có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam, như: Thông tin về tình trạng cư trú của bên nước ngoài (tổ chức, cá nhân) ở nước ngoài (thông tin địa chỉ thanh toán, địa chỉ giao hàng, địa chỉ trụ sở, địa chỉ nhà hoặc các thông tin	xuất (dịch vụ hải quan; dịch vụ nâng hạ container tại cảng, nhà máy, kho hàng; dịch vụ xếp dỡ, bốc xếp tại nhà máy, cảng, sân bay và các chi phí phát sinh có liên quan như: phí chứng từ, phí điện giao hàng, phí niêm chì, phí làm hàng, phí đóng gói). Tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định về các trường hợp không được áp dụng thuế suất 0% gồm: “- Các dịch vụ do cơ sở kinh doanh cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan bao gồm: cho thuê nhà, hội trường, văn phòng, khách sạn, kho bãi; dịch vụ vận chuyển đưa đón người lao động; dịch vụ ăn uống (trừ dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống trong khu phi thuế quan); - Các dịch vụ sau cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài không được áp dụng thuế suất 0% gồm: + Thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, giải trí, hội nghị, khách sạn, đào tạo, quảng cáo, du lịch lữ hành; + Dịch vụ thanh toán qua mạng; + Dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam.” Để kế thừa một số quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành, theo đó loại trừ một số dịch vụ mà địa điểm cung cấp ở ngoài khu phi thuế quan hoặc phục vụ tiêu dùng cá nhân thì không được xác định là tiêu dùng ngoài Việt Nam và không được áp dụng thuế suất 0% quy định tại

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
- Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; - Dịch vụ cấp tín dụng ra nước ngoài; - Chuyển nhượng vốn ra nước ngoài; - Đầu tư chứng khoán ra nước ngoài; - Dịch vụ tài chính phát sinh; - Dịch vụ bưu chính, viễn thông; - Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định này; - Hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho cá nhân không đăng ký kinh doanh trong khu phi thuế quan. - Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu. e) Bộ Tài chính quy định cụ thể một số trường hợp hàng hóa, dịch vụ khác cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài được áp dụng thuế suất 0% và hàng hóa, dịch vụ cung ứng cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhưng tiêu dùng ở Việt Nam không được áp dụng mức thuế suất 0%.	tương tự mà tổ chức, cá nhân mua hàng khai báo với cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ ở Việt Nam); Thông tin về truy cập của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài, như thông tin về mã vùng điện thoại quốc gia của thẻ SIM, địa chỉ IP, vị trí đường dây điện thoại cố định hoặc các thông tin tương tự của tổ chức, cá nhân mua hàng hóa, dịch vụ. d) Các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% quy định tại điểm b và d khoản 1 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm: d1) Chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài. d2) Dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài. d3) Dịch vụ cấp tín dụng. d4) Chuyển nhượng vốn. d5) Sản phẩm phái sinh. d6) Dịch vụ bưu chính, viễn thông. d7) Sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 3 của Nghị định này. d8) Thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu. d9) Xăng, dầu mua tại nội địa bán cho cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan. d10) Các dịch vụ cung ứng tại Việt Nam cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài như sau: Thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật, văn hóa, giải trí, hội	khoản 3 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC. Đề nghị quy định chi tiết dịch vụ xuất khẩu và các dịch vụ cung cấp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan được áp dụng thuế suất 0% tại điểm b và các dịch vụ cung cấp cho tổ chức ở trong khu phi thuế quan được không áp dụng thuế suất 0% tại điểm d10, d11 khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định. Ngoài ra, để đảm bảo minh bạch chính sách: i) cần thiết phải làm rõ khái niệm “phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu” do trong thực tế khó phân định giữa “phục vụ trực tiếp” và “phục vụ gián tiếp” theo nguyên tắc: Trường hợp tổ chức trong khu phi thuế quan chỉ có hoạt động sản xuất xuất khẩu thì toàn bộ hàng hóa, dịch vụ từ nội địa bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan được áp dụng thuế suất 0%. Trường hợp tổ chức trong khu phi thuế quan vừa có hoạt động sản xuất xuất khẩu và hoạt động kinh doanh khác (hoạt động xuất khẩu, cung ứng dịch vụ cho sản xuất hàng xuất khẩu, hoạt động khác) thì chỉ hàng hóa, dịch vụ từ nội địa bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ sản xuất xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0%, hàng hóa, dịch vụ từ nội địa bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan phục vụ hoạt động kinh doanh khác không được áp dụng thuế suất 0%; ii) xác định đúng địa điểm bán hàng được hưởng thuế suất 0% và iii) đồng bộ với pháp luật về hải quan. Đồng thời, cần thiết bổ sung quy định giao Bộ Tài chính hướng dẫn trong trường hợp cần thiết để đảm bảo phù hợp với thực tế phát sinh và tránh vướng mắc trong thực hiện. Bộ Tài

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
2. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. Một số trường hợp áp dụng mức thuế suất 5% được quy định cụ thể như sau: a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác thuộc diện áp dụng mức thuế suất 10%. b)¹⁴⁾ Các sản phẩm quy định tại điểm b khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm: - Quặng để sản xuất phân bón là các quặng làm nguyên liệu để sản xuất phân bón; - Thuốc phòng trừ sâu bệnh bao gồm thuốc bảo vệ thực vật và các loại thuốc phòng trừ sâu bệnh khác; - Các chất kích thích tăng trưởng vật nuôi, cây trồng.	ngiht, khách sạn, đào tạo, quảng cáo, du lịch lữ hành; dịch vụ cung cấp gắn với việc bán, phân phối, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa tại Việt Nam; dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt. d11) Các dịch vụ do cơ sở kinh doanh cung cấp cho tổ chức, cá nhân ở trong khu phi thuế quan bao gồm: cho thuê nhà, hội trường, văn phòng, khách sạn, kho bãi; dịch vụ vận chuyển đưa đón người lao động; dịch vụ ăn uống (trừ dịch vụ cung cấp suất ăn công nghiệp, dịch vụ ăn uống trong khu phi thuế quan). Hàng hóa, dịch vụ bán, cung cấp cho tổ chức trong khu phi thuế quan và được tiêu dùng trong khu phi thuế quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động sản xuất xuất khẩu quy định tại điểm a, điểm b khoản này là hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho hoạt động sản xuất xuất khẩu của tổ chức trong khu phi thuế quan và không phục vụ cho hoạt động khác không phải hoạt động sản xuất xuất khẩu, trừ các hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm d khoản này. Bộ Tài chính quy định chi tiết khoản này trong trường hợp cần thiết để thực hiện chức năng quản lý nhà nước. 2. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất 0% quy định tại khoản 1 Điều này (trừ một số trường hợp đặc thù quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 10 Nghị định này) phải đáp ứng quy định sau: a) Đối với hàng hóa xuất khẩu, phải có:	chính đề nghị nội dung quy định chi tiết cuối khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định. - Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác Tại điểm c khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: "c) Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác bao gồm: vận tải quốc tế; dịch vụ cho thuê phương tiện vận tải được sử dụng ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và có hồ sơ, tài liệu chứng minh tiêu dùng ở ngoài Việt Nam theo quy định của Chính phủ; phụ tùng, vật tư thay thế để sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị cho bên nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu theo quy định của pháp luật; hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% quy định tại điểm d khoản này;" - Đối với vận tải quốc tế, dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải Vận tải quốc tế; dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải cung cấp trực tiếp hoặc thông qua đại lý cho vận tải quốc tế áp dụng thuế suất 0% được quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC; ngoài ra, trong khu

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>c)¹⁵⁾ (được bãi bỏ)</i> d) Dịch vụ sơ chế, bảo quản sản phẩm quy định tại điểm d khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng gồm: Phơi, sấy khô, bóc vỏ, tách hạt, cắt lát, xay sát, bảo quản lạnh, ướp muối và các hình thức bảo quản thông thường khác. đ) Thực phẩm tươi sống quy định tại điểm g khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng gồm các loại thực phẩm chưa được làm chín hoặc chế biến thành các sản phẩm khác. Lâm sản chưa qua chế biến quy định tại điểm g khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm các sản phẩm rừng tự nhiên khai thác thuộc nhóm: Song, mây, tre, nứa, nầm, mộc nhĩ; rễ, lá, hoa, cây làm thuốc, nhựa cây và các loại lâm sản khác. e) Sản phẩm hóa dược, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh quy định tại điểm 1 khoản 2 Điều 8 Luật Thuế giá trị gia tăng. g) Nhà ở xã hội quy định tại điểm q khoản 2 Điều 8 Luật Thuế	a1) Hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu (đối với trường hợp bán, gia công); hợp đồng ủy thác xuất khẩu (đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu). a2) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa xuất khẩu. a3) Tờ khai hải quan theo quy định. b) Đối với dịch vụ xuất khẩu, trừ quy định tại điểm c khoản này, phải có: b1) Có hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan. b2) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với dịch vụ xuất khẩu. c) Đối với một số hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác: c1) Đối với vận tải quốc tế, phải có: c1.1) Hợp đồng vận chuyển hành khách, hành lý, hàng hóa giữa người vận chuyển và người thuê vận chuyển theo chặng quốc tế từ Việt Nam ra nước ngoài hoặc từ nước ngoài đến Việt Nam hoặc cả điểm đi và điểm đến ở nước ngoài theo các hình thức phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với vận chuyển hành khách, hợp đồng vận chuyển là vé. Cơ sở kinh doanh vận tải quốc tế thực hiện theo các quy định của pháp luật về vận tải. c1.2) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Đối với trường hợp vận chuyển hành khách là cá	vực sân đầu tàu bay còn có dịch vụ tra nạp ngầm nhiên liệu cho các chuyến bay quốc tế. Các quy định này đang thực hiện ổn định, không phát sinh vướng mắc. - Đối với sản phẩm nội dung thông tin số Tại Điều 3 Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03/5/2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin quy định: <i>"Sản phẩm nội dung thông tin số là sản phẩm nội dung, thông tin bao gồm văn bản, dữ liệu, hình ảnh, âm thanh được thể hiện dưới dạng số, được lưu giữ, truyền đưa trên môi trường mạng".</i> Đồng thời, để được hưởng thuế suất 0%, cơ sở kinh doanh cung cấp sản phẩm nội dung thông tin số phải có hồ sơ, tài liệu chứng minh sản phẩm tiêu dùng ở ngoài Việt Nam như: Thông tin về tình trạng cư trú của bên nước ngoài, thông tin về truy cập của bên nước ngoài. Do đó, để đảm bảo tính ổn định của pháp luật, kế thừa các quy định về vận tải quốc tế, dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải đang thực hiện ổn định tại Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành; đối với sản phẩm nội dung thông tin số, để đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất với pháp luật về công nghệ thông tin và xác định đúng đối tượng được hưởng thuế suất 0%, đề nghị nội dung quy định chi tiết đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác tại điểm c khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định. - Về các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% Tại điểm d khoản 1 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
giá trị gia tăng và khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng là nhà ở do Nhà nước hoặc tổ chức, cá nhân thuộc các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng và đáp ứng các tiêu chí về nhà ở, về giá bán nhà, về giá cho thuê, về giá cho thuê mua, về đối tượng, điều kiện được mua, được thuê, được thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về nhà ở.	nhân, có chứng từ thanh toán trực tiếp. c2) Đối với dịch vụ của ngành hàng không, phải có: c2.1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức ở nước ngoài, hãng hàng không nước ngoài hoặc yêu cầu cung cấp dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài, hãng hàng không nước ngoài. c2.2) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp các dịch vụ cung cấp cho tổ chức nước ngoài, hãng hàng không nước ngoài phát sinh không thường xuyên, không theo lịch trình và không có hợp đồng, phải có chứng từ thanh toán trực tiếp của tổ chức nước ngoài, hãng hàng không nước ngoài. Các quy định về hợp đồng và chứng từ thanh toán nêu tại điểm này không áp dụng đối với dịch vụ phục vụ hành khách đi chuyến bay quốc tế từ cảng hàng không Việt Nam (passenger service charges). Riêng đối với dịch vụ sửa chữa tàu bay cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, để được áp dụng thuế suất 0%, tàu bay đưa vào Việt Nam phải làm thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu theo quy định. c3) Đối với dịch vụ của ngành hàng hải, phải có: c3.1) Hợp đồng cung cấp dịch vụ với tổ chức ở nước ngoài, người đại lý tàu biển hoặc yêu cầu cung cấp dịch vụ của tổ chức ở nước ngoài hoặc	định: <i>“d) Các trường hợp không áp dụng thuế suất 0% bao gồm: chuyển giao công nghệ, chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ ra nước ngoài; dịch vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài; dịch vụ cấp tín dụng; chuyển nhượng vốn; sản phẩm phái sinh; dịch vụ bưu chính, viễn thông; sản phẩm xuất khẩu quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này; thuốc lá, rượu, bia nhập khẩu sau đó xuất khẩu; xăng, dầu mua tại nội địa bán cho cơ sở kinh doanh trong khu phi thuế quan; xe ô tô bán cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan.”</i> Kế thừa một số quy định đang thực hiện ổn định tại Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành về việc loại trừ một số dịch vụ không được áp dụng thuế suất 0% quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC (đã trình bày ở trên). Bộ Tài chính đề nghị nội dung quy định chi tiết tại điểm d khoản 1 Điều 6 dự thảo Nghị định. - Về điều kiện áp dụng thuế suất 0% Theo quy định hiện hành, hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu áp dụng thuế suất 0% phải đáp ứng các điều kiện về hợp đồng, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, tờ khai hải quan (đối với hàng hóa) để tránh gian lận trong khâu trừ hoàn thuế, đảm bảo hàng hóa, dịch vụ thực sự đã xuất khẩu. Do đó, để đảm bảo tính ổn định của pháp luật, Bộ Tài chính đề nghị kế thừa các quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa xuất khẩu, dịch vụ xuất khẩu và một số hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu khác như: vận tải quốc tế, dịch vụ của ngành hàng không, hàng hải, đang thực hiện ổn

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	người đại lý tàu biển. c3.2) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của tổ chức ở nước ngoài hoặc có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của người đại lý tàu biển cho cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ. Riêng đối với dịch vụ sửa chữa tàu biển cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, để được áp dụng thuế suất 0%, tàu biển đưa vào Việt Nam phải làm thủ tục tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu theo quy định. 3. Mức thuế suất 5% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 9 Luật Thuế giá trị gia tăng. Trong đó: a) Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt không bao gồm các loại nước uống đóng chai, đóng bình và các loại nước giải khát khác. b) Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi theo quy định của pháp luật, trong đó: Quặng để sản xuất phân bón là các quặng làm nguyên liệu để sản xuất phân bón như quặng Apatit dùng để sản xuất phân lân, đất bùn làm phân vi sinh; thuốc bảo vệ thực vật thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật. c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp. Trong đó, sơ chế, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp bao gồm các dịch	định tại Nghị định và Thông tư thuế GTGT hiện hành, nội dung quy định chi tiết tại khoản 2 Điều 6 dự thảo Nghị định. 2. Về thuế suất 5% - với quặng để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật Tại điểm b khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“b) Phân bón, quặng để sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và chất kích thích tăng trưởng vật nuôi theo quy định của pháp luật;”</i> - Đối với quặng để sản xuất phân bón: Tại điểm b khoản 2 Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định về đối tượng áp dụng thuế suất 5% như sau: <i>“b) Quặng để sản xuất phân bón là các quặng làm nguyên liệu để sản xuất phân bón như quặng Apatit dùng để sản xuất phân lân, đất bùn làm phân vi sinh;”</i> - Đối với thuốc bảo vệ thực vật: Tại khoản 16 Điều 3 Luật Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 41/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 35/2018/QH14 quy định: <i>“16. Thuốc bảo vệ thực vật là chất hoặc hỗn hợp các chất hoặc chế phẩm vi sinh vật có tác dụng phòng ngừa, ngăn chặn, xua đuổi, dẫn dụ, tiêu diệt hoặc kiểm soát sinh vật gây hại thực vật; điều hòa sinh trưởng thực vật hoặc côn trùng; bảo quản thực vật; làm tăng</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	vụ: làm sạch, phơi, sấy khô, bóc vỏ, xay xát, xay vỡ mảnh, nghiền vỡ mảnh, xay bỏ vỏ, xát bỏ vỏ, tách hạt, tách cọng, cắt, xay, đánh bóng hạt, hồ hạt, chia tách ra từng phần, bỏ xương, băm, lột da, nghiền, cán mỏng, ướp muối, đóng hộp kín khí, bảo quản lạnh (ướp lạnh, đông lạnh), bảo quản bằng khí sunfuro, bảo quản theo phương thức cho hóa chất để tránh thối rữa, ngâm trong dung dịch lưu huỳnh hoặc ngâm trong dung dịch bảo quản khác và các hình thức bảo quản thông thường khác. d) Sản phẩm cây trồng, rừng trồng (trừ gỗ, măng), chăn nuôi, thủy sản nuôi trồng, đánh bắt chưa chế biến thành các sản phẩm khác hoặc chỉ qua sơ chế thông thường, trừ sản phẩm quy định tại khoản 1 Điều 3 của Nghị định này. d) Mũ cao su dạng mũ cò rệp, mũ tờ, mũ bún, mũ côm; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá. Trong đó, lưới dây giềng lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá bao gồm các loại lưới đánh cá, các loại sợi, dây giềng loại chuyên dùng để đan lưới đánh cá không phân biệt nguyên liệu sản xuất. e) Sản phẩm bằng day, cỏi, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; xơ bông đã qua chải thô, chải kỹ; giấy in báo. Trong đó, sản phẩm bằng day, cỏi, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp là các loại sản phẩm được sản xuất,	<i>độ an toàn, hiệu quả khi sử dụng thuốc.</i> Tại Thông tư số 09/2023/TT-BNNPTNT ngày 24/10/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông ban hành Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng tại Việt Nam và Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam. Để đồng bộ với pháp luật về bảo vệ và kiểm dịch thực vật và kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại điểm b khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định. - Đối với sơ chế, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp Tại điểm c khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"c) Dịch vụ đào đắp, nạo vét kênh, mương, ao hồ phục vụ sản xuất nông nghiệp; nuôi trồng, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh cho cây trồng; sơ chế, bảo quản sản phẩm nông nghiệp;"</i> Tại khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định đã quy định chi tiết về sản phẩm chỉ qua sơ chế thông thường. Theo đó, để thống nhất với khoản 1 Điều 3 dự thảo Nghị định, đề nghị nội dung quy định chi tiết về dịch vụ sơ chế, bảo quản các sản phẩm nông nghiệp tại điểm c khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định. - Đối với lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá Tại điểm d khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	chế biến từ nguyên liệu chính bằng đay, cói, tre, song, mây, trúc, chít, nứa, luồng, lá như: Thảm đay, sợi đay, bao đay, thảm sớ dừa, chiếu sản xuất bằng đay, cói; chổi chít, dây thừng, dây buộc làm bằng tre nứa, xơ dừa; rèm, mảnh bằng tre, trúc, nứa, chổi tre, nón lá; đũa tre, đũa luồng. g) Tàu khai thác thủy sản tại vùng biển; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp. Trong đó, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp bao gồm: Máy cày; máy bừa; máy phay; máy rạch hàng; máy bạt gốc; thiết bị san phẳng đồng ruộng; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mạ thảm; máy xới, máy vun luống, máy vãi, rắc phân, bón phân; máy, bình phun thuốc bảo vệ thực vật; máy thu hoạch lúa, ngô, mía, cà phê, bông; máy thu hoạch củ, quả, rễ; máy đốn chè, máy hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ té hạt ngô; máy tẽ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy thiết bị sơ chế cà phê, thóc ứt; máy sấy nông sản (lúa, ngô, cà phê, tiêu, điều...), thủy sản; máy thu gom, bóc mía, lúa, rom rạ trên đồng; máy ép, nờ trứng gia cầm; máy thu hoạch cò, máy đóng kiện rom, cò; máy vắt sữa. h) Thiết bị y tế theo quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; dược chất, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh. Trong đó: h1) Thiết bị y tế là thiết bị có Giấy phép nhập khẩu hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành	định: <i>“đ) Mũ cao su dạng mũ cò rệp, mũ tờ, mũ bún, mũ côm; lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá;”</i> Để bảo đảm minh bạch, tránh phát sinh vướng mắc trong thực hiện; kế thừa quy định về lưới, dây giềng và sợi để đan lưới đánh cá tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại điểm đ khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định. <i>- Đối với sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp</i> Tại điểm c khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“e) Sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây và các sản phẩm thủ công khác sản xuất bằng nguyên liệu tận dụng từ nông nghiệp; xơ bông đã qua chải thô, chải kỹ; giấy in báo;”</i> Tại Thông tư thuế GTGT hiện hành đã quy định nguyên tắc xác định các sản phẩm bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây được áp dụng thuế suất 5% phải là các loại sản phẩm được sản xuất, chế biến từ nguyên liệu chính bằng đay, cói, tre, nứa, lá, rom, vỏ dừa, sọ dừa, bèo tây. Để bảo đảm minh bạch, tránh phát sinh vướng mắc trong thực hiện; kế thừa quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại điểm e khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định. <i>- Đối với máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	hoặc Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế theo quy định của pháp luật về y tế hoặc theo Danh mục thiết bị y tế xuất khẩu, nhập khẩu đã được xác định mã số hàng hóa theo danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành theo quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế. h2) Thuốc phòng bệnh, chữa bệnh bao gồm thuốc thành phẩm, nguyên liệu làm thuốc, trừ thực phẩm chức năng; vắc-xin; sinh phẩm y tế, nước cất để pha chế thuốc tiêm, dịch truyền. i) Thiết bị dùng để giảng dạy và học tập bao gồm: các loại mô hình, hình vẽ, bảng, phấn, thước, com-pa. k) Hoạt động nghệ thuật biểu diễn truyền thống, dân là các hoạt động nghệ thuật biểu diễn, nghệ thuật trình diễn dân gian theo quy định pháp luật về nghệ thuật biểu diễn và di sản văn hóa. l) Đồ chơi cho trẻ em; sách các loại, trừ sách quy định tại khoản 15 Điều 3 của Nghị định này. m) Dịch vụ khoa học, công nghệ theo quy định của Luật Khoa học và công nghệ. n) Bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội theo quy định của Luật Nhà ở.	cho sản xuất nông nghiệp Tại điểm g khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“g) Tàu khai thác thủy sản tại vùng biển; máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Chính phủ;”</i> Tại Tờ trình Quốc hội số 238/TTr-CP ngày 17/5/2024 về dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi), Chính phủ đã trình Quốc hội quy định chi tiết về máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp bao gồm: máy cày; máy bừa; máy phay; máy rạch hàng; máy bặt gốc; thiết bị san phẳng đồng ruộng; máy gieo hạt; máy cấy; máy trồng mía; hệ thống máy sản xuất mạ thâm; máy xới, máy vun luống, máy vãi, rắc phân, bón phân; máy, bình phun thuốc bảo vệ thực vật; máy thu hoạch lúa, ngô, mía, cà phê, bông; máy thu hoạch củ, quả, rễ; máy đồn chè, máy hái chè; máy tuốt đập lúa; máy bóc bẹ tẻ hạt ngô; máy tẻ ngô; máy đập đậu tương; máy bóc vỏ lạc; xát vỏ cà phê; máy thiết bị sơ chế cà phê, thóc ứt; máy sấy nông sản (lúa, ngô, cà phê, tiêu, điều...), thủy sản; máy thu gom, bốc mía, lúa, rom rạ trên đồng; máy áp, nờ trụng gia cầm; máy thu hoạch cỏ, máy đóng kiện rom, cò; máy vắt sữa và máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp theo quy định của Chính phủ. Tuy nhiên, trong quá trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật, để đảm bảo linh hoạt, Quốc hội đã giao lại cho Chính phủ quy định chi tiết. Mặt khác, nội dung này đã được quy định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành và

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		đang thực hiện ổn định. Do đó, Bộ Tài chính đề nghị quy định chi tiết về máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp như nội dung Chính phủ đã trình Quốc hội tại Tờ trình số 238/TTr-CP nêu trên, chi tiết tại điểm g khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định. - Đối với thiết bị y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh Tại điểm h khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“h) Thiết bị y tế theo quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế; thuốc phòng bệnh, chữa bệnh; dược chất, dược liệu là nguyên liệu sản xuất thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh;”</i> Tại khoản 11 Điều 10 Thông tư số 219/2013/TT-BTC quy định về thuế suất 5% đối với thiết bị y tế theo nguyên tắc phải có Giấy phép nhập khẩu hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn theo quy định pháp luật về y tế hoặc theo Danh mục thiết bị y tế xuất khẩu, nhập khẩu do Bộ Y tế ban hành và liệt kê chi tiết thuốc phòng bệnh, chữa bệnh. Tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ) không còn quy định về Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố tiêu chuẩn nhưng có quy định Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A, B.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		Tại Thông tư 19/2024/TT-BYT ngày 01/10/2024 của Bộ Y tế có ban hành Danh mục thiết bị y tế xuất khẩu, nhập khẩu đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam quy định. Để bảo đảm minh bạch, tránh phát sinh vướng mắc trong việc xác định thế nào là thiết bị y tế và đồng bộ với quy định của pháp luật về quản lý thiết bị y tế; kế thừa quy định về thiết bị y tế và thuốc phòng bệnh, chữa bệnh tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại điểm h khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định. - Đối với hoạt động nghệ thuật biểu diễn truyền thống, dân gian Tại điểm k khoản 2 Điều 9 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“k) Hoạt động nghệ thuật biểu diễn truyền thống, dân gian;”</i> Tại khoản 2 Điều 10 Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024 quy định về các loại hình di sản văn hóa phi vật thể như sau: <i>“Nghệ thuật trình diễn dân gian gồm âm nhạc, múa, hát, sân khấu truyền thống và các hình thức trình diễn dân gian khác;”</i> Nghị định số 144/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định về hoạt động nghệ thuật biểu diễn. Do vậy, để đồng bộ với pháp luật về nghệ thuật biểu diễn và di sản văn hóa, đề nghị nội dung quy định chi

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		tiết tại điểm k khoản 3 Điều 6 dự thảo Nghị định.
Điều 7. Phương pháp khấu trừ thuế Phương pháp khấu trừ thuế thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. 1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp tính theo phương pháp khấu trừ bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ (-) số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ. 2. Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân (x) với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó. Trường hợp sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị	Điều 7. Phương pháp khấu trừ thuế 1. Phương pháp khấu trừ thuế được quy định như sau: a) Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp khấu trừ thuế bằng số thuế giá trị gia tăng đầu ra trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ. b) Số thuế giá trị gia tăng đầu ra bằng tổng số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng. Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ bán ra ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng bằng giá tính thuế của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế bán ra nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ đó. Trường hợp sử dụng hóa đơn ghi giá thanh toán là giá đã có thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ giá tính thuế giá trị gia tăng xác định theo quy định tại khoản 10 Điều 4 Nghị định này. c) Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ bằng tổng số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế đối với trường hợp mua dịch vụ và đáp ứng điều kiện khấu trừ quy định tại	Điều 11 Luật Thuế GTGT quy định về phương pháp khấu trừ thuế. Tại khoản 3 Điều 11 Luật Thuế GTGT quy định: “<i>Chính phủ quy định chi tiết Điều này</i>”. Tại điểm a và b khoản 2 Điều 11 Luật Thuế GTGT quy định: “2. <i>Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm:</i> a) <i>Cơ sở kinh doanh có doanh thu hằng năm từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 01 tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh;</i> b) <i>Cơ sở kinh doanh tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh;</i> ...” Tại Điều 12 Thông tư 219/2013/TT-BTC đã có quy định chi tiết về cách xác định cơ sở kinh doanh có doanh thu hằng năm từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 01 tỷ đồng trở lên và các trường hợp được tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. Để kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại điểm a, điểm b, điểm d khoản 2 Điều 7 dự thảo Nghị định.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
gia tăng đầu ra được xác định bằng giá thanh toán trừ (-) giá tính thuế xác định theo quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng. 3. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ được xác định căn cứ vào: a) Số thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng mua hàng hóa, dịch vụ; chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng của hàng hóa nhập khẩu hoặc nộp thuế đối với trường hợp mua dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này. Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng chứng từ ghi giá thanh toán đã bao gồm thuế giá trị gia tăng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ xác định bằng giá thanh toán trừ (-) giá tính thuế quy định tại điểm k khoản 1 Điều 7 Luật Thuế giá trị gia tăng. b) Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định này. 4. Phương pháp khấu trừ thuế	Điều 9, Điều 10 Nghị định này. Trong đó, chứng từ nộp thuế đối với trường hợp mua dịch vụ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Nghị định này, khoản 3 Điều 4 Luật thuế giá trị gia tăng. 2. Phương pháp khấu trừ thuế áp dụng đối với cơ sở kinh doanh thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ bao gồm: a) Cơ sở kinh doanh có doanh thu hằng năm từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ từ 01 tỷ đồng trở lên, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Trong đó: a1) Doanh thu hằng năm do cơ sở kinh doanh tự xác định căn cứ vào tổng cộng chỉ tiêu “Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế giá trị gia tăng” trên Tờ khai thuế giá trị gia tăng tháng của kỳ tính thuế từ tháng 11 năm trước đến hết kỳ tính thuế tháng 10 năm hiện tại, trước năm xác định phương pháp tính thuế giá trị gia tăng hoặc trên Tờ khai thuế giá trị gia tăng quý của kỳ tính thuế từ quý 4 năm trước đến hết kỳ tính thuế quý 3 năm hiện tại, trước năm xác định phương pháp tính thuế giá trị gia tăng. Thời gian áp dụng ổn định phương pháp tính thuế là 02 năm liên tục. a2) Trường hợp cơ sở kinh doanh mới thành lập trong năm và hoạt động sản xuất, kinh doanh trong năm không đủ 12 tháng thì xác định doanh thu ước tính của năm như sau: Tổng cộng chỉ tiêu “Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
áp dụng đối với: a) Cơ sở kinh doanh đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ một tỷ đồng trở lên từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ, trừ hộ, cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp quy định tại Điều 8 Nghị định này. Thời gian áp dụng ổn định phương pháp tính thuế là hai năm liên tục. Bộ Tài chính hướng dẫn cách tính doanh thu làm căn cứ xác định cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ và thời gian áp dụng ổn định phương pháp tính thuế quy định tại điểm này. b) Cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế gồm: - Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ dưới một tỷ đồng đã	giá trị gia tăng" trên Tờ khai thuế giá trị gia tăng của kỳ tính thuế các tháng hoạt động sản xuất, kinh doanh chia (:) số tháng hoạt động sản xuất, kinh doanh và nhân với (x) 12 tháng. Trường hợp theo cách xác định như trên, doanh thu ước tính từ 01 tỷ đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. Trường hợp doanh thu ước tính theo cách xác định trên chưa đến 01 tỷ đồng thì cơ sở kinh doanh áp dụng phương pháp tính trực tiếp theo doanh thu trong 02 năm, trừ trường hợp cơ sở kinh doanh đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. a3) Trường hợp cơ sở kinh doanh tạm nghỉ sản xuất, kinh doanh trong cả năm thì xác định theo doanh thu của năm trước năm tạm nghỉ sản xuất, kinh doanh. Đối với cơ sở kinh doanh tạm nghỉ sản xuất, kinh doanh một thời gian trong năm hoặc năm trước thì xác định doanh thu theo số tháng, quý thực sản xuất, kinh doanh như trường hợp hoạt động sản xuất, kinh doanh không đủ 12 tháng nêu tại điểm a2 khoản này. b) Cơ sở kinh doanh tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế, trừ hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh. Trong đó: b1) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hằng năm từ bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng dưới 01 tỷ đồng đã thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, sổ sách, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ.	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, sổ sách, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật về kế toán, hóa đơn, chứng từ; - Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đang hoạt động nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ; - Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập có thực hiện đầu tư, mua sắm tài sản cố định, máy móc, thiết bị, tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ theo hướng dẫn của Bộ Tài chính; - Tổ chức kinh tế khác hạch toán được thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra. c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu, khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam kê khai khấu trừ nộp thay. Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác	b2) Doanh nghiệp mới thành lập từ dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đang hoạt động nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. b3) Doanh nghiệp mới thành lập có thực hiện đầu tư theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt thuộc trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. b4) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập có dự án đầu tư không thuộc đối tượng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư nhưng có phương án đầu tư được người có thẩm quyền của doanh nghiệp ra quyết định đầu tư phê duyệt thuộc đối tượng đăng ký áp dụng phương pháp khấu trừ thuế. b5) Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mới thành lập có thực hiện đầu tư, mua sắm, nhận góp vốn bằng tài sản cố định, máy móc, thiết bị, công cụ, dụng cụ hoặc có hợp đồng thuê địa điểm kinh doanh. b6) Tổ chức nước ngoài có cơ sở thường trú tại Việt Nam, cá nhân ở nước ngoài là đối tượng cư trú tại Việt Nam có doanh thu phát sinh tại Việt Nam. b7) Tổ chức kinh tế khác hạch toán được thuế giá trị gia tăng đầu vào, đầu ra, không bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. c) Tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm thăm	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định này. 5. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể quy định tại Điều này.	dò, phát triển mỏ dầu khí và khai thác dầu khí nộp thuế theo phương pháp khấu trừ do bên Việt Nam kê khai, khấu trừ, nộp thay. d) Chi nhánh mới thành lập của doanh nghiệp đang nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (bao gồm cả chi nhánh được thành lập từ dự án đầu tư của doanh nghiệp) thuộc trường hợp khai thuế giá trị gia tăng riêng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế thì xác định phương pháp tính thuế của chi nhánh theo phương pháp tính thuế của doanh nghiệp đang hoạt động.	
Điều 8. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Điều 11 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 5 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. 1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng 10% áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá	Điều 8. Phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng 1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. 2. Giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng. Trong đó: a) Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán vàng, bạc, đá quý, bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm	Điều 12 Luật Thuế GTGT quy định về phương pháp tính trực tiếp. Tại khoản 4 Điều 12 Luật Thuế GTGT quy định: “4. Chính phủ quy định chi tiết khoản 1 Điều này. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng theo tỷ lệ % tại điểm b khoản 2 Điều này.” Tại khoản 1 Điều 12 Luật Thuế GTGT quy định: “1. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng giá trị gia tăng nhân với thuế suất thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý. Giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý được xác định bằng giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng. Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua,

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra trừ (-) giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào tương ứng. Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra là giá thực tế bán ghi trên hóa đơn bán vàng, bạc, đá quý, bao gồm cả tiền công chế tác (nếu có), thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà bên bán được hưởng. Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào được xác định bằng giá trị vàng, bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế giá trị gia tăng dùng cho mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý bán ra tương ứng. Trường hợp trong kỳ tính thuế phát sinh giá trị gia tăng âm (-) của vàng, bạc, đá quý thì được tính bù trừ vào giá trị gia tăng dương (+) của vàng, bạc, đá quý. Trường hợp không có phát sinh giá trị gia tăng dương (+) hoặc giá trị gia tăng dương (+) không đủ bù trừ giá trị gia tăng âm (-) thì được kết chuyển để trừ vào giá trị gia tăng của kỳ sau trong năm. Kết thúc năm dương lịch, giá trị	mà bên bán được hưởng. b) Giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào được xác định bằng giá trị vàng, bạc, đá quý mua vào hoặc nhập khẩu, đã có thuế giá trị gia tăng dùng cho mua bán, chế tác vàng, bạc, đá quý bán ra tương ứng. 3. Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng. 4. Trường hợp trong kỳ tính thuế phát sinh giá trị gia tăng âm (-) của vàng, bạc, đá quý thì được tính bù trừ vào giá trị gia tăng dương (+) của vàng, bạc, đá quý. Trường hợp không phát sinh giá trị gia tăng dương (+) hoặc giá trị gia tăng dương (+) không đủ bù trừ giá trị gia tăng âm (-) thì được kết chuyển để trừ vào giá trị gia tăng của kỳ sau trong năm. Kết thúc năm dương lịch, giá trị gia tăng âm (-) không được kết chuyển tiếp sang năm sau.	bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng.” Tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP, Điều 13 Thông tư số 219/2013/TT-BTC đã quy định chi tiết về giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý bán ra, giá thanh toán của vàng, bạc, đá quý mua vào và việc bù trừ, kết chuyển giá trị gia tăng của vàng, bạc, đá quý (nếu có) trong kỳ tính thuế. Để kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết tại Điều 8 dự thảo Nghị định

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
gia tăng âm (-) không được kết chuyển tiếp sang năm sau. 2. Số thuế giá trị gia tăng phải nộp theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng bằng tỷ lệ % nhân với doanh thu áp dụng như sau: a) Đối tượng áp dụng: - Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động có doanh thu hàng năm dưới mức ngưỡng doanh thu một tỷ đồng, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện áp dụng phương pháp khấu trừ thuế quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này; - Doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập, trừ trường hợp đăng ký tự nguyện quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị định này; - Hộ, cá nhân kinh doanh; - Tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Đầu tư và các tổ chức khác không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật, trừ các tổ chức, cá nhân nước ngoài cung cấp hàng		

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
hóa, dịch vụ để tiến hành hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển và khai thác dầu khí quy định tại điểm c khoản 4 Điều 7 Nghị định này. - Tổ chức kinh tế khác, trừ trường hợp đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định này. Trường hợp cơ sở kinh doanh có hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng hoạt động này để nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng quy định tại khoản 1 Điều này. b) Tỷ lệ % để tính thuế giá trị gia tăng trên doanh thu được quy định theo từng hoạt động như sau: - Phân phối, cung cấp hàng hóa: 1%; - Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu: 5%; - Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu: 3%; - Hoạt động kinh doanh khác:		

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
2%. c) Doanh thu để tính thuế giá trị gia tăng là tổng số tiền bán hàng hóa, dịch vụ ghi trên hóa đơn bán hàng, bao gồm cả thuế giá trị gia tăng và các khoản phụ thu, phí thu thêm mà cơ sở kinh doanh được hưởng. 3. Hoạt động kinh doanh, hộ kinh doanh không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ chế độ kế toán, hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật thì nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khoán thuế quy định tại Điều 51 Luật Quản lý thuế.		
Điều 9. Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào Khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng và khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. 1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế	Điều 9. Nguyên tắc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào như sau: 1. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng bị tổn thất, hàng hóa bị hao hụt tự nhiên do tính chất lý hóa trong quá trình vận	Thực tế phát sinh trường hợp cơ sở kinh doanh vừa có hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (nộp thuế theo phương pháp khấu trừ), vừa có một trong số các hoạt động sản xuất kinh doanh như: hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế; hàng hóa, dịch vụ không thuộc phạm vi điều chỉnh; kinh doanh vàng, bạc, đá quý (nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp). Theo đó, cần thiết phải quy định việc xác định tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra khi xác định tỷ lệ phân bổ thuế GTGT đầu vào được khấu trừ trong trường hợp không hạch toán riêng được. Để tránh phát sinh vướng mắc, Bộ Tài chính đề xuất quy định:

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
giá trị gia tăng đầu vào như sau: a) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào không được bồi thường của hàng hóa chịu thuế giá trị gia tăng bị tổn thất và thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định là nhà ăn ca, nhà nghỉ giữa ca, phòng thay quần áo, nhà để xe, nhà vệ sinh, bể nước phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất, kinh doanh và nhà ở, trạm y tế cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp. b)^[17] Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ (kể cả tài sản cố định) sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào	chuyển. Cơ sở kinh doanh phải có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh các trường hợp tổn thất không được bồi thường để khấu trừ thuế. Trường hợp pháp luật có quy định về định mức hao hụt tự nhiên thì cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của số lượng hàng hóa thực tế hao hụt tự nhiên không vượt quá định mức hao hụt theo quy định. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của số lượng hàng hóa vượt định mức hao hụt không được khấu trừ thuế. 2. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa (bao gồm cả tài sản cố định), dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế thì chỉ được khấu trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ tính thuế. Trong đó: a) Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng; doanh thu của hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng; giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý (trừ trường hợp giá trị gia tăng âm (-)) và doanh thu của hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 2	Tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm: doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT; doanh thu của hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế; giá trị gia tăng của hoạt động mua, bán, chế tác vàng, bạc, đá quý (trừ trường hợp GTGT âm (-)) và doanh thu của hàng hóa, dịch vụ không thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này (nếu có). Riêng hoạt động kinh doanh ngoại tệ, mua bán chứng khoán thì doanh thu là chênh lệch giữa giá bán và giá mua (trừ trường hợp chênh lệch âm (-)). Tại Nghị định số 209/2013/NĐ-CP đã có quy định khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh có dự án đầu tư vừa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế, vừa không chịu thuế GTGT được tạm khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương án sản xuất, kinh doanh và được điều chỉnh lại theo tỷ lệ trong 03 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu, tuy nhiên cần thiết phải bổ sung quy định việc điều chỉnh lại dẫn đến giảm số thuế GTGT đã được hoàn (nếu có) thì phải nộp lại NSNN. Ngoài ra, phát sinh trường hợp cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư có giao cho các Ban quản lý dự án, chi nhánh quản lý, khai thuế, hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư. Theo pháp luật chuyên ngành cơ sở kinh doanh không được ủy quyền cho Ban quản lý dự án, chi nhánh thực hiện ký kết hợp đồng, lập hóa đơn như hợp đồng thuê đất để đầu tư... Do đó, cần thiết phải hướng dẫn việc khấu trừ thuế trong trường hợp cơ sở kinh doanh thực hiện chi hộ một số khoản chi phí để

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ liên quan hướng dẫn việc xác định tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra làm cơ sở xác định tỷ lệ khấu trừ thuế giá trị gia tăng quy định tại khoản này phù hợp từng lĩnh vực. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tổ chức sản xuất khép kín, hạch toán tập trung có sử dụng sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng qua các khâu để sản xuất mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của các khâu được khấu trừ toàn bộ. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh có dự án đầu tư thực hiện đầu tư theo nhiều giai đoạn, bao gồm cả cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thành lập, có phương án sản xuất, kinh doanh tổ chức	Điều 1 Nghị định này (nếu có). Riêng hoạt động kinh doanh ngoại tệ, mua bán chứng khoán thì doanh thu là chênh lệch giữa giá bán và giá mua (trừ trường hợp chênh lệch âm (-)). b) Đối với dự án đầu tư, vừa đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng, vừa đầu tư vào sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được tạm khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương án sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh. Số thuế tạm khấu trừ được điều chỉnh theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong 03 năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu. Trường hợp sau khi điều chỉnh số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ dẫn đến giảm số thuế giá trị gia tăng đã được hoàn (nếu có) thì phải nộp lại số thuế giá trị gia tăng chênh lệch do điều chỉnh giảm vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. 3. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ bán cho tổ chức, cá nhân sử dụng vốn viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại được khấu trừ toàn bộ. 4. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm thăm dò,	thực hiện dự án đầu tư thì Ban Quản lý dự án, chi nhánh được kê khai, khấu trừ thuế GTGT đầu vào theo hóa đơn GTGT đứng tên cơ sở kinh doanh. Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC đã quy định chi tiết về nguyên tắc khấu trừ thuế GTGT đầu vào như: i) việc khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa bị tổn thất, bị hao hụt tự nhiên; ii) số thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ mua vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ % giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT so với tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ bán ra; iii) hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động; trường hợp góp vốn bằng tài sản; hàng hóa, dịch vụ mua vào dưới hình thức ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác mà hóa đơn mang tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền; tài sản cố định là ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống; cơ sở sản xuất, kinh doanh tổ chức sản xuất khép kín, hạch toán tập trung. Do đó, kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định tại Thông tư thuế GTGT hiện hành, đồng thời quy định bổ sung một số trường hợp để tránh vướng mắc trong quá trình thực hiện như đã trình bày ở trên, đề nghị nội dung quy định chi tiết tại Điều 9 dự thảo Nghị định

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
sản xuất khép kín, hạch toán tập trung và sử dụng sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng để sản xuất ra mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng nhưng trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản có cung cấp hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định được khấu trừ toàn bộ. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ không hình thành tài sản cố định được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh số chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra. Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh có dự án đầu tư, bao gồm cả cơ sở sản xuất, kinh doanh mới thành lập, vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng, vừa đầu tư vào sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản được tạm khấu trừ	phát triển mỏ dầu khí được khấu trừ toàn bộ. 5. Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng, quý nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng, quý đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết trong tháng, quý thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo. 6. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai, sót thì được khai thuế trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế như sau: a) Người nộp thuế thực hiện khai bổ sung vào tháng, quý phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót nếu việc khai thuế vào tháng, quý phát sinh số thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm tăng số thuế phải nộp hoặc giảm số thuế được hoàn của tháng, quý đó; người nộp thuế phải nộp đủ số tiền thuế phải nộp tăng thêm hoặc bị thu hồi số tiền thuế đã được hoàn tương ứng và nộp tiền chậm nộp vào ngân sách nhà nước (nếu có). b) Người nộp thuế thực hiện khai vào tháng, quý phát hiện sai, sót nếu việc khai thuế được thực hiện vào tháng, quý phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu vào bị sai, sót làm giảm số tiền thuế phải nộp hoặc chỉ làm tăng hoặc giảm số thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ chuyển sang tháng, quý sau.	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra theo phương án sản xuất, kinh doanh của cơ sở kinh doanh, số thuế tạm khấu trừ được điều chỉnh theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra trong ba năm kể từ năm đầu tiên có doanh thu. Bộ Tài chính hướng dẫn xác định tỷ lệ (%) giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra và việc tạm khấu trừ, điều chỉnh đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định tại Điểm này. c)^[18] Thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định, máy móc, thiết bị, kể cả thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động đi thuê những tài sản, máy móc, thiết bị này, trong các trường hợp sau đây không được khấu trừ mà tính vào nguyên giá của tài sản cố định hoặc chi phí được trừ theo quy	7. Việc khấu trừ thuế giá trị gia tăng trong một số trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng thực hiện như sau: a) Đối với hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động: a1) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ hình thành tài sản cố định phục vụ cho người lao động trong khu vực sản xuất, kinh doanh và nhà ở, trạm y tế cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp được khấu trừ toàn bộ. a2) Trường hợp cơ sở kinh doanh thuê nhà ở cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp thì thuế giá trị gia tăng đối với khoản tiền thuê nhà được khấu trừ theo quy định. Trường hợp cơ sở kinh doanh xây dựng hoặc mua nhà ở ngoài khu công nghiệp phục vụ cho công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, nhà xây dựng hoặc nhà mua thì thuế giá trị gia tăng của nhà xây dựng, nhà mua phục vụ cho công nhân được khấu trừ toàn bộ. Nhà ở cho công nhân quy định tại điểm này phải đáp ứng điều kiện nhà ở cho công nhân trong khu công nghiệp theo quy định của pháp luật về nhà ở. a3) Trường hợp các chuyên gia nước ngoài vẫn là nhân viên của doanh nghiệp ở nước ngoài, chịu sự điều động của doanh nghiệp ở nước ngoài, được doanh nghiệp ở nước ngoài trả lương và hưởng các chế độ của doanh nghiệp ở nước ngoài trong thời gian sang Việt Nam công tác, giữa doanh nghiệp ở nước ngoài và cơ sở kinh doanh tại Việt Nam có hợp đồng bằng văn bản nêu rõ cơ sở kinh doanh tại	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành: Tài sản cố định chuyên dùng phục vụ sản xuất vũ khí, khí tài phục vụ quốc phòng, an ninh; tài sản cố định, máy móc, thiết bị của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, cơ sở khám, chữa bệnh, cơ sở đào tạo; tàu bay dân dụng, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn. Đối với tài sản cố định là ô tô chở người từ 9 chỗ ngồi trở xuống (trừ: ô tô sử dụng cho kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn; ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô) có trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào tương ứng với phần trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng không được khấu trừ. d) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh	Việt Nam phải chịu các chi phí về chỗ ở cho các chuyên gia nước ngoài trong thời gian công tác ở Việt Nam thì thuế giá trị gia tăng của khoản tiền thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài làm việc tại Việt Nam do cơ sở kinh doanh tại Việt Nam chi trả được khấu trừ; trường hợp cơ sở kinh doanh có các chuyên gia nước ngoài sang Việt Nam công tác, giữ các chức vụ quản lý tại Việt Nam, hưởng lương tại Việt Nam theo hợp đồng lao động ký với cơ sở kinh doanh tại Việt Nam thì cơ sở kinh doanh không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng của khoản tiền thuê nhà cho các chuyên gia nước ngoài này. b) Đối với trường hợp góp vốn bằng tài sản trong đó tài sản góp vốn là tài sản mới mua, chưa sử dụng, có hóa đơn hợp pháp được hội đồng giao nhận vốn góp chấp nhận thì trị giá vốn góp được xác định theo trị giá ghi trên hóa đơn bao gồm cả thuế giá trị gia tăng. Bên nhận vốn góp được kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng ghi trên hóa đơn mua tài sản của bên góp vốn. c) Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào dưới hình thức ủy quyền, cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào dưới hình thức ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác mà hóa đơn mang tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền bao gồm các trường hợp sau đây: c1) Doanh nghiệp bảo hiểm ủy quyền cho người tham gia bảo hiểm sửa chữa tài sản; chi phí sửa chữa tài sản cùng các vật tư, phụ tùng thay thế có	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng thì không được khấu trừ, trừ trường hợp quy định tại điểm d và điểm e khoản này. đ) Thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mà cơ sở kinh doanh mua vào để sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế để viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại quy định tại khoản 19 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ toàn bộ. e) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho hoạt động tìm kiếm, thăm dò, phát triển mỏ dầu khí được khấu trừ toàn bộ. g) Thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong tháng nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của tháng đó. Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế giá trị gia tăng đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế	hóa đơn giá trị gia tăng ghi tên người tham gia bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện thanh toán cho người tham gia bảo hiểm phí bảo hiểm tương ứng theo hợp đồng bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm được kê khai khấu trừ thuế giá trị gia tăng tương ứng với phần bồi thường bảo hiểm thanh toán theo hóa đơn giá trị gia tăng đứng tên người tham gia bảo hiểm; trường hợp phần bồi thường bảo hiểm do doanh nghiệp bảo hiểm thanh toán cho người tham gia bảo hiểm có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì phải thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt. c2) Trước khi thành lập doanh nghiệp, các sáng lập viên có văn bản ủy quyền cho tổ chức, cá nhân thực hiện chi hộ một số khoản chi mua sắm hàng hóa, vật tư và chi phí khác liên quan đến việc thành lập doanh nghiệp thì doanh nghiệp được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo hóa đơn giá trị gia tăng đứng tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền và phải thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cho tổ chức, cá nhân được ủy quyền đối với những hóa đơn có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên. d) Đối với tài sản cố định là ô tô chở người từ 09 chỗ ngồi trở xuống (trừ ô tô sử dụng vào kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn; ô tô dùng để làm mẫu và lái thử cho kinh doanh ô tô) có trị giá vượt trên 1,6 tỷ đồng (giá chưa có thuế giá trị gia tăng) thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ tương	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế. h) Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không tính thuế giá trị gia tăng quy định tại các điểm a, d và đ khoản 3 Điều 2 Nghị định này được khấu trừ toàn bộ. i) Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. ii)^[19] Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định, phục vụ cho sản xuất: Phân bón, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, tàu đánh bắt xa bờ, thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản và thức ăn cho vật nuôi khác	ứng với phần trị giá đến 1,6 tỷ đồng. đ) Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh tổ chức sản xuất khép kín, hạch toán tập trung có sử dụng sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng qua các khâu để sản xuất ra mặt hàng chịu thuế giá trị gia tăng thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào tại các khâu được khấu trừ toàn bộ. 8. Cơ sở kinh doanh không được khấu trừ đối với thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định, máy móc, thiết bị trong các trường hợp sau: a) Tài sản cố định, máy móc, thiết bị chuyên dùng phục vụ sản xuất sản phẩm quốc phòng, an ninh. b) Tài sản cố định, máy móc, thiết bị của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp kinh doanh tái bảo hiểm, bảo hiểm nhân thọ, kinh doanh chứng khoán, cơ sở khám, chữa bệnh, cơ sở đào tạo. c) Máy bay, trực thăng, tàu lượn dân dụng, du thuyền không sử dụng cho mục đích kinh doanh vận chuyển hàng hóa, hành khách, kinh doanh du lịch, khách sạn. Việc không được khấu trừ quy định tại khoản này bao gồm cả thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động đi thuê và các chi phí sửa chữa tài sản cố định, máy móc, thiết bị (nếu có). 9. Đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được tính vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định theo quy định	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
tiêu thụ trong nước không được kê khai, khấu trừ mà tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ, tài sản cố định mua vào phát sinh trước ngày 01 tháng 01 năm 2015 đáp ứng điều kiện khấu trừ, hoàn thuế và thuộc diện hoàn thuế theo quy định tại Điều 10 Nghị định này. k) Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng khi chuyển sang nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào phát sinh kể từ kỳ đầu tiên kê khai, nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế khi chuyển sang nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp trên giá trị gia tăng được tính số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào phát sinh trong thời gian nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế mà	của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. 10. Thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa (kể cả hàng hóa mua ngoài hoặc hàng hóa do cơ sở kinh doanh tự sản xuất) mà cơ sở kinh doanh sử dụng để cho, biếu, tặng, khuyến mại, quảng cáo thì được khấu trừ. 11. Số thuế giá trị gia tăng đã nộp theo Quyết định ấn định thuế của cơ quan hải quan được khấu trừ toàn bộ, trừ trường hợp cơ quan hải quan xử phạt về gian lận, trốn thuế. 12. Văn phòng Tổng công ty, tập đoàn không trực tiếp hoạt động kinh doanh và các đơn vị hành chính sự nghiệp trực thuộc như: Bệnh viện, Trạm xá, Nhà nghỉ điều dưỡng, Viện, Trường đào tạo... không phải là người nộp thuế giá trị gia tăng thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động của các đơn vị này. Trường hợp các đơn vị này có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng thì phải đăng ký, kê khai nộp thuế giá trị gia tăng riêng cho các hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng. 13. Cơ sở kinh doanh giao cho Ban Quản lý dự án, chi nhánh trực tiếp thực hiện, quản lý dự án đầu tư, kê khai thuế giá trị gia tăng đối với dự án	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
chưa khấu trừ hết vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào phát sinh trong thời gian nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn theo quy định tại Điều 10 Nghị định này và các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 1) Bộ Tài chính quy định cụ thể một số trường hợp cơ sở kinh doanh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào dưới hình thức ủy quyền cho tổ chức, cá nhân khác mà hóa đơn mang tên tổ chức, cá nhân được ủy quyền. 2. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào: a) Có hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng hàng hóa ở khâu nhập khẩu, chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp mua dịch vụ quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị	đầu tư, cơ sở kinh doanh thực hiện chi hộ một số khoản chi phí để thực hiện dự án đầu tư thì Ban Quản lý dự án, chi nhánh được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo hóa đơn giá trị gia tăng đúng tên cơ sở kinh doanh. Cơ sở kinh doanh không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hóa đơn giá trị gia tăng mà Ban Quản lý dự án, chi nhánh đã kê khai, khấu trừ. 14. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp tính trực tiếp khi chuyển sang nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế được khấu trừ thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào phát sinh kể từ kỳ đầu tiên kê khai, nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế. 15. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế khi chuyển sang nộp thuế theo phương pháp tính trực tiếp được tính số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào phát sinh trong thời gian nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế mà chưa khấu trừ hết tại kỳ tính thuế cuối cùng trước khi chuyển đổi phương pháp tính thuế vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc được tính vào nguyên giá của tài sản cố định theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. 16. Đối với hàng hóa, dịch vụ chuyển từ đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng sang đối	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
định này. b) Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, nhập khẩu, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào, nhập khẩu từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng. Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra cũng được coi là thanh toán không dùng tiền mặt; trường hợp	tượng chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại Luật Thuế giá trị gia tăng, cơ sở kinh doanh chỉ được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng phát sinh từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. 17. Cơ sở kinh doanh không đáp ứng quy định về khấu trừ thuế tại Điều này và Điều 10 Nghị định này và các hóa đơn, chứng từ được lập từ các hành vi bị nghiêm cấm tại Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng. Điều 10. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng, trong đó: 1. Phải có hóa đơn giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng ở khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng thay cho phía nước ngoài theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng (bao gồm cả chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng theo tỷ lệ % nhân với doanh thu thay cho phía nước ngoài). 2. Phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ 05 triệu đồng trở lên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng. Trong đó:	<i>a) Đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đầu vào và khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu</i> - Về mức phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: Tại Tờ trình Chính phủ số 50/TTr-BTC ngày 26/3/2024 về dự án Luật Thuế GTGT (sửa đổi), Bộ Tài chính đã trình Chính phủ sửa đổi quy định không phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 20 triệu đồng thành mức dưới 05 triệu đồng đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào để tiếp tục thực hiện Quyết định số 1813/QĐ-TTg ngày 28/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt tại Việt Nam giai đoạn 2021-2025 và góp phần minh bạch hóa các giao dịch mua bán của doanh nghiệp (nội dung quy định tại điểm b khoản 2 Điều 13 dự thảo Luật). Do đó, Bộ Tài chính tiếp tục trình Chính phủ quy định không phải có chứng từ

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
sau khi bù trừ mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một nhà cung cấp có giá trị dưới 20 triệu đồng, nhưng mua nhiều lần trong cùng ngày có tổng giá trị từ 20 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. c) Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được áp dụng thuế suất 0% ngoài các điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này còn phải đáp ứng đủ các điều kiện sau: - Có hợp đồng bán, gia công hàng hóa xuất khẩu hoặc ủy thác gia công hàng hóa xuất khẩu, hợp đồng cung ứng dịch vụ với tổ chức, cá nhân ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; - Có chứng từ thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không dùng tiền mặt và các chứng từ khác theo quy định của	a) Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt là chứng từ chứng minh việc thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của Nghị định số 52/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt, trừ các chứng từ bên mua nộp tiền mặt vào tài khoản của bên bán. b) Một số trường hợp đặc thù theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 14 Luật Thuế giá trị gia tăng bao gồm: b1) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với giá trị hàng hóa, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có biên bản đối chiếu số liệu và xác nhận giữa hai bên về việc thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ mua vào với hàng hóa, dịch vụ bán ra, vay mượn hàng. Trường hợp bù trừ công nợ qua bên thứ ba phải có biên bản bù trừ công nợ của ba (3) bên làm căn cứ khấu trừ thuế. b2) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức bù trừ công nợ như vay, mượn tiền; cân trừ công nợ qua bên thứ ba mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có hợp đồng vay, mượn tiền dưới hình thức văn bản được lập trước đó và có chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên cho vay, cho mượn sang tài khoản của bên đi vay, đi mượn đối với khoản vay, mượn bằng tiền bao gồm cả trường	thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua từng lần có giá trị dưới 05 triệu đồng đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Mức đề xuất này phù hợp với quy định về giao dịch chỉ bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước hiện hành. - Về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào: Ngày 15/5/2024 Chính phủ ban hành Nghị định số 52/2024/NĐ-CP quy định về thanh toán không dùng tiền mặt. Theo đó, để thống nhất với pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt cần quy định chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt để khấu trừ thuế theo pháp luật về thanh toán không dùng tiền mặt. Tuy nhiên, cần loại trừ trường hợp người mua nộp tiền vào tài khoản người bán không đáp ứng điều kiện về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trong quá trình thảo luận về dự án Luật Thuế GTGT, có ý kiến của đại biểu quốc hội đề nghị bổ sung quy định cho phép khấu trừ thuế GTGT đầu vào khi thanh toán bằng cổ phiếu, trái phiếu và tại Báo cáo số 1088/BC-UBTVQH15 ngày 26/11/2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc giải trình tiếp thu, chỉnh lý dự thảo Luật Thuế GTGT (sửa đổi) có nêu “<i>Khoản 3 Điều 11 dự thảo Luật đã giao Chính phủ quy định chi tiết về các nội dung liên quan đến phương pháp khấu trừ thuế. Do đó, trong quá trình ban hành các văn bản hướng dẫn chi tiết các nội dung liên quan, Chính phủ sẽ nghiên cứu, hướng dẫn việc khấu trừ thuế GTGT đầu vào khi hàng hóa, dịch vụ được trao đổi, thanh toán bằng cổ phiếu, trái phiếu</i>”, do đó, cần thiết phải quy định về khấu trừ thuế GTGT đầu vào đối với trường

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
pháp luật; đối với hàng hóa xuất khẩu phải có tờ khai hải quan. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được thanh toán dưới hình thức bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu, trả nợ thay Nhà nước thì cũng được coi là thanh toán không dùng tiền mặt. Các trường hợp: Bên mua nước ngoài mất khả năng thanh toán do lâm vào tình trạng phá sản: hàng hóa xuất khẩu không đảm bảo chất lượng phải tiêu hủy ngay tại cửa khẩu nước nhập và hàng hóa xuất khẩu bị tổn thất do nguyên nhân khách quan trong quá trình vận chuyển ngoài biên giới Việt Nam, phải có chứng từ, giấy tờ xác nhận của bên thứ ba thay thế cho chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cũng được coi là chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Bộ Tài chính hướng dẫn điều kiện đối với một số trường hợp bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ đặc thù được áp dụng thuế suất 0% và hồ sơ, chứng từ thay thế cho chứng từ thanh toán không	hợp bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua vào với khoản tiền mà bên bán hỗ trợ cho bên mua, hoặc nhờ bên mua chi hộ. b3) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán ủy quyền qua bên thứ ba thanh toán không dùng tiền mặt (bao gồm cả trường hợp bên bán yêu cầu bên mua thanh toán tiền qua ngân hàng cho bên thứ ba do bên bán chỉ định) thì việc thanh toán theo ủy quyền hoặc thanh toán cho bên thứ ba theo chỉ định của bên bán phải được quy định cụ thể trong hợp đồng dưới hình thức văn bản và bên thứ ba là một tổ chức hoặc thể nhân đang hoạt động theo quy định của pháp luật. b4) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ bằng cổ phiếu, trái phiếu mà phương thức thanh toán này được quy định cụ thể trong hợp đồng thì phải có hợp đồng mua bán dưới hình thức văn bản được lập trước đó. b5) Trường hợp sau khi thực hiện các hình thức thanh toán nêu tại điểm b1, b2, b3 và b4 khoản này mà phần giá trị còn lại được thanh toán bằng tiền có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. b6) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào được thanh toán không dùng tiền mặt vào tài khoản của bên thứ ba mở tại Kho bạc Nhà nước để thực hiện cưỡng chế bằng biện pháp thu tiền, tài sản do tổ chức, cá nhân khác đang nắm giữ (theo Quyết định	hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào theo phương thức thanh toán bằng cổ phiếu, trái phiếu. Ngoài ra, việc nhập hàng mẫu không phải trả tiền cũng là giao dịch rất phổ biến của nhiều doanh nghiệp và hàng mẫu không phải trả tiền cũng có thể được hiểu là “quà biếu, quà tặng” vì đều là hàng không phải thanh toán; trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh, sau đó cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì cần được coi là có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, do vậy, cần thiết phải bổ sung quy định để phù hợp với thực tiễn. - Về tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu: Theo quy định của pháp luật về hải quan có một số trường hợp được lựa chọn làm thủ tục hải quan hoặc không làm thủ tục hải quan, do đó cần quy định rõ để tránh phát sinh vướng mắc. - Về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu: Thực tế phát sinh trường hợp bên xuất khẩu bán các khoản phải thu từ bên nhập khẩu cho bên thứ ba để thu tiền xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ sớm hơn so với thỏa thuận trong hợp đồng xuất khẩu, do đó cần phải quy định về hóa đơn, chứng từ tránh vướng mắc việc bán nợ trả chậm hàng hóa xuất khẩu cho khách mua nước ngoài. Ngoài ra, tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC đã quy định chi tiết về

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
dùng tiền mặt.	của cơ quan nhà nước có thẩm quyền) thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào xác định tương ứng với số tiền chuyển vào tài khoản của bên thứ ba mở tại Kho bạc Nhà nước. b7) Đối với hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp có giá trị hàng hóa, dịch vụ mua từ 05 triệu đồng trở lên, cơ sở kinh doanh căn cứ vào hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ bằng văn bản, hóa đơn giá trị gia tăng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ mua trả chậm, trả góp để kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp chưa có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt do chưa đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh vẫn được kê khai, khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. Trường hợp đến thời điểm thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng, cơ sở kinh doanh không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì cơ sở kinh doanh phải kê khai, điều chỉnh giảm số thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ đối với phần giá trị hàng hóa, dịch vụ không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt vào kỳ tính thuế phát sinh nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng, phụ lục hợp đồng. b8) Trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới 05 triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới 05 triệu đồng theo giá đã có thuế giá trị gia tăng và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng, hàng mẫu không phải trả tiền của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thì không cần	chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và các trường hợp không phải đáp ứng điều kiện về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt như: hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được cản trở vào khoản vay nợ nước ngoài, tiền thanh toán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu góp vốn với bên nhập khẩu ở nước ngoài,... theo đó, cần thiết phải kế thừa để đảm bảo tính ổn định của pháp luật. Do vậy, đề nghị quy định về điều kiện khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ đầu vào và khấu trừ thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 10 dự thảo Nghị định. <i>b) Đối với điều kiện khấu trừ thuế GTGT của trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác</i> Tại khoản 2 Điều 14 Luật Thuế GTGT quy định: “<i>Chính phủ quy định về điều kiện khấu trừ đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác.</i>” Về chính sách quản lý các giao dịch trong hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu: Tại Quyết định số 431/QĐ-TTg ngày 27/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án quản lý thương mại điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu, theo đó Bộ Công Thương được giao chủ động xây dựng chính sách quản lý các giao dịch trong hoạt động thương mại điện tử đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu; Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng Nghị định trình

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào. b9) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng được ủy quyền cho cá nhân là người lao động của cơ sở kinh doanh thanh toán không dùng tiền mặt theo quy chế tài chính hoặc quy chế nội bộ của cơ sở kinh doanh, sau đó cơ sở kinh doanh thanh toán lại cho người lao động bằng hình thức thanh toán không dùng tiền mặt thì được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào. c) Trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ của một người nộp thuế có giá trị dưới 05 triệu đồng nhưng mua nhiều lần trong cùng một ngày có tổng giá trị từ 05 triệu đồng trở lên thì chỉ được khấu trừ thuế đối với trường hợp có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. 3. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu như sau: Đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, ngoài các điều kiện quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn phải có: hợp đồng ký kết với bên nước ngoài về việc bán, gia công hàng hóa, cung cấp dịch vụ; hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu (trừ trường hợp không cần phải có tờ khai hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan); phiếu đóng gói, vận đơn,	Chính phủ ban hành về quản lý hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu nhập khẩu được giao dịch qua thương mại điện tử. Thực tiễn phát sinh vướng mắc khi cơ sở kinh doanh đăng bán hàng hóa trên các sàn thương mại điện tử ở nước ngoài, thực tế có thể phát sinh trường hợp cơ sở kinh doanh gửi hàng tại kho của các sàn thương mại để chờ bán, khi có người mua hàng thì việc thu tiền bán hàng có thể do nhà quản lý sàn thương mại điện tử thu hộ. Do đó, cơ sở kinh doanh sẽ không có tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu của từng đơn hàng và không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt trực tiếp từ người mua hàng. Hoặc trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa gửi kho ngoại quan ở nước ngoài và tìm kiếm người mua hàng, khi cơ sở kinh doanh tìm kiếm được đối tác, ký kết hợp đồng bán hàng thì cơ quan hải quan (kho ngoại quan) ở nước ngoài sẽ mở tờ khai xuất khẩu hàng hóa cho người mua, trong trường hợp này cơ sở kinh doanh sẽ không có tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu từ Việt Nam, vì vậy, cần thiết quy định trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài hoặc xuất khẩu hàng hóa đã gửi tại kho ngoại quan ở nước ngoài. Thực hiện quy định của Luật Thuế GTGT, Bộ Tài chính dự thảo nội dung quy định chi tiết về điều kiện khấu trừ thuế GTGT của trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác như: xuất khẩu hàng hóa đã gửi tại kho ngoại quan ở nước ngoài, hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có). Trong đó: a) Đối với hợp đồng bán hàng hóa, gia công hàng hóa, cung ứng dịch vụ cho bên nước ngoài (bên nhập khẩu): Trường hợp ủy thác xuất khẩu là hợp đồng ủy thác xuất khẩu và biên bản thanh lý hợp đồng ủy thác xuất khẩu (trường hợp đã kết thúc hợp đồng) hoặc biên bản đối chiếu công nợ định kỳ giữa bên ủy thác xuất khẩu và bên nhận ủy thác xuất khẩu có ghi rõ: số lượng, chủng loại sản phẩm, giá trị hàng ủy thác đã xuất khẩu; số, ngày hợp đồng xuất khẩu của bên nhận ủy thác xuất khẩu ký với bên nước ngoài; số, ngày, số tiền ghi trên chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt với bên nước ngoài của bên nhận ủy thác xuất khẩu; số, ngày, số tiền ghi trên chứng từ thanh toán của bên nhận ủy thác xuất khẩu thanh toán cho bên ủy thác xuất khẩu; số, ngày tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu của bên nhận ủy thác xuất khẩu. b) Đối với tờ khai hải quan hàng hóa xuất khẩu: Tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan. c) Đối với chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: Chứng từ chuyển tiền từ tài khoản của bên nhập khẩu (hoặc ngân hàng phục vụ bên nhập khẩu) sang tài khoản mang tên bên xuất khẩu mở tại ngân hàng theo các hình thức thanh toán phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng và quy định của ngân hàng. Chứng từ thanh toán tiền là giấy báo Có của ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền đã nhận được từ tài khoản của ngân hàng bên nhập	hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế; sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài và một số trường hợp đã được quy định tại khoản 2 Điều 16, Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC như: trường hợp xuất khẩu hàng hóa tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; hàng hóa gia công chuyển tiếp theo quy định của pháp luật thương mại. Ngoài ra, để đảm bảo chặt chẽ, căn cứ thẩm quyền tại khoản 6 Điều 9 của Luật thuế GTGT giao Chính phủ quy định chi tiết về các trường hợp được áp dụng và các trường hợp không được áp dụng mức thuế suất 0% tại khoản 1 Điều 9, theo đó đối với trường hợp không đủ điều kiện áp dụng mức thuế suất 0% thì có thể xảy ra các trường hợp là: (i) không chịu thuế; (ii) chịu thuế (5% hoặc 10%) và (iii) không tính thuế. Vì vậy, kế thừa quy định đang thực hiện ổn định, dự thảo Nghị định quy định rõ nguyên tắc: hàng hóa xuất khẩu nếu đã có xác nhận của cơ quan Hải quan nhưng không có đủ các thủ tục, hồ sơ khác đối với từng trường hợp cụ thể thì không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào; đối với trường hợp hàng hóa gia công chuyển tiếp, nếu không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải tính và nộp thuế GTGT như hàng hóa tiêu thụ nội địa; đối dịch vụ xuất khẩu nếu không đáp ứng điều kiện về chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế đầu vào vào cuối Điều 10 dự thảo Nghị định. Nội dung quy định chi tiết về điều kiện khấu trừ

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	khẩu. Trường hợp thanh toán chậm trả, phải có thỏa thuận ghi trong hợp đồng, phụ lục hợp đồng xuất khẩu, đến thời hạn thanh toán cơ sở kinh doanh (bên xuất khẩu) phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp ủy thác xuất khẩu thì phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt của bên nước ngoài cho bên nhận ủy thác và bên nhận ủy thác phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng xuất khẩu cho bên ủy thác. Trường hợp bên nước ngoài thanh toán trực tiếp cho bên ủy thác xuất khẩu thì bên ủy thác phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt và việc thanh toán này phải được quy định trong hợp đồng. Trường hợp bên xuất khẩu bán các khoản phải thu của bên nhập khẩu cho bên thứ ba (bên mua các khoản phải thu) ở nước ngoài thì phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt từ bên thứ ba (bên mua các khoản phải thu), việc thanh toán này phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu và hợp đồng mua bán các khoản phải thu với bên thứ ba ở nước ngoài; bên xuất khẩu phải có văn bản cam kết, giải trình về lý do số tiền thanh toán khác số tiền phải thanh toán theo hợp đồng xuất khẩu phù hợp với hợp đồng mua bán các khoản phải thu. Trừ một số trường hợp không phải đáp ứng điều kiện chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt như sau: c1) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được thanh toán cần trừ vào khoản tiền vay nợ nước ngoài, cơ sở kinh doanh phải có đủ điều kiện, thủ tục, hồ sơ như sau: Hợp đồng vay nợ (đối với	thuế GTGT của trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sàn thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác tại khoản 4, khoản 5 Điều 10 dự thảo Nghị định

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	những khoản vay tài chính có thời hạn dưới 01 năm); hoặc giấy xác nhận đăng ký khoản vay của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đối với những khoản vay trên 01 năm); chứng từ chuyển tiền của bên nước ngoài vào Việt Nam qua ngân hàng. Phương thức thanh toán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu cần trừ vào khoản nợ vay nước ngoài phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu; bản xác nhận của bên nước ngoài về cần trừ khoản nợ vay; trường hợp sau khi cần trừ giá trị hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu vào khoản nợ vay của nước ngoài có chênh lệch, thì số tiền chênh lệch phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. c2) Trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu sử dụng tiền thanh toán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu để góp vốn với cơ sở nhập khẩu ở nước ngoài, cơ sở kinh doanh phải có đủ điều kiện thủ tục, hồ sơ như sau: Hợp đồng góp vốn; việc sử dụng tiền thanh toán hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu để góp vốn vào cơ sở nhập khẩu ở nước ngoài phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu; trường hợp số tiền góp vốn nhỏ hơn doanh thu hàng hóa xuất khẩu thì số tiền chênh lệch phải phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. c3) Trường hợp bên nước ngoài ủy quyền cho bên thứ ba là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thực hiện thanh toán thì việc thanh toán theo ủy quyền phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng (nếu có)).	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	c4) Trường hợp bên nước ngoài yêu cầu bên thứ ba là tổ chức ở Việt Nam thanh toán bù trừ công nợ với bên nước ngoài bằng thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt số tiền bên nước ngoài phải thanh toán cho cơ sở kinh doanh xuất khẩu và việc yêu cầu thanh toán bù trừ công nợ nêu trên có quy định trong hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng (nếu có)) và có chứng từ thanh toán là giấy báo có của ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền đã nhận được từ tài khoản của bên thứ ba, đồng thời bên xuất khẩu phải xuất trình bản đối chiếu công nợ có xác nhận của bên nước ngoài và bên thứ ba. c5) Trường hợp bên nước ngoài (bên nhập khẩu) ủy quyền cho bên thứ ba là tổ chức, cá nhân ở nước ngoài thực hiện thanh toán; bên thứ ba yêu cầu tổ chức ở Việt Nam (bên thứ tư) thanh toán bù trừ công nợ với bên thứ ba bằng việc thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt số tiền bên nhập khẩu phải thanh toán cho bên xuất khẩu thì bên xuất khẩu phải có đủ các điều kiện, hồ sơ như sau: Hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng (nếu có)) quy định việc ủy quyền thanh toán, bù trừ công nợ giữa các bên; chứng từ thanh toán là giấy báo có của ngân hàng về số tiền bên xuất khẩu nhận được từ tài khoản của bên thứ tư; bản đối chiếu công nợ có xác nhận của các bên liên quan (giữa bên xuất khẩu với bên nhập khẩu, giữa bên thứ ba ở nước ngoài với bên thứ tư là tổ chức ở Việt Nam). c6) Trường hợp bên nước ngoài ủy quyền cho	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Văn phòng đại diện tại Việt Nam thực hiện thanh toán vào tài khoản của bên xuất khẩu và việc ủy quyền thanh toán nêu trên có quy định trong hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng (nếu có)). c7) Trường hợp bên nước ngoài (trừ trường hợp bên nước ngoài là cá nhân) thực hiện thanh toán từ tài khoản tiền gửi vãng lai của bên nước ngoài mở tại các tổ chức tín dụng tại Việt Nam thì việc thanh toán này phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng (nếu có)). Chứng từ thanh toán là giấy báo Có của ngân hàng bên xuất khẩu về số tiền đã nhận được từ tài khoản vãng lai của bên nước ngoài đã ký hợp đồng. c8) Trường hợp bên nước ngoài là doanh nghiệp tư nhân thực hiện thanh toán thông qua tài khoản vãng lai của chủ doanh nghiệp tư nhân mở tại tổ chức tín dụng ở Việt Nam và được quy định trong hợp đồng xuất khẩu (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng (nếu có)) thì được xác định là thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp người mua bên nước ngoài là doanh nghiệp tư nhân nhập cảnh qua các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam bằng hộ chiếu mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam tiền mặt để nộp vào tài khoản vãng lai của chủ doanh nghiệp tư nhân mở tại tổ chức tín dụng ở Việt Nam phải khai báo Hải quan cửa khẩu khi xuất cảnh, nhập cảnh theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	c9) Trường hợp bên nước ngoài thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt nhưng số tiền thanh toán trên chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt không phù hợp với số tiền phải thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng thì: Nếu số tiền thanh toán trên chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt có trị giá nhỏ hơn số tiền phải thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh phải giải trình rõ lý do như: phí chuyên tiền của ngân hàng, điều chỉnh giảm giá do hàng kém chất lượng hoặc thiếu hụt (đối với trường hợp này phải có văn bản thỏa thuận giảm giá giữa bên mua và bán); nếu số tiền thanh toán trên chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt có trị giá lớn hơn số tiền phải thanh toán như đã thỏa thuận trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng thì cơ sở kinh doanh phải giải trình rõ lý do như: thanh toán một lần cho nhiều hợp đồng, ứng trước tiền hàng; cơ sở kinh doanh phải cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về các lý do giải trình với cơ quan thuế và các văn bản điều chỉnh (nếu có). c10) Trường hợp bên nước ngoài thanh toán không dùng tiền mặt nhưng chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt không đúng tên ngân hàng phải thanh toán đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu nội dung chứng từ thể hiện rõ tên người thanh toán, tên người thụ hưởng, số hợp đồng xuất khẩu, giá trị thanh toán phù hợp với hợp đồng xuất khẩu đã được ký kết thì được chấp nhận là chứng từ thanh toán hợp lệ.	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	c11) Trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ cho bên nước ngoài (bên thứ hai), đồng thời nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ với bên nước ngoài khác hoặc mua hàng với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam (bên thứ ba); nếu cơ sở kinh doanh có thỏa thuận với bên thứ hai và bên thứ ba về việc bên thứ hai thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt cho bên thứ ba số tiền mà cơ sở kinh doanh còn phải thanh toán cho bên thứ ba thì việc bù trừ thanh toán giữa các bên phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu, hợp đồng nhập khẩu hoặc hợp đồng mua hàng (phụ lục hợp đồng hoặc văn bản điều chỉnh hợp đồng - nếu có) và cơ sở kinh doanh phải xuất trình bản đối chiếu công nợ có xác nhận của các bên liên quan (giữa cơ sở kinh doanh với bên thứ hai, giữa cơ sở kinh doanh với bên thứ ba). c12) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài nhưng vì lý do khách quan bên nước ngoài từ chối không nhận hàng và cơ sở kinh doanh tìm được khách hàng mới cùng quốc gia với khách hàng ký kết hợp đồng mua bán ban đầu để bán lô hàng trên thì chứng từ khấu trừ gồm toàn bộ hồ sơ xuất khẩu liên quan đến hợp đồng xuất khẩu ký kết với khách hàng ban đầu (hợp đồng, tờ khai hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, hóa đơn), công văn giải trình của cơ sở kinh doanh lý do có sự sai khác tên khách hàng mua (trong đó cơ sở kinh doanh cam kết tự chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin, đảm bảo không có gian lận), toàn bộ hồ sơ xuất khẩu liên quan đến hợp đồng	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	xuất khẩu ký kết với khách hàng mới (hợp đồng, hóa đơn bán hàng, chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định và các chứng từ khác (nếu có)). c13) Trường hợp xuất khẩu lao động mà cơ sở kinh doanh xuất khẩu lao động thu tiền trực tiếp của người lao động thì phải có chứng từ thu tiền của người lao động. c14) Trường hợp xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ để trả nợ nước ngoài cho Chính phủ thì phải có xác nhận của ngân hàng về lô hàng xuất khẩu đã được bên nước ngoài chấp nhận trừ nợ hoặc xác nhận bộ chứng từ đã được gửi cho bên nước ngoài để trừ nợ; chứng từ thanh toán thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính. c15) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thanh toán bằng hàng là trường hợp xuất khẩu hàng hóa (kể cả gia công hàng hóa xuất khẩu), dịch vụ cho bên nước ngoài nhưng việc thanh toán giữa cơ sở kinh doanh xuất khẩu và bên nước ngoài bằng hình thức bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, tiền công gia công hàng hóa xuất khẩu với giá trị hàng hóa, dịch vụ mua của bên nước ngoài. Hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu thanh toán bằng hàng thì: Phương thức thanh toán đối với hàng xuất khẩu bằng hàng phải được quy định trong hợp đồng xuất khẩu; hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ của bên nước ngoài; có tờ khai hải quan về hàng hóa nhập khẩu thanh toán bù trừ với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; có văn bản xác	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	nhận với bên nước ngoài về việc số tiền thanh toán bù trừ giữa hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu với hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ mua của bên nước ngoài; trường hợp sau khi thanh toán bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu có chênh lệch, số tiền chênh lệch phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. c16) Trường hợp xuất khẩu hàng hóa sang các nước có chung biên giới theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý hoạt động thương mại biên giới với các nước có chung biên giới thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước. c17) Trường hợp bên nước ngoài mất khả năng thanh toán, cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có văn bản giải trình rõ lý do và được sử dụng một trong số các giấy tờ sau để thay thế cho chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: Tờ khai hải quan hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam đã đăng ký với cơ quan hải quan tại nước nhập khẩu hàng hóa (01 bản sao); hoặc đơn khởi kiện đến tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền tại nước nơi người mua cư trú kèm giấy thông báo hoặc kèm giấy tờ có tính chất xác nhận của cơ quan này về việc thụ lý đơn khởi kiện (01 bản sao); hoặc phán quyết thắng kiện của tòa án nước ngoài cho cơ sở kinh doanh (01 bản sao); hoặc giấy tờ của tổ chức có thẩm quyền nước ngoài xác nhận (hoặc thông báo) bên mua nước ngoài phá sản hoặc mất khả năng thanh toán	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	(01 bản sao). c18) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu không đảm bảo chất lượng phải tiêu hủy, cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có văn bản giải trình rõ lý do và được sử dụng biên bản tiêu hủy (hoặc giấy tờ xác nhận việc tiêu hủy) hàng hóa ở nước ngoài của cơ quan thực hiện tiêu hủy (01 bản sao), kèm chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với chi phí tiêu hủy thuộc trách nhiệm chi trả của cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa hoặc kèm giấy tờ chứng minh chi phí tiêu hủy thuộc trách nhiệm của bên nhập khẩu hoặc bên thứ ba (01 bản sao) để thay thế cho chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Trường hợp bên nhập khẩu hàng hóa phải đứng ra làm thủ tục tiêu hủy tại nước ngoài thì biên bản tiêu hủy (hoặc giấy tờ xác nhận việc tiêu hủy) ghi tên bên nhập khẩu hàng hóa. c19) Trường hợp hàng hóa xuất khẩu bị tổn thất, cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có văn bản giải trình rõ lý do và được sử dụng một trong số các giấy tờ sau để thay thế cho chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt: Giấy xác nhận việc tổn thất ngoài biên giới Việt Nam của cơ quan có thẩm quyền liên quan (01 bản sao); hoặc biên bản xác định tổn thất hàng hóa trong quá trình vận chuyển ngoài biên giới Việt Nam nêu rõ nguyên nhân tổn thất (01 bản sao). Nếu cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa đã nhận được tiền bồi thường hàng hóa xuất khẩu bị tổn thất ngoài biên giới Việt Nam thì phải gửi kèm chứng từ thanh toán không dùng tiền	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	mặt về số tiền nhận được (01 bản sao). c20) Bản sao các loại giấy tờ quy định tại điểm này phải có xác nhận sao y bản chính của cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa. Trường hợp ngôn ngữ sử dụng trong các chứng từ, giấy tờ xác nhận của bên thứ ba thay thế cho chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt không phải là tiếng Anh hoặc không có tiếng Anh thì phải có 01 bản dịch công chứng gửi kèm. Trường hợp các bên liên quan phát hành, sử dụng và lưu trữ chứng từ dưới dạng điện tử thì phải có bản in bằng giấy. Cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa tự chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của các loại giấy tờ thay thế cho chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt cho các trường hợp quy định tại điểm này. d) Đối với hóa đơn bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ: Hóa đơn thương mại hoặc hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ. 4. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sân thương mại điện tử ở nước ngoài và một số trường hợp đặc thù khác ngoài các điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ sở xuất khẩu hàng hóa phải có tài liệu chứng minh việc đã xuất bán hàng hóa ở ngoài Việt Nam. Trong đó: a) Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa qua sân thương mại điện tử ở nước ngoài: Cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có tài liệu chứng	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	minh việc đã xuất bán hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: Hợp đồng ký với nhà quản lý sản giao dịch thương mại điện tử để bán hàng hóa trên sàn thương mại điện tử ở nước ngoài (việc bán hàng phải đáp ứng đầy đủ các quy định về giao kết hợp đồng sử dụng chức năng đặt hàng trực tuyến trên sàn thương mại điện tử ở nước ngoài theo quy định của pháp luật thương mại, pháp luật thương mại điện tử và pháp luật về giao dịch điện tử); hóa đơn bán hàng hóa; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt (trường hợp cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa ủy quyền cho tổ chức trung gian là các nhà quản lý sản giao dịch thương mại điện tử thu hộ tiền từ người mua ở nước ngoài thì việc thanh toán ủy quyền phải được quy định trong hợp đồng với nhà quản lý sản giao dịch thương mại điện tử); tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan khi gửi hàng ra nước ngoài; tài liệu chứng minh giao hàng cho người mua ở nước ngoài; phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có). b) Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa đã gửi tại kho ngoại quan ở nước ngoài: Cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có tài liệu chứng minh việc đã xuất bán hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: Hợp đồng xuất khẩu hàng hóa; hợp đồng ủy thác xuất khẩu; hóa đơn bán hàng hóa; chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt; tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan khi gửi hàng ra nước ngoài; tài liệu chứng minh giao hàng cho người nhập khẩu ở	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	nước ngoài (tờ khai đã hoàn thành thủ tục hải quan khi xuất hàng để giao cho người mua của quốc gia gửi hàng hoặc tài liệu chứng minh hàng hóa đã bán tại kho ngoại quan ở nước ngoài); phiếu đóng gói, vận đơn, chứng từ bảo hiểm hàng hóa (nếu có). c) Đối với trường hợp xuất khẩu hàng hóa tại hội chợ, triển lãm ở nước ngoài: Cơ sở kinh doanh xuất khẩu hàng hóa phải có tài liệu chứng minh việc đã xuất bán hàng hóa ở ngoài Việt Nam như: chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt, nếu thu và chuyển về nước bằng tiền mặt ngoại tệ tại nước tổ chức hội chợ, triển lãm thương mại cơ sở kinh doanh phải có chứng từ kê khai với cơ quan Hải quan về tiền ngoại tệ thu được do bán hàng hóa chuyển về nước và chứng từ nộp tiền vào ngân hàng tại Việt Nam. d) Đối với hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly cho cá nhân (người nước ngoài hoặc người Việt Nam) đã làm thủ tục xuất cảnh; hàng hóa đã bán tại cửa hàng miễn thuế: Cơ sở kinh doanh phải có tài liệu chứng minh việc hàng hóa đã bán tại khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế; Cơ sở kinh doanh phải xuất trình Bảng kê hàng hóa đã bán cho khách tại khu vực cách ly, cửa hàng miễn thuế theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. đ) Đối với sản phẩm nội dung thông tin số cung cấp cho bên nước ngoài: Cơ sở kinh doanh cung cấp dịch vụ phải có hồ sơ, tài liệu chứng minh dịch vụ được tiêu dùng ở ngoài Việt Nam theo quy định	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	tại điểm c4 khoản 1 Điều 6 Nghị định này và có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. e) Đối với hàng hóa gia công chuyển tiếp để xuất khẩu là hàng hóa gia công chuyển tiếp theo quy định của pháp luật thương mại và pháp luật về quản lý ngoại thương: Hợp đồng gia công xuất khẩu và các phụ lục hợp đồng (nếu có) ký với nước ngoài, trong đó ghi rõ cơ sở nhận hàng tại Việt Nam; hóa đơn giá trị gia tăng ghi rõ giá gia công và số lượng hàng gia công trả nước ngoài (theo giá quy định trong hợp đồng ký với nước ngoài) và tên cơ sở nhận hàng theo chỉ định của bên nước ngoài; phiếu chuyển giao sản phẩm gia công chuyển tiếp (gọi tắt là Phiếu chuyển tiếp) có đủ xác nhận của bên giao, bên nhận sản phẩm gia công chuyển tiếp; hàng hóa gia công cho nước ngoài phải thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định của pháp luật; tờ khai hải quan thực hiện theo quy định của pháp luật về hải quan. g) Đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan: Có hợp đồng xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài hoặc ở trong khu phi thuế quan; Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. h) Trường hợp hàng hóa, vật tư do cơ sở kinh doanh xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài, ngoài quy định tại điểm g khoản này, cơ sở kinh doanh phải đáp ứng các điều kiện sau: Tờ khai hải quan; Hàng hóa, vật tư xuất khẩu phải phù hợp với Danh mục hàng hóa xuất khẩu để	

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài do Giám đốc doanh nghiệp Việt Nam thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài phê duyệt; Hợp đồng ủy thác xuất khẩu (trường hợp ủy thác xuất khẩu). 5. Trường hợp cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu đã có xác nhận của cơ quan Hải quan nhưng không có đủ các thủ tục, hồ sơ khác đối với từng trường hợp cụ thể thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, không phải tính thuế giá trị gia tăng đầu ra. Riêng đối với trường hợp hàng hóa gia công chuyển tiếp, nếu không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải tính và nộp thuế giá trị gia tăng như hàng hóa tiêu thụ nội địa. Đối với cơ sở kinh doanh có dịch vụ xuất khẩu nếu không đáp ứng điều kiện về thanh toán không dùng tiền mặt thì không được khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào, không phải tính thuế giá trị gia tăng đầu ra.	
Điều 10. Hoàn thuế giá trị gia tăng 1. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu, trừ hết trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng) hoặc trong quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) thì được khấu trừ vào kỳ tiếp theo.	Điều 11. Hoàn thuế giá trị gia tăng 1. Việc hoàn thuế đối với xuất khẩu được quy định như sau: a) Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác. Trong đó: a1) Đối tượng được hoàn thuế trong một số	Điều 15 Luật Thuế GTGT quy định về hoàn thuế GTGT. Tại khoản 11 Điều 15 Luật Thuế GTGT quy định: “11. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.” - Về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư: Quy định rõ đối với trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đã được hoàn thuế nhưng phải chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính thì phải nộp lại số thuế GTGT đã được hoàn của dự án đầu tư (khoản 2). - Về hoàn thuế GTGT đối với cơ sở sản xuất hàng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
2.^{122/} Cơ sở kinh doanh được hoàn thuế đối với dự án đầu tư như sau: a) Cơ sở kinh doanh đã đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ (bao gồm cả cơ sở kinh doanh mới thành lập từ dự án đầu tư) có dự án đầu tư mới (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư) theo quy định của Luật Đầu tư tại địa bàn cùng tỉnh, thành phố hoặc khác tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính (trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này và dự án đầu tư xây dựng nhà để bán, dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong giai đoạn đầu tư lũy kế chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng. Cơ sở kinh doanh thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng riêng	trường hợp xuất khẩu được xác định như sau: Đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu là cơ sở kinh doanh có hàng hóa ủy thác xuất khẩu; đối với gia công chuyển tiếp là cơ sở kinh doanh ký hợp đồng gia công xuất khẩu với bên nước ngoài; đối với hàng hóa xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài là cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài. a2) Hàng hoá nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác là hàng hóa do cơ sở kinh doanh nhập khẩu sau đó trực tiếp xuất khẩu hoặc ủy thác xuất khẩu, không bao gồm hàng hóa là nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng xuất khẩu. b) Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý vừa có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội địa thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế. Kỳ hoàn thuế được xác định từ kỳ tính thuế giá trị gia tăng có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết liên tục chưa được hoàn thuế đến kỳ tính thuế có đề nghị hoàn thuế. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (bao gồm số thuế giá trị gia tăng đầu vào	hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%: Hướng dẫn chi tiết cách xác định số thuế GTGT được hoàn theo Phụ lục kèm theo Nghị định để áp dụng thống nhất, tránh cách hiểu khác (khoản 3). Thực hiện quy định của Luật Thuế GTGT, Bộ Tài chính trình Chính phủ nội dung quy định chi tiết về hoàn thuế GTGT tại Điều 11 dự thảo Nghị định như sau: 1. Về hoàn thuế đối với xuất khẩu - Tại khoản 1 Điều 15 Luật Thuế GTGT quy định: "1. Việc hoàn thuế đối với xuất khẩu được quy định như sau: a) Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý, trừ trường hợp hàng hoá nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác; b) Cơ sở kinh doanh trong tháng, quý vừa có hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ nội địa thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu; trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế. Kỳ hoàn thuế được xác định từ kỳ tính thuế giá trị gia tăng có số thuế giá trị gia tăng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>đối với dự án đầu tư và phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào lũy kế của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên được hoàn thuế giá trị gia tăng.</i> <i>Trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra, kiểm toán thì cơ quan thuế có thể sử dụng kết quả thanh tra, kiểm tra, kiểm toán để quyết định việc hoàn thuế giá trị gia tăng.</i> <i>b) Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc các trường hợp sau thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này:</i> <i>b.1) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan</i>	hạch toán riêng được và số thuế giá trị gia tăng đầu vào được xác định theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Số thuế giá trị gia tăng được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của kỳ hoàn thuế. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được xác định cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhưng chưa được hoàn do vượt quá 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của kỳ hoàn thuế trước được khấu trừ vào kỳ tính thuế tiếp theo để xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu kỳ hoàn thuế tiếp theo. 2. Việc hoàn thuế đối với đầu tư được quy định như sau: a) Cơ sở kinh doanh đã đăng ký nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế có dự án đầu tư (dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng) theo quy định của pháp luật về đầu tư (bao gồm cả dự án đầu tư được chia thành nhiều giai đoạn đầu tư hoặc nhiều hạng mục đầu tư, trừ trường hợp dự án đầu tư không hình thành tài sản cố định của doanh nghiệp) đang trong giai đoạn đầu tư hoặc dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ	<i>đầu vào chưa khấu trừ hết liên tục chưa được hoàn thuế đến kỳ tính thuế có đề nghị hoàn thuế. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu (bao gồm số thuế giá trị gia tăng đầu vào hạch toán riêng được và số thuế giá trị gia tăng đầu vào được xác định theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu. Số thuế giá trị gia tăng được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu không vượt quá 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của kỳ hoàn thuế. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào đã được xác định cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu nhưng chưa được hoàn do vượt quá 10% doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu của kỳ hoàn thuế trước được khấu trừ vào kỳ tính thuế tiếp theo để xác định số thuế giá trị gia tăng được hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu kỳ hoàn thuế tiếp theo."</i> - Tại Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC quy định rõ về đối tượng được hoàn thuế trong một số trường hợp xuất khẩu như sau: "Đối tượng được hoàn thuế trong một số trường hợp xuất khẩu như sau: Đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu, là cơ sở có hàng hóa ủy thác xuất khẩu; đối với gia công chuyển tiếp, là cơ sở ký hợp đồng gia công xuất khẩu với phía nước ngoài; đối với hàng hóa xuất khẩu để thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài, là doanh nghiệp có hàng hóa, vật tư xuất khẩu thực hiện công trình xây dựng ở nước ngoài; đối với hàng hóa xuất khẩu tại chỗ là cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu tại chỗ". Theo đó, Bộ

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.</i> <i>b.2) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.</i> <i>b.3) Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.</i> <i>c) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư sang kỳ</i>	dầu khí đang trong giai đoạn đầu tư có số thuế giá trị gia tăng đầu vào phát sinh trong giai đoạn đầu tư mà chưa được hoàn thuế thì cơ sở kinh doanh thực hiện bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng. Trường hợp dự án đầu tư đã hoàn thành (bao gồm cả dự án đầu tư chia thành nhiều giai đoạn, hạng mục đầu tư có giai đoạn, hạng mục đầu tư đã hoàn thành) nhưng cơ sở kinh doanh chưa thực hiện hoàn thuế giá trị gia tăng phát sinh trong giai đoạn đầu tư (hạng mục đầu tư, giai đoạn đầu tư đã hoàn thành) thì cơ sở kinh doanh thực hiện nộp hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định trong thời hạn 01 năm kể từ ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành. Ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn, hạng mục đầu tư hoàn thành là ngày phát sinh doanh thu của dự án đầu tư hoặc ngày phát sinh doanh thu của giai đoạn, hạng mục đầu tư. Doanh thu quy định tại khoản này không bao gồm doanh thu phát sinh trong giai đoạn chạy thử, doanh thu hoạt động tài chính, thanh lý nguyên vật liệu của dự án đầu tư. Trường hợp cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư thành lập tổ chức kinh tế mới hoặc giao cho Ban Quản lý dự án, chi nhánh trực tiếp thực hiện, quản lý dự án đầu tư thì tổ chức kinh tế mới thành lập, Ban Quản lý dự án, chi nhánh được kê khai,	Tài chính trình Chính phủ quy định nội dung này tại dự thảo Nghị định để đảm bảo rõ ràng, minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện và tránh gian lận trong hoàn thuế GTGT. Bên cạnh đó, để thống nhất cách tính, nhằm cung cấp dữ liệu đầy đủ để xác định số thuế GTGT đề nghị hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, giúp minh bạch, rõ ràng thông tin đề nghị hoàn của người nộp thuế cũng cần thiết bổ sung Phụ lục xác định số thuế đề nghị hoàn. Cơ quan thuế trên cơ sở đó có thể sử dụng các giải pháp công nghệ thông tin, tự động hóa quy trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế, áp dụng quản lý rủi ro trong đối chiếu thông tin đề nghị hoàn thuế, nhằm giảm thời gian giải quyết hoàn thuế, kiểm soát chặt chẽ hồ sơ hoàn thuế. Ngoài ra, cũng cần quy định rõ về hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu sang nước khác để tránh vướng mắc trong thực hiện. Theo đó, Bộ Tài chính đề nghị quy định chi tiết về hoàn thuế đối với xuất khẩu tại khoản 1 Điều 11 dự thảo Nghị định. như sau: 2. Về hoàn thuế đối với đầu tư - Tại điểm b khoản 2 Điều 15 Luật Thuế GTGT quy định: "2. Việc hoàn thuế đối với đầu tư được quy định như sau: b) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>tiếp theo đối với các trường hợp:</i> <i>c.1) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận hoặc chưa đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới hình thức văn bản theo quy định của pháp luật về đầu tư (trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này).</i> <i>Dự án đầu tư của cơ sở kinh</i>	khấu trừ và hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư. Tổ chức kinh tế mới thành lập, Ban Quản lý dự án, chi nhánh phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện của cơ sở kinh doanh, tổ chức kinh tế, chi nhánh cùng kỳ tính thuế (nếu có). Sau khi bù trừ nếu số thuế giá trị gia tăng đầu vào của dự án đầu tư chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định tại khoản này. Khi dự án đầu tư, giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư đã hoàn thành, trường hợp tổ chức kinh tế mới thành lập, Ban Quản lý dự án, chi nhánh không tiếp tục quản lý, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh mà do chủ dự án đầu tư trực tiếp quản lý, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc giao cho cơ sở kinh doanh khác quản lý, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh thì tổ chức kinh tế mới thành lập, Ban Quản lý dự án, chi nhánh phải bàn giao số thuế giá trị gia tăng chưa khấu trừ hết của dự án đầu tư để bàn giao cho chủ dự án đầu tư hoặc cơ sở kinh doanh được giao quản lý, vận hành hoạt động sản xuất, kinh doanh để tiếp tục kê khai, khấu trừ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh vào kỳ tính thuế tiếp theo ngày dự án đầu tư hoặc ngày giai đoạn đầu tư, hạng mục đầu tư hoàn thành. Trường hợp dự án đầu tư đang trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phải chấm dứt hoạt động dự án đầu	<i>gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp sau đây:</i> <i>b1) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký tại thời điểm nộp hồ sơ hoàn thuế; kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư hoặc không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động, trừ dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện;</i> <i>b2) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản (không bao gồm dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí quy định tại điểm a khoản này) và dự án đầu tư sản xuất sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật này."</i> - Tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP quy định về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện như sau: <i>"b) Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc các</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận; hoặc trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh không đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thời điểm không hoàn thuế giá trị gia tăng được tính từ thời điểm cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các loại giấy tờ nêu trên hoặc từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện cơ sở	tư, chưa phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính theo dự án đầu tư thì cơ sở kinh doanh phải nộp lại số thuế giá trị gia tăng đã được hoàn của dự án đầu tư vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý thuế; đối với số thuế giá trị gia tăng chưa được hoàn thì không được giải quyết hoàn thuế. b) Đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện thuộc các trường hợp sau thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này: b1) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận. b2) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận. b3) Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép	trường hợp sau thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với dự án đầu tư theo quy định tại điểm a khoản này: b.1) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận. b.2) Dự án đầu tư trong giai đoạn đầu tư, theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành chưa phải đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận. b.3) Dự án đầu tư theo quy định của pháp luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành không phải có giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.” Ngoài ra, tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 49/2022/NĐ-CP cũng quy định rõ về việc không hoàn thuế đối với dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh, dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động như sau:

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>kinh doanh không đáp ứng được các điều kiện về đầu tư kinh doanh có điều kiện.</i> <i>c.2) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản được cấp phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2016 hoặc dự án đầu tư sản xuất sản phẩm hàng hóa mà tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên theo dự án đầu tư; trừ dự án tìm kiếm thăm dò và phát triển mỏ dầu khí quy định tại điểm a khoản này.</i> <i>Việc xác định tài nguyên, khoáng sản; trị giá tài nguyên, khoáng sản và thời điểm xác định trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng thực hiện theo quy định tại khoản 11 Điều 3 Nghị định này.</i> <i>3. Cơ sở kinh doanh trong tháng (đối với trường hợp kê khai theo tháng), quý (đối với trường hợp kê khai theo quý) có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu bao gồm cả trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu vào khu phi thuế quan; hàng hóa nhập</i>	<i>hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận.</i> <i>c) Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng mà được kết chuyển số thuế chưa được khấu trừ của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư sang kỳ tiếp theo đối với các trường hợp sau đây:</i> <i>c1) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh không góp đủ số vốn điều lệ như đã đăng ký tại thời điểm nộp hồ sơ hoàn thuế.</i> <i>c2) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật về đầu tư trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này.</i> <i>c3) Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận; hoặc trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh không đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thời điểm không hoàn thuế giá trị gia tăng được tính từ thời điểm cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các loại giấy tờ</i>	<i>“Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi chưa đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng chưa được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo một trong các hình thức: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận hoặc chưa đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu tư kinh doanh có điều kiện mà không cần phải có xác nhận, chấp thuận dưới hình thức văn bản theo quy định của pháp luật về đầu tư (trừ các trường hợp quy định tại điểm b khoản này).</i> <i>Dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện không bảo đảm duy trì đủ điều kiện kinh doanh trong quá trình hoạt động quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế là dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện nhưng trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các giấy kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện: Giấy phép hoặc giấy chứng nhận hoặc văn bản xác nhận, chấp thuận; hoặc trong quá trình hoạt động cơ sở kinh doanh không đáp ứng được điều kiện để thực hiện đầu</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
khẩu sau đó xuất khẩu ra nước ngoài, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ từ 300 triệu đồng trở lên thì được hoàn thuế giá trị gia tăng theo tháng, quý; trường hợp trong tháng, quý số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ chưa đủ 300 triệu đồng thì được khấu trừ vào tháng, quý tiếp theo; trường hợp vừa có hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, vừa có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội địa nêu sau khi bù trừ với số thuế phải nộp, số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất kinh doanh hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu, trường hợp không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ của các kỳ khai thuế giá trị gia tăng tính từ kỳ khai thuế tiếp theo kỳ hoàn	nêu trên hoặc từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện cơ sở kinh doanh không đáp ứng được các điều kiện về đầu tư kinh doanh có điều kiện. c4) Dự án đầu tư khai thác tài nguyên, khoáng sản (không bao gồm dự án tìm kiếm thăm dò, phát triển mỏ dầu khí quy định tại điểm a khoản này) và dự án đầu tư sản xuất sản phẩm là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác quy định tại khoản 23 Điều 3 của Nghị định này. 3. Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% nếu có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng liên tục hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu nhiều mức thuế suất thuế giá trị gia tăng thì cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%, đối với số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng đồng thời cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% và sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu nhiều mức thuế suất khác (bao gồm hàng hóa chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% khâu kinh doanh thương mại) nếu không hạch toán riêng được thì số thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho sản xuất	tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật về đầu tư thì thời điểm không hoàn thuế giá trị gia tăng được tính từ thời điểm cơ sở kinh doanh bị thu hồi một trong các loại giấy tờ nêu trên hoặc từ thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, phát hiện cơ sở kinh doanh không đáp ứng được các điều kiện về đầu tư kinh doanh có điều kiện.” - Trước đây tại Thông tư số 219/2013/TT-BTC và Thông tư số 156/2013/TT-BTC và các văn bản sửa đổi, bổ sung có hướng dẫn trường hợp cơ sở kinh doanh có quyết định thành lập các Ban Quản lý dự án hoặc chi nhánh đóng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì Ban Quản lý dự án, chi nhánh phải lập hồ sơ khai thuế, hoàn thuế riêng với cơ quan thuế địa phương nơi đăng ký thuế. Khi dự án đầu tư để thành lập doanh nghiệp đã hoàn thành và hoàn tất các thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký nộp thuế, cơ sở kinh doanh là chủ dự án đầu tư phải tổng hợp số thuế GTGT phát sinh, số thuế GTGT đã hoàn, số thuế GTGT chưa được hoàn của dự án để bàn giao cho doanh nghiệp mới thành lập để doanh nghiệp mới thực hiện kê khai, nộp thuế và đề nghị hoàn thuế GTGT theo quy định với cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Tuy nhiên, tại Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29/7/2022 của Chính phủ không giao Bộ Tài chính hướng dẫn hoàn thuế GTGT đối với trường hợp này nên quy định hiện hành không còn hướng dẫn cụ thể việc kê khai thuế GTGT, bù trừ thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư đối với cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư trong trường hợp có thành lập chi nhánh hoặc các

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
thuế liên trước đến kỳ để nghị hoàn thuế hiện tại. <i>Cơ sở kinh doanh không được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với trường hợp: Hàng hóa nhập khẩu sau đó xuất khẩu mà hàng hóa xuất khẩu đó không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan; hàng hóa xuất khẩu không thực hiện việc xuất khẩu tại địa bàn hoạt động hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.</i> <i>Cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế trước, kiểm tra sau đối với người nộp thuế sản xuất hàng hóa xuất khẩu không bị xử lý đối với hành vi buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, trốn thuế, gian lận thuế, gian lận thương mại trong thời gian hai năm liên tục; người nộp thuế không thuộc đối tượng rủi ro cao theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.</i> <i>4. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá</i>	hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% được xác định theo tỷ lệ giữa doanh thu của hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% trên tổng doanh thu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế của kỳ hoàn thuế. Kỳ hoàn thuế được xác định từ kỳ tính thuế có số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hết đầu tiên đến kỳ tính thuế có đề nghị hoàn thuế. Số thuế giá trị gia tăng đầu vào của hoạt động sử dụng cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% (bao gồm số thuế giá trị gia tăng đầu vào hạch toán riêng được và số thuế giá trị gia tăng đầu vào được xác định theo tỷ lệ nêu trên) nếu sau khi bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp của hàng hóa, dịch vụ chịu thuế (nếu có) còn lại từ 300 triệu đồng trở lên thì cơ sở kinh doanh được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào sử dụng cho hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5%. Số thuế giá trị gia tăng đề nghị hoàn của hoạt động sử dụng cho sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% được xác định theo quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định này. 4. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng khi giải thể, phá sản có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết (trừ trường hợp cơ sở kinh doanh giải thể và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư quy định tại điểm a khoản 2	Ban Quản lý dự án để thay mặt chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án. Theo đó, người nộp thuế gặp vướng mắc khi thực hiện khai thuế GTGT, bù trừ thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư (kê khai tại Tờ khai 02/GTGT) với số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất, kinh doanh đang thực hiện. - Tại điểm d khoản 2 Điều 7 Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định: “d) Người nộp thuế đang hoạt động có dự án đầu tư thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng thì phải lập hồ sơ khai thuế giá trị gia tăng riêng cho từng dự án đầu tư; đồng thời phải bù trừ số thuế giá trị gia tăng của hàng hóa, dịch vụ mua vào sử dụng cho từng dự án đầu tư với số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) của hoạt động, kinh doanh đang thực hiện cùng kỳ tính thuế.”. Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP, Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC quy định rõ về việc hoàn thuế trong trường hợp cơ sở kinh doanh trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phải giải thể, phá sản chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động kinh doanh chính theo dự án đầu tư. Tuy nhiên, thực tế phát sinh vướng mắc do đối với trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đã được hoàn thuế nhưng phải chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính thì phải nộp lại số thuế GTGT đã được hoàn của dự án đầu tư do dự án đầu tư không phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>trị gia tăng khi chuyển đổi sở hữu, chuyển đổi doanh nghiệp, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản, chấm dứt hoạt động có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.</i> <i>Cơ sở kinh doanh trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng phải giải thể, phá sản hoặc chấm dứt hoạt động chưa phát sinh thuế giá trị gia tăng đầu ra của hoạt động kinh doanh chính theo dự án đầu tư thì chưa phải điều chỉnh lại số thuế giá trị gia tăng đã kê khai, khấu trừ hoặc đã được hoàn. Việc kê khai, tính nộp thuế trong trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư; bán tài sản của dự án đầu tư hoặc chuyển đổi mục đích sản xuất, kinh doanh của dự án đầu tư thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.</i> <i>5. Việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được</i>	Điều này). Cơ sở kinh doanh phải thực hiện theo quy định của pháp luật về giải thể, phá sản và quản lý thuế. Trường hợp chi nhánh của doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế giải thể, tổ hợp tác nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế chuyển đổi thành hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được kế thừa số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác, chi nhánh để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định. 5. Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (trừ thành viên của Tổ bay theo quy định của pháp luật về hàng không, thành viên của Đoàn thủy thủ theo quy định của pháp luật về hàng hải) mang hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị di lại quốc tế được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh. Hồ sơ, thủ tục, số thuế được hoàn, phương thức hoàn thuế đối với trường hợp quy định tại khoản này được quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định này. 6. Việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được quy định như sau: a) Chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính (bao gồm cả Văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam), tổ chức do phía nhà tài	Để đảm bảo chính sách minh bạch, tránh vướng mắc trong thực hiện, theo đó, Bộ Tài chính đề nghị quy định chi tiết về hoàn thuế đối với dự án đầu tư, trong đó quy định rõ: i) việc hoàn thuế trong trường hợp cơ sở kinh doanh là chủ dự án thành lập tổ chức kinh tế mới hoặc giao cho Ban Quản lý dự án, chi nhánh trực tiếp thực hiện, quản lý dự án đầu tư; ii) trường hợp dự án đầu tư của cơ sở kinh doanh đã được hoàn thuế nhưng phải chấm dứt hoạt động dự án đầu tư, chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động sản xuất, kinh doanh chính thì phải nộp lại số thuế GTGT đã được hoàn của dự án đầu tư. Nội dung quy định tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định. 3. Về hoàn thuế đối với cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% Tại khoản 3 Điều 15 Luật Thuế GTGT quy định: “Cơ sở kinh doanh chỉ sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% nếu có số thuế GTGT đầu vào chưa được khấu trừ hết từ 300 triệu đồng trở lên sau 12 tháng liên tục hoặc 04 quý liên tục thì được hoàn thuế GTGT; trường hợp cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu nhiều mức thuế suất thuế GTGT thì được hoàn thuế theo tỷ lệ phân bổ do Chính phủ quy định”. Trong thực tế, doanh nghiệp được tự do kinh doanh nên đa phần doanh nghiệp kinh doanh đa ngành nghề, rất ít doanh nghiệp chỉ sản xuất một lĩnh vực chịu thuế GTGT 5%. Theo đó, để đảm bảo công bằng đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung ứng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>quy định như sau:</i> a) <i>Chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam để phục vụ cho chương trình, dự án;</i> b) <i>Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam thì được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ đó.</i> 6. <i>Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ưu đãi miễn trừ ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán</i>	trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA (bao gồm cả Văn phòng đại diện của nhà tài trợ hoặc tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án do nhà tài trợ chỉ định) được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam để phục vụ cho chương trình, dự án. b) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam thì được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả cho hàng hóa, dịch vụ đó. 7. <i>Đối tượng được hưởng quyền ưu đãi miễn trừ ngoại giao theo quy định của pháp luật về ngoại giao mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam để sử dụng được hoàn số thuế giá trị gia tăng đã trả ghi trên hóa đơn giá trị gia tăng hoặc trên chứng từ thanh toán ghi giá thanh toán đã có thuế giá trị gia tăng.</i> 8. <i>Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</i> 9. <i>Cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp hoàn thuế quy định tại Điều này phải đáp ứng điều kiện</i>	dịch vụ chịu nhiều mức thuế suất thuế GTGT, tại khoản 3 Điều 15 Luật Thuế GTGT đã giao Chính phủ quy định cụ thể về hoàn thuế trong trường hợp này. Bên cạnh đó, để thống nhất công thức tính cũng như quy định về kỳ hoàn thuế, nhằm cung cấp dữ liệu đầy đủ để xác định số thuế GTGT để nghị hoàn của hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu giúp minh bạch, rõ ràng thông tin để nghị hoàn của người nộp thuế, cần thiết bổ sung Phụ lục xác định số thuế để nghị hoàn. Cơ quan thuế trên cơ sở đó có thể sử dụng các giải pháp công nghệ thông tin, tự động hóa quy trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế, áp dụng quản lý rủi ro trong đối chiếu thông tin để nghị hoàn thuế, nhằm giảm thời gian giải quyết hoàn thuế, kiểm soát chặt chẽ hồ sơ hoàn thuế. Để giúp cho doanh nghiệp có điều kiện và động lực để liên tục đầu tư phát triển, đổi mới, đa dạng sản phẩm nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc hoàn thuế đối với đối tượng sản xuất, kinh doanh hàng hóa, cung ứng dịch vụ chịu thuế GTGT 5%, theo thẩm quyền được giao tại Luật, Bộ Tài chính đề nghị quy định về hoàn thuế đối với trường hợp cơ sở kinh doanh sản xuất hàng hóa, dịch vụ chịu thuế suất thuế GTGT 5% tại khoản 3 Điều 11 dự thảo Nghị định. 4. Về hoàn thuế đối với trường hợp giải thể, phá sản Tại khoản 4 Điều 15 Luật Thuế GTGT quy định: <i>“4. Cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế được hoàn thuế giá trị gia</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
<i>đã có thuế giá trị gia tăng.</i> 7. <i>Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo người khi xuất cảnh.</i> 8. <i>Cơ sở kinh doanh có quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.</i>	sau đây: a) Cơ sở kinh doanh thuộc trường hợp được hoàn thuế theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này phải là cơ sở kinh doanh nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế, lập và lưu giữ sổ kế toán, chứng từ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; có tài khoản tiền gửi tại ngân hàng theo mã số thuế của cơ sở kinh doanh. b) Đáp ứng quy định về khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào theo quy định tại Điều 10 và không thuộc trường hợp quy định tại khoản 17 Điều 9 Nghị định này. c) Người bán đã kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo quy định đối với hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế được xác định như sau: c1) Tại thời điểm đề nghị hoàn thuế người bán đã kê khai, nộp đầy đủ số thuế giá trị gia tăng phải nộp của các kỳ tính thuế tương ứng với các hóa đơn đã xuất cho cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế. Trường hợp tại thời điểm đề nghị hoàn thuế có người bán chưa kê khai, nộp thuế đầy đủ thì cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế được hoàn thuế giá trị gia tăng đầu vào của các hóa đơn đã được người bán kê khai, nộp đầy đủ số thuế giá trị gia tăng phải nộp của các kỳ tính thuế tương ứng với các hóa đơn đó. Đối với các hóa đơn tương ứng với các kỳ tính thuế chưa được người bán kê khai, nộp đầy đủ số thuế giá trị gia tăng phải nộp	<i>tăng khi giải thể, phá sản có số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết.</i> <i>Trường hợp tổ hợp tác nộp thuế theo phương pháp khấu trừ thuế chuyển đổi thành hợp tác xã thì hợp tác xã được kế thừa số thuế giá trị gia tăng nộp thừa hoặc số thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa được khấu trừ hết của tổ hợp tác để khấu trừ, hoàn thuế theo quy định."</i> Tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP, Điều 2 Thông tư số 25/2018/TT-BTC quy định rõ về việc hoàn thuế trong trường hợp cơ sở kinh doanh trong giai đoạn đầu tư chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phải giải thể, phá sản chưa phát sinh thuế GTGT đầu ra của hoạt động kinh doanh chính theo dự án đầu tư. Để đảm bảo minh bạch chính sách, tránh vướng mắc trong thực hiện, Bộ Tài chính đề nghị quy định chi tiết về hoàn thuế đối với trường hợp giải thể, phá sản tại khoản 4 Điều 11 dự thảo Nghị định. 5. Về hoàn thuế đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh Tại khoản 5 Điều 15 Luật Thuế GTGT quy định: "<i>Người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế được hoàn thuế đối với hàng hóa mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh.</i> <i>Chính phủ quy định hồ sơ, thủ tục, số thuế được hoàn, phương thức hoàn thuế đối với trường hợp quy</i>

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	thì cơ sở kinh doanh đề nghị hoàn thuế được hoàn thuế khi người bán đã kê khai, nộp đầy đủ số thuế giá trị gia tăng phải nộp kỳ tính thuế đó. c2) Quy định tại điểm c1 áp dụng cho kỳ tính thuế từ tháng 7/2025 hoặc quý III/2025. 10. Người nộp thuế thuộc trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng, có số thuế giá trị gia tăng đầu vào đáp ứng đầy đủ điều kiện hoàn thuế theo quy định tại Điều này và tuân thủ các quy định về khai thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, lập hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng đối với từng trường hợp hoàn thuế giá trị gia tăng và gửi đến cơ quan thuế có thẩm quyền tiếp nhận. Cơ quan thuế phân loại hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng thuộc diện hoàn thuế trước hoặc kiểm tra trước hoàn thuế và giải quyết hồ sơ hoàn thuế giá trị gia tăng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.	<i>định tại khoản này”.</i> Hiện nay, việc hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh đang được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngày 30/5/2014 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 92/2019/TT-BTC ngày 31/12/2019 của Bộ Tài chính). Tại Thông tư số 72/2014/TT-BTC ngoài quy định về đối tượng được hoàn thuế, hồ sơ, thủ tục, số thuế được hoàn, phương thức hoàn thuế đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mang theo khi xuất cảnh thì còn quy định cụ thể về một số nội dung liên quan đến doanh nghiệp bán hàng hoàn thuế (điều kiện, hồ sơ, thủ tục lựa chọn, điều chỉnh, chấm dứt hoạt động, quyền và nghĩa vụ,...), ngân hàng thương mại làm đại lý hoàn thuế (điều kiện, thủ tục lựa chọn, chấm dứt hoạt động, quyền và nghĩa vụ,...), trách nhiệm, quyền hạn của cơ quan hải quan, cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước,... Kế thừa các quy định đang thực hiện ổn định, đảm bảo nguyên tắc chỉ quy định những nội dung được giao tại Luật, Bộ Tài chính đề nghị quy định về đối tượng được hoàn thuế, hồ sơ, thủ tục, số thuế được hoàn, phương thức hoàn thuế đối với hàng hóa của người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua tại Việt Nam mang theo khi xuất cảnh tại quy định tại khoản 5 Điều 11 dự thảo Nghị định và Phụ lục ban hành kèm theo dự thảo Nghị định, trong đó đối tượng được hoàn thuế không bao gồm thành viên của Tổ bay

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		theo quy định của pháp luật về hàng không, thành viên của Đoàn thủy thủ theo quy định của pháp luật về hàng hải. Nội dung quy định tại khoản 5 Điều 11 dự thảo Nghị định. 6. Về hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo Tại khoản 6 Điều 15 Luật Thuế GTGT quy định: <i>"Việc hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo được quy định như sau:</i> <i>a) Chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại được hoàn số thuế GTGT đã trả cho hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam để phục vụ cho chương trình, dự án;</i> <i>b) Tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ không hoàn lại, tiền viện trợ nhân đạo của tổ chức, cá nhân nước ngoài để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho chương trình, dự án viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại Việt Nam thì được hoàn số thuế GTGT đã trả cho hàng hóa, dịch vụ đó."</i> Thực tế phát sinh vướng mắc khi thực hiện một số dự án do Hoa Kỳ tài trợ khi chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính giao cho Văn phòng điều hành của nhà thầu chính tại Việt Nam, Văn phòng đại diện của

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		nhà tài trợ hoặc chỉ định tổ chức quản lý, thực hiện chương trình, dự án. Theo đó, để đảm bảo bao quát đầy đủ các trường hợp phát sinh trong thực tế, tránh vướng mắc trong thực hiện, Bộ Tài chính đề nghị quy định chi tiết về hoàn thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo tại khoản 6 Điều 11 dự thảo Nghị định.
Điều 11. Nơi nộp thuế 1. Người nộp thuế kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi sản xuất, kinh doanh. 2. Người nộp thuế kê khai, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc đóng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác với tỉnh, thành phố nơi đóng trụ sở chính thì phải nộp thuế giá trị gia tăng tại địa phương nơi có cơ sở sản xuất và địa phương nơi đóng trụ sở chính. Bộ Tài chính hướng dẫn cụ thể quy định tại Điều này.		
Điều 12. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực	Điều 12. Hiệu lực thi hành 1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, trừ quy định tại khoản 2 Điều	Tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và thay thế các Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2008 và số 121/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng. Bãi bỏ Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 92/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2013 quy định chi tiết thi hành một số điều có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. 2. Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định này. 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.	này. 2. Quy định về mức doanh thu của hộ, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuộc đối tượng không chịu thuế tại khoản 25 Điều 3 Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026. 3. Nghị định này thay thế: a) Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng. b) Nghị định số 49/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017. c) Quy định việc xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên tại điểm a khoản 1 Điều 11 và khoản 2 Điều 15 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 ngày 9 tháng 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của	sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ) quy định như sau: “11. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác. Sản phẩm xuất khẩu là hàng hóa được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng trị giá tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên, trừ các trường hợp sau: - Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh trực tiếp khai thác và chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng. - Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ tài nguyên, khoáng sản do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến mà trong quy trình chế biến đã thành sản phẩm khác sau đó lại tiếp tục chế biến ra sản phẩm xuất khẩu (quy trình chế biến khép kín hoặc thành lập phân xưởng, nhà máy chế biến theo từng công đoạn) thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu), <i>điểm b khoản 2 Điều 4 và Mẫu số 14, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan</i> bằng quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định này. 4. Bãi bỏ quy định tại: a) Điều 2 Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế. b) Điều 3 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế. c) Điều 1 Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế. d) Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày	áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng. - Sản phẩm xuất khẩu được chế biến từ nguyên liệu chính không phải là tài nguyên, khoáng sản (tài nguyên, khoáng sản đã chế biến thành sản phẩm khác) do cơ sở kinh doanh mua về chế biến hoặc thuê cơ sở khác chế biến thành sản phẩm xuất khẩu thì sản phẩm xuất khẩu này thuộc đối tượng áp dụng thuế suất thuế giá trị gia tăng 0% nếu đáp ứng được các điều kiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 12 Luật Thuế giá trị gia tăng. Tài nguyên, khoáng sản quy định tại khoản 23 Điều 5 của Luật Thuế giá trị gia tăng là tài nguyên, khoáng sản có nguồn gốc trong nước gồm: Khoáng sản kim loại; khoáng sản không kim loại; dầu thô; khí thiên nhiên; khí than. Trị giá tài nguyên, khoáng sản đưa vào chế biến được xác định như sau: Đối với tài nguyên, khoáng sản trực tiếp khai thác là chi phí trực tiếp, gián tiếp khai thác ra tài nguyên khoáng sản không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi khai thác đến nơi chế biến; đối với tài nguyên, khoáng sản mua để chế biến tiếp là giá thực tế mua không bao gồm chi phí vận chuyển tài nguyên, khoáng sản từ nơi mua đến nơi chế biến. Chi phí năng lượng gồm: Nhiên liệu, điện năng, nhiệt năng. Tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ. 5. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật quy định viện dẫn tại Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.	lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định căn cứ vào quyết toán năm trước và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu. Trường hợp năm đầu tiên xuất khẩu sản phẩm thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo phương án đầu tư và tỷ lệ này được áp dụng ổn định trong năm xuất khẩu; trường hợp không có phương án đầu tư thì tỷ lệ trị giá tài nguyên, khoáng sản và chi phí năng lượng trên giá thành sản xuất sản phẩm được xác định theo thực tế của sản phẩm xuất khẩu.” Tại khoản 23 Điều 5 dự thảo Nghị định quy định sửa đổi, bổ sung về sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản như sau: “23. Sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác chưa chế biến thành sản phẩm khác và sản phẩm xuất khẩu là tài nguyên, khoáng sản khai thác đã chế biến thành sản phẩm khác theo định hướng của nhà nước về không khuyến khích xuất khẩu, hạn chế xuất khẩu các tài nguyên, khoáng sản thô được quy định tại Danh mục (Phụ lục I, Phụ lục II) ban hành kèm theo Nghị định này.” Tại điểm a khoản 1 Điều 11 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01/9/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu) quy định như sau: “Điều 11. Miễn thuế đối với hàng hóa xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công nhập khẩu 1. Hàng hóa xuất khẩu để gia công, sản phẩm gia công nhập khẩu theo hợp đồng gia công được miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu theo quy định tại khoản 6 Điều 16 Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, gồm: a) Nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu. Trị giá hoặc lượng nguyên liệu, vật tư, linh kiện đã xuất khẩu tương ứng với sản phẩm gia công không nhập khẩu trở lại phải chịu thuế xuất khẩu theo mức thuế suất của nguyên liệu, vật tư, linh kiện xuất khẩu. Hàng hóa xuất khẩu là tài nguyên khoáng sản, sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên và hàng hóa (trừ phế liệu tạo thành trong quá trình sản xuất, gia công xuất khẩu từ hàng hóa nhập khẩu) xuất khẩu để gia công thuộc đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thì không được miễn thuế xuất khẩu. Việc xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản phẩm trở lên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP.” Tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 18/2021/NĐ-CP) quy định như sau: “2. Việc xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng dưới 51 % giá thành sản phẩm căn cứ vào quy định về xác định sản phẩm có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51 % giá thành sản phẩm trở lên quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn Nghị định này.” Tại điểm b khoản 2 Điều 4 Nghị định số 26/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ về Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi, Danh mục hàng hóa và mức thuế tuyệt đối, thuế hỗn hợp và thuế nhập khẩu ngoài hạn ngạch thuế quan quy định như sau: “2. Các mặt hàng xuất khẩu thuộc nhóm có STT 211 tại Biểu thuế xuất khẩu đáp ứng đồng thời 02 điều kiện sau: a) Điều kiện 1: Vật tư, nguyên liệu, bán thành phẩm (gọi chung là hàng hoá) không thuộc các nhóm có STT từ 01 đến STT 210 tại Biểu thuế xuất khẩu.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		b) Điều kiện 2: Được chế biến trực tiếp từ nguyên liệu chính là tài nguyên, khoáng sản có tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên. Việc xác định tổng giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng với chi phí năng lượng chiếm từ 51% giá thành sản xuất sản phẩm trở lên thực hiện theo quy định tại Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế và Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có). Hàng hóa xuất khẩu thuộc các trường hợp loại trừ quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 không thuộc nhóm có STT 211 của Biểu thuế xuất khẩu ban hành kèm theo Nghị định này.” Tại Mẫu số 14, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 26/2023/NĐ-CP hướng dẫn kê tỷ lệ giá trị tài nguyên, khoáng sản cộng chi phí năng lượng trong giá thành sản phẩm của hàng hóa xuất khẩu thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP. Do Nghị định này sẽ bãi bỏ Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
		Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế GTGT, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Quản lý thuế (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ) nên để tránh vướng mắc trong thực hiện, tránh khoảng trống pháp lý, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định chi tiết điểm c khoản 3 Điều 12 dự thảo Nghị định
	Điều 13. Điều khoản chuyển tiếp 1. Đối với dự án đầu tư đã được đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 20025 có hiệu lực thi hành mà vẫn đang trong giai đoạn đầu tư kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được áp dụng quy định hoàn thuế đối với đầu tư tại khoản 2 Điều 11 Nghị định này. 2. Quy định về hoàn thuế giá trị gia tăng đối với hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng 5% quy định tại khoản 3 Điều 11 Nghị định này áp dụng đối với số thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ hết phục vụ sản xuất, cung cấp dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng 5% phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.	Luật Thuế GTGT hiện hành quy định hoàn thuế đối với dự án đầu tư mới, Luật Thuế GTGT số 48/2024/QH15 quy định hoàn thuế đối với dự án đầu tư (dự án đầu tư mới, dự án đầu tư mở rộng). Do đó, để tránh vướng mắc khi thực hiện, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định: i) về hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư mở rộng được áp dụng đối với trường hợp cơ sở kinh doanh có dự án đầu tư mở rộng đã được đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 mà vẫn đang trong giai đoạn đầu tư kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được áp dụng quy định hoàn thuế đối với đầu tư tại khoản 2 Điều 11 dự thảo Nghị định; ii) quy định về hoàn thuế GTGT đối với hoạt động sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế GTGT 5% áp dụng đối với số thuế giá trị gia tăng chưa được khấu trừ hết phục vụ sản xuất hàng hóa, cung cấp dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng 5% phát sinh kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành. Nội dung quy định chi tiết tại Điều 13 dự thảo Nghị định.

VĂN BẢN ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THAY THẾ	DỰ THẢO VĂN BẢN	THUYẾT MINH
	Điều 14. Trách nhiệm thi hành 1. Bộ Tài chính <i>quy định chi tiết các điều, khoản được giao tại Nghị định và hướng dẫn thực</i> Nghị định này theo chức năng, nhiệm vụ đảm bảo yêu cầu quản lý. 2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.	